

hoạ đàm

Chủ Nhật, 16 tháng 2, 2014

WWW.HOADAMNEWS.COM

Bộ mới 2014. Số 14



GÓC KHUYẾT CUỘC ĐỜI

TRÌNH TRẠNG THUY



Sống trong một xã hội mà một con sói thiếu thời giờ lúc nào cũng rình rập, thì căn bệnh "quen" đã trở nên một hội chứng bất trị của nhiều người. Thử hỏi một ngày bạn quay cuồng trong công việc tất bật từ lúc tối sớm làm cho đến khi về nhà,

email: laien.t.ra.n | tcongduc@gmail.com

xem tiếp trang 15

ĐẠO PHẬT VỚI THANH NIÊN THỜI HỘI NHẬP

THÍCH THIÊN HẠNH



Đa số người Việt Nam cho rằng Đạo Phật chỉ dành riêng cho các bậc già nua tuổi tác, nhờ câu kinh tiếng kệ an ủi những ngày cuối đời, hoặc kể bị tình đời đến

xem tiếp trang 8

TÂM BÚT

GIẤC MƠ VIỆT NAM

TRẦN TRUNG ĐẠO



Nhà bình luận nổi tiếng của chương trình News Hour, Roger Rosenblatt, tóm lược về nguồn gốc nước Mỹ: "Quốc gia được thành lập từ những giấc mơ, và cũng qua đó, đã hun đúc nên giấc mơ của cả một quốc gia"

Vàng đứng thế. Ngoài trừ số nhỏ người bán xứ, đất nước Hoa Kỳ được xây dựng nên do bàn tay và khối óc của những kẻ bèn ngoài. Họ đến đây từ

xem tiếp trang 2

TƯƠNG LAI VĂN HÓA VIỆT NAM

THÍCH NHẤT HẠNH

Mỗi ngày nào đây hai đứa còn trát bùn lên mặt, đùa giỡn với nhau bên bờ ao, vậy mà bây giờ các con đã lớn và đã bắt đầu lo nghĩ tới chuyện đời rồi. Cuộc đời nhiều chuyện lắm, ta ngại các con sẽ ít có cơ hội để ngồi lại cùng nhau mà xét nghĩ cho chín chắn về việc tương lai. Tuổi ta đã cao mà câu chuyện ta muốn nói với hai con lại là một câu chuyện cần được nói trong tĩnh lặng, vì vậy ta đã lấy giấy bút để viết những dòng này cho các con.

xem trang 3

VẤN ĐỀ GIÁO DỤC TUỔI TRẺ VIỆT NAM HẢI NGOẠI

GS NGUYỄN SỸ TẾ

Ở trong nước trước kia, gia đình nào có con gù ra học ở nước ngoài, cha mẹ thường có một mối lo âu dai dẳng. Lo âu vì những cạm bẫy của đời sống quá dư thừa, nhưng quyền tự do rộng rãi, cảnh sống xa nhà

dễ khiến cho con cái họ sinh ra chơi bời hư hỏng, không còn nghĩ tới con đường trở về quê hương nữa. Và thế là họ mất con. Sự việc này không nhiều, nhưng thường xuyên xảy ra mỗi dịp, nên đã trở thành một cái lệ.

Tại hải ngoại ngày nay, điển hình là Hoa Kỳ, các gia đình đi tị nạn chính trị, các gia đình vượt biên tìm tự do đương nhiên đem con cái của họ đi theo. Tuổi trẻ hải ngoại thường sống với gia đình, cha mẹ và anh chị em.

xem tiếp trang 20

HẢI NGOẠI VÀ DÒNG SINH MỆNH PHẬT GIÁO

ĐÀO VĂN BÌNH



Trước đây người Việt đã có mặt trên khắp thế giới - đặc biệt tại Mỹ, Pháp, Đức, Úc, Nga, Đông Âu v.v... là do các chương trình du học hoặc làm việc trong các toà đại

xem tiếp trang 5

SỰ THAY ĐỔI NGHĨA CỦA TỪ "TÔI"

TRẦN QUANG ĐỨC



Tôi vốn có nghĩa là phần tôi tớ, thuộc hạ, sau được dùng làm đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất, tỏ ý khiêm nhường, hạ thấp mình trước đối phương,

xem tiếp trang 4

thơ VĂN CÔNG MỸ BÀI LỤC BÁT RONG BUỒN

UYÊN NGUYỄN. 7g.20



tiếp theo trang 1

GIẤC MƠ VIỆT NAM



Ảnh: iPho.com.vn

trăm nga đường khác nhau và hàng trăm vùng đất khác nhau.

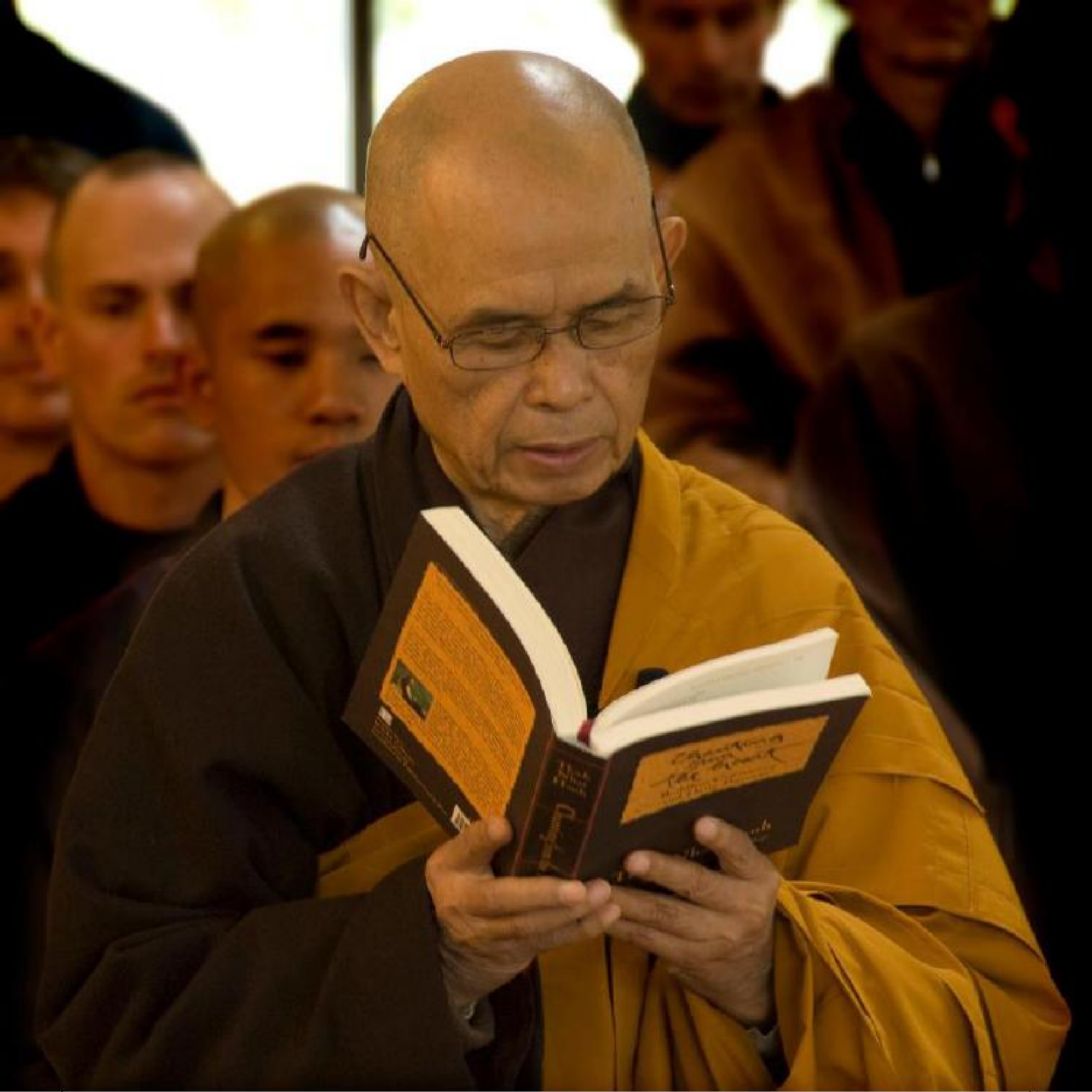
Cậu bé có tên Mỹ là Irving Berlin sinh tại Nga vào năm 1888. Cậu theo cha mẹ đến định cư tại New York khi mới vừa lên 4 tuổi. Khi còn rất nhỏ, cậu Irving phải vừa làm nghề dọn chén bát trong một nhà hàng và vừa học sáng tác nhạc, một bộ môn mà cậu say mê. Sau khi nhạc phẩm đầu tay được xuất bản vào lúc 13 tuổi, tên tuổi của nhạc sĩ trẻ tại bà

Irving Berlin đã trở thành đồng nghĩa với nền âm nhạc Hoa Kỳ thế kỷ 20 qua những nhạc phẩm vượt thời gian như God Bless America, White Christmas, v.v... Bà Madeleine Albright, cựu Bộ Trưởng Ngoại Giao và là người phụ nữ đầu tiên giữ chức vụ cao cấp nhất trong chính phủ Hoa Kỳ, vốn là người Tiếp Khúc. Cha mẹ bà đã phải vượt qua nhiều biến cố để trốn tránh chế độ Cộng Sản khi tị nạn xích xe tăng Liên Xô nghiền nát đường phố thủ đô Prague

vào năm 1948. Cuối cùng bà cùng gia đình đã vượt thoát được và định cư tại Hoa Kỳ khi Madeleine Albright vừa 11 tuổi. Bà theo học Luật, đỗ tiến sĩ và cách đây không lâu, trở thành người phụ nữ đầu tiên giữ chức Ngoại Trưởng Hoa Kỳ.

Edward Bannister, họa sĩ nổi tiếng về phong cảnh của Mỹ là một người da đen thuộc vùng West Indian, Phi Châu. Ông đến định cư tại Mỹ qua nga Canada vào năm 1848. Tác phẩm Under

xem tiếp trang 18



Nhân sự? ĐỨC NHẬT KHEN (ảnh: Long Hoi)

tiếp theo trang 1

TƯƠNG LAI VĂN HÓA VIỆT NAM

CÂY ĐÀO VÀ CON ONG

Đầu ta muốn nói trước tiên với hai con là ta có đức tin vững chắc với hai con. Các con hãy ý thức về tự do của mình. Không ai có quyền buộc các con làm nhưng gì mà các con không muốn làm và cấm các con làm nhưng gì mà các con muốn làm. Ngay bây giờ và rồi đây trong tương lai, các con hãy chỉ hành động theo nhận thức của các con. Quyết định của các con đúng hay sai, điều đó không quan trọng mấy. Quan trọng là ở chỗ các con học được bài học kinh nghiệm và mỗi khi quyết tâm về một việc gì, các con có ý thức tính toán về quyết định ấy và cam đảm nhận lấy trách nhiệm. Được như thế thì dù con đây hay đã khuất rồi, ta cũng sẽ vui lòng cùng chịu chung trách nhiệm với các con.

Ta thấy các bậc cha mẹ thường hay lo lắng quá

đáng cho con cháu của mình, và dù con cháu đã lớn khôn, họ cũng luôn luôn có cảm tưởng là con cháu họ vẫn còn nhỏ bé và dặt dẹo. Cũng vì vậy mà họ cứ theo sát để bảo vệ và giáo dục con cháu khiến cho đàn hậu tiến có cảm tưởng mất tự do. Ta thì ta thấy rằng từ khi lọt lòng mẹ, các con đã nhận được đầy đủ tất cả những kỹ thức của giống nòi rồi. Cách đây hai mươi năm, ta đã uon trong vườn nhà một hạt đào. Hạt đào đã mọc thành một cây đào tuốt tốt, khỏe mạnh, lá cành xanh tốt. Cây đào nở hoa mỗi năm và làm nên nhưng trái đào rất thơm và rất ngọt. Trong hạt đào năm xưa, giống giống đào tiên đã kỹ thức tất cả tri tuệ và ước vọng của mình. Không cần ai giáo dục mà hạt đào vẫn biết nứt mầm, làm lá, làm cành, làm hoa, làm trái.

Có lẽ một số các cô và các chú của con khi đó đọc đến nhưng dòng trên sẽ

cho rằng ta muốn đưa con cháu trở về với nếp sống dã man không pháp luật, không giáo dục, không đạo đức, không văn hóa. Có lần ta nghe nhà văn Triều Sơn nói: "Một xã hội có văn hóa là khi nào nó đưa ra ngoài cái tình trạng sinh hoạt thiên nhiên của thú vật. Ra ngoài bằng cách thích ứng với hoàn cảnh và thay đổi hoàn cảnh để nó thích ứng với mình mà thỏa mãn những nhu cầu của mình. Ra ngoài bằng hoạt động lao tác". Nhà văn Triều Sơn làm như các loại thực vật và động vật (khác) không biết thích ứng với hoàn cảnh và thay đổi hoàn cảnh và hoạt động lao tác. Cây đào trong vườn nhà nhà ta biết thích ứng với hoàn cảnh làm chừa. Các con ông thường đến viếng cây đào vào mùa Xuân cũng biết thích ứng với hoàn cảnh, thay đổi hoàn cảnh và hoạt động lao tác làm chừa. Vốn

xem tiếp trang 6



Ảnh minh họa Tranh sơn dầu của người Pháp miêu tả kỷ về toàn cảnh Đại triều của các quan nhà Nguyễn. Nguồn: Philippe Trương.

xem tiếp trang 1

SỰ THAY ĐỔI NGỮ NGHĨA CỦA TỪ "TÔI"

tuong tự như từ Thấm 浸 và Bộc 洩 trong tiếng Hán và tiếng Nhật.

Từ điển Việt - Bồ - La ấn hành năm 1651 giải thích: "Tôi: Đầy tớ, gia nhân, thuộc hạ. Làm tôi. Cùng một nghĩa. Tôi ta: Tôi tớ"; "Tôi: cách nói khiêm hạ. Tôi lại ông: Tôi tôn kính sự làm chủ của ông." (1)

Giáo sĩ Marini ở tại Đàng Ngoài năm 1646 - 1658, ghi lại hình thức chào của người Việt cho biết, khi gặp vua người Việt thưa: "Tôi tâu đức Vua" (Tôi tâu Đức vua), gặp chúa thì thưa: "Tôi đọu Chúa" (Tôi động Chúa), với hoàng tử và các quan đại thần thì thưa "Tôi thần đức ous" (Tôi thần Đức ông), và với những người có địa vị cao hơn mình thì thưa rằng: "Tôi Ciêng" (Tôi chiêng). (2)

Đỗ Thế Giai (1709 - 1766), vị quan vào thời Lê Trịnh, trong các tờ khải dâng lên vua Lê chúa Trịnh báo giớ cung mô đầu bằng câu: "Tôi cần khải vâng lạy Đức bệ trên" (3)

Lê Chất (1769 - 1826), vị quan triều Tây Sơn sau theo nhà Nguyễn, trong tờ tấu chầu Nôm gửi lên vua Gia Long, thưa rằng: "Tấu với Đức hoàng thượng muôn muôn năm cao minh ngự lâm", cuối tờ tấu viết: "Chúng tôi thất lo thất sợ cúi vạy. Đức hoàng thượng muôn muôn năm. Ngày 10 tháng 12 năm Gia Long thứ 16 (1817). Bệ tôi Lê Tông Chất can tấu." (4)

Đại từ này về sau dần thay đổi ngữ nghĩa, chuyển từ thái độ khiêm hạ sang ngang hàng, được sử dụng trong những trường hợp lịch sự, quan phương. Tôi cho rằng sự thay đổi này chỉ diễn ra vào quang bốn năm chục năm trở lại đây mà thôi. Bớt bạn tôi (tám 40 tuổi) theo đạo, thường nói họ luôn bán khoán không hiếu sao ngày bé khi vào nhà thờ, họ lại xưng là /tôi/ trước chúa, còn giờ thì nhất loạt đổi xưng từ /con/. Duyệt do đại thể là như vậy.

PS: Bên cạnh từ /tôi/, người Việt còn sử dụng những từ như ta, tao, mình, qua v.v. để tự xưng. Theo Từ điển Từ cổ của Vương Lực:

Qua: Từ người chồng tự xưng với vợ hoặc người lớn tự xưng với người ít tuổi. Qua xem tướng bậu ngày thơ đã đánh (LVT). Bậu nói với qua bậu không lang chạ, vợ lẽ ra rồi đánh dạ bậu chưa (ca dao).

Mình: Từ người trên tự xưng khi nói với người dưới; ta, tao. Kế tuổi nhà mình ngoài bốn mươi, Văn mình khắp khênh, học mình lười (Trần Tế Xương

- Thi cơm rượu). Này này sự đa quá nhien, thôi đa cướp sống chồng mình đi rồi (Kiểu).

Phò: Từ dùng trước một số danh từ, đại từ để diễn đạt ý nghĩa số nhiều; các, chung. Phò người học đạo, vô số nhiều thay (Thiền tông bản hạnh). Phò người, phò nuôi (Đại Nam quốc âm tự vị, các người). Nhân nhủ phò bảy đạo cái con (Quốc âm thi tập). Phò bảy xét nghe ... (Phật thuyết đại báo phụ mẫu ân trọng kinh). Tôi đã nói ra cùng phò ông. ... (Phép giảng tám ngày). Bảy nhieu lời cha đã nói là lời trời sau hết thì phò con phải giữ (Sách số sang chép các việc).

Từ điển Việt Bồ La 1651 giải thích:

Ta: Người bé trên noi như vậy với nhưng người bé dưới, nhưng phải là nhưng người bé dưới trang trọng.

Tao: Người trên noi với nhưng người rất thấp như cha noi với con, người quyền quý noi với tiện dân.

Thiền tông bản hạnh do sư Chân Nguyên (1647 - 1726) soạn, kể về hạnh trạng của vua Trần Nhân Tông, có những đoạn hội thoại giữa vua Nhân Tông với tỳ tưng, với các quan. Ở đây vua tự xưng là TAO, gọi kẻ dưới là BAY. Ví dụ:

-Thị tống bay đi cùng tao, thăm xem dân thế đường nào cho hay.
-Nhân Tông mỉm cười thốt ra: [...] Long tao quảng độ chúng sinh, Đâu Đâu khó hạnh giáo thanh truyền đời.
-Nhân Tông thốt báo rằng: Bay! Long tao thuở này muốn tới Ngọa Vân [...] Gọi lấy Báo Sát cho tao, có lời được như tiêu hao mọi lòng [...] Pháp Loa tao đã truyền lòng, làm đệ nhị tổ nối dòng Như Lai.

TRẦN QUANG ĐỨC

Chú thích:

1. Từ điển Việt - Bồ - La của Alexandre de Rhodes.
2. Bản báo cáo "Sự mệnh của những nhà truyền giáo Đông Tera tại Nhật Bản, đặc biệt là nhiệm vụ tại Đàng Ngoài" của cha Marini. Dẫn theo Những lời khách Ý trong hành trình khám phá Việt Nam. Lưu ý: Dòng: Từ thưa gửi với Chúa Thánh. Từ điển Việt Bồ La: "Tiếng danh dự mà bất cứ ai bắt đầu thưa với Chúa xứ Đông Kinh Dòng Chúa muốn nói; Làm khởi động chúa". Tháo từ quy dòng kinh tế (Phạm Công Cư Học). Thêm 甲: Noi. Chiêng: từ tính 聖, thưa gửi với người trên. Chiêng kung chiêng cha, thượng hạ từ đồng.
3. Gia phả họ Đỗ ở thôn Đông Ngạc 杜族家譜 "Đo tộc gia phả".
4. Dẫn theo Tập chí Hán Nôm số 6 (121) 2013.

TRONG SỐ NÀY

Số 13

CHỦ NHẬT, 9 THÁNG 2, 2014

TUONG LAI VĂN HÓA VIỆT NAM - Thích Nhất Hạnh, tr.1 • **VẤN ĐỀ GIÁO DỤC TUỔI TRẺ VIỆT NAM HẢI NGOẠI** - Nguyễn Sỹ Tế, tr.1 • **ĐẠO PHẬT VỚI THANH NIÊN THỜI HỘI NHẬP** - Thích Thiên Hạnh, tr.1 • **GÓC KHUẤT CUỘC ĐỜI** - Trịnh Thanh Thủy, tr.1 • **GIẤC MƠ VIỆT NAM** - Trần Trung Đạo, tr.1 • **HẢI NGOẠI VÀ DÒNG SINH MỆNH PHẬT GIÁO** - Đào Văn Bình, tr.1 • **SỰ THAY ĐỔI NGỮ NGHĨA CỦA TỪ "TÔI"** - Trần Quang Đức, tr.1 • **BÀI THO VẬN NƯỚC VÀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ CỦA THIÊN SƯ PHÁP THUẬN** - Tri Siêu, tr.5 • **PHẬT GIÁO VIỆT NAM BIẾN CỐ VÀ TƯ LIỆU** (tt) - VP2VHD, tr.5 • **TÓNG LUẬN VỀ VĂN HỌC PHẬT GIÁO VIỆT NAM HẢI NGOẠI** - Huỳnh Kim Quang, tr.6 • **GỐC TÙNG** - Tuệ Sỹ, tr.7 • **ĂN GIỎ** - Nguyễn Man Nhiên, tr.12 • **thơ ĐOÀN ĐỨC VIÊN: CỎ / ĐÊM ĐỌC THƠ LÊ ĐẠT / MỖI EM NÓT CÒN ĐUÔNG**, tr.13 • **ĐI CHÙA ĐỂ NHÌN LẠI QUÊ HƯƠNG** - Trần Ngân Hà, tr.14 • **Thơ HUỲNH KHÔNG: NHỚ CHÙA**, tr.14 • **HỘI HỌA/NHIẾP ẢNH: NGUYỄN MAN NHIÊN: TRONG BÓNG TỐI CHÚNG TÔI LÀ THÂN RẼ**, tr.16 • **THƠ VĂN CÔNG MỸ: BÀI LỤC BÁT "RONG BUỒN"** - Uyên Nguyễn, tr.20 • **DI SẢN** - Hoàng Long, tr.22 • **HỘI HỌA ĐỎ TRUNG QUÂN**, tr.22, 23 • **thơ VĨNH HẢO: BUÔNG**, tr.25 • **Thơ NGUYỄN VĂN ANH: MÙI CỦA ME**, tr.32 • **Thơ TRẦN VĂN LÊ: THẮNG GIỀNG**, tr.35

Nhóm Kết Tập HOA ĐÀM

Chịu trách nhiệm:

NGUYỄN VIỆT

9741 Bolsa Ave Suite: 216,
Westminster, California 92683.
714.765.9844

Mọi kiến xây dựng,

đóng góp bài vở,

xin gửi về địa chỉ:

hoacdamnews1@gmail.com

BÀI THƠ VẬN NƯỚC VÀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ CỦA THIỀN SƯ PHÁP THUẬN

TRÍ SIÊU LÊ MẠNH THẮT

Bài tham luận này/ được diễn đọc trong Đại Hội Văn
Hội Phật Giáo Việt Nam
do Tổng Vụ Văn Hóa GHPGVNTN-HK
tổ chức ngày 4 tháng 1 năm 2003 tại San Diego, USA

Trong ba vị Thiền sư đã tham gia trực tiếp vào cuộc chiến tranh năm 981 là Thiền sư Khuông Việt, Vạn Hạnh và Pháp Thuận, thì hình như Thiền sư Pháp Thuận là người được vua Lê Đại Hành tin nhiệm và kính trọng nhiều nhất. Sự tình này ta có thể thấy qua việc vua Lê Đại Hành đã đem vận nước ngấn dài ra để trung cầu ý kiến của Thiền sư Pháp Thuận. Phất nói rằng Thiền sư Pháp Thuận đã được tin nhiệm tới một mức độ nào đó, thì Lê Hoàn mới dám đem vấn đề ấy ra để hỏi. Khi nói đến vận nước, thực tế là nói đến vận mạng của một triều đại. Vua Lê Đại Hành đã đem vận mạng của triều đại mình để hỏi, điều này cũng có nghĩa ông hoàn toàn tin tưởng Thiền sư Pháp Thuận.

Sự thật, khi đặt câu hỏi như thế, vua Lê Đại Hành đã nhìn Thiền sư Pháp Thuận không chỉ là một cố vấn thân tín, mà còn là một cố vấn có

xem tiếp trang 33

PHẬT GIÁO VIỆT NAM BIẾN CỐ và TU LIỆU (1975-1995)

Bài trích đăng nhiều kỳ từ liệu Văn Phòng II Viện Hóa Đạo,
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Hoa Kỳ, 1996

09-12-1978: CSVN XÉT XỬ CÁC VỊ LÃNH ĐẠO GHPGVNTN:

Các vị lãnh đạo Giáo hội bị bắt vào ngày 06-04-1977 không hề được ra xét xử công khai. Mai đến một năm rưỡi sau, vào ngày 09-12-1978, do áp lực của dư luận quốc tế từ sự vận động của Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại, Nhà nước mới buộc lòng phải lập một phiên tòa không có luật sư biện hộ cho bị cáo, đem các vị lãnh đạo Giáo hội ra xử. Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ bị kết án 4 năm tù gồm 2 năm tù ở và 2 năm tù treo; các vị Thượng Tọa và Đại đức khác cũng đều bị lãnh một mức án tương tự. Tính theo ngày bị bắt giam thì nhị vị Hòa Thượng Huyền Quang và Quảng Độ phải còn ở tù thêm 6 tháng nữa, nhưng do sự can thiệp của quốc tế, Nhà nước đã phóng thích nhị vị sau phiên tòa.

02-02-1979:

**ĐỨC ĐỆ NHỊ TĂNG THỐNG
VIÊN TỊCH:**

Ngày 01-01-1979, Đức Đệ Nhị Tăng Thống tiếp Hòa Thượng Thích Đôn Hậu, Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống và Ban Đại diện GHPGVNTN tỉnh Thừa Thiên đến chúc thọ đầu năm. Ngài đã di chúc sách tấn chư Tăng Ni và tín đồ tu tập và kiên nhẫn trước mọi nghịch cảnh để phục vụ Giáo hội. Qua giữa trưa hôm sau, 02-02-1979 thì Ngài viên tịch.

Đức Tăng Thống viên tịch, Giáo hội chưa kịp tổ chức được Đại Hội Khảoảng Đại Kỳ VIII thì chính quyền Cộng sản gia tăng sự đàn áp ở khắp các địa phương, quân thù chặt chẽ sự đi lại và giao tiếp của nhị vị Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ. Trước tình trạng bế tắc đó, các vị lãnh đạo trong Hội Đồng Lương Viện của Giáo hội đã cung thỉnh Hòa Thượng Thích Đôn Hậu, Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống, kiêm luôn trách vụ Xử Lý Viện Tăng Thống.



Đức Đệ Nhị Tăng Thống GHPGVNTN
THÍCH GIÁC NIÊN



Bích LANG MẠI

HẢI NGOẠI VÀ DÒNG SINH MỆNH PHẬT GIÁO

sử hoặc đi lính cho Pháp từ thời Thế Chiến I, nhưng con số không nhiều. Chỉ từ sau năm 1975 con số bỗng vọt lên tới trên 3 triệu do các đợt "di tản", "thuyền nhân" (Boat People), "đoàn tụ gia đình" và "hợp tác lao động".

Trái với người Da Đen ở Phi Châu bị bán qua Hoa Kỳ hoặc qua các thuộc địa của các Đế Quốc Anh, Pháp, Ý, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hoa Lan v.v... để làm mớ lệ họ không có gì để mang theo ngoài sức lao động. Lúc đó, nhưng người Da Đen này chỉ là những thổ dân sống trong các bộ lạc,

chưa hình thành một quốc gia với kỷ cương và nhất là một nền văn học, văn hóa và tâm linh (tôn giáo) thịnh trị, cho nên họ bị đồng hóa ngay với tôn giáo và văn hóa bản địa. Giống như người Trung Hoa và Nhật Bản, Thái Lan, Lào, Kampuchia, Miến Điện, người Việt khi đi ra nước ngoài đã mang theo cả phong tục tập quán, văn hóa, lịch sử và nhất là tôn giáo như Phật Giáo - đã thấm vào xương tủy gần hai nghìn năm.

Phất nói, thân phận của những người

xem tiếp trang 33

TỔNG LUẬN VỀ VĂN HỌC PHẬT GIÁO VIỆT NAM HẢI NGOẠI

Tiếp theo kỳ trước

E. VĂN HỌC PHẬT GIÁO VIỆT NAM HẢI NGOẠI

Thật vậy, nhưng vị tăng, ni và văn nghệ sĩ Phật tử thuộc thế hệ thứ nhất đến định cư tại các quốc gia, các châu lục ở hải ngoại đều được nuôi dưỡng và trưởng thành trong cái nôi văn hóa, văn học Phật giáo Việt Nam trong nước. Thế hệ này là những người đi tiên phong, nhưng người mở đường, nhưng người xây dựng cái nền, cái móng cho nền văn học Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại. Tuy nhiên, nói như vậy không có nghĩa là văn học Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại chỉ là bản sao y nguyên văn nền văn học Phật giáo Việt Nam trong nước. Văn học Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại ngoài việc cư mang một

số yếu tính của văn học Phật giáo truyền thống trong nước còn có những đặc tính mới mà văn học Phật giáo trong nước không có. Nhưng đặc tính mới của văn học Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại là gì?

I. ĐẶC TÍNH MỚI CỦA VĂN HỌC PHẬT GIÁO VIỆT NAM HẢI NGOẠI

1. TỊ NẠN:

Không có biến cố 30 tháng 4 năm 1975 trong nước, thì đã không có cuộc vượt biên lớn nhất trong lịch sử dân tộc Việt Nam từ trước tới giờ. Nếu không có cuộc vượt biên lớn nhất của mấy triệu người Việt Nam sau năm 1975 thì cũng đã không có trên hai triệu người Việt định cư tại hải ngoại. Nếu không có cộng đồng người Việt tị nạn sinh sống tại hải ngoại thì làm gì có sinh hoạt văn học hải ngoại phong

phù và đa dạng như hôm nay. Nền văn học Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại cũng được sinh ra và trưởng thành trong bối cảnh tị nạn đó.

Trước năm 1975, số lượng người Việt nói chung và giới tăng, ni Phật giáo Việt Nam nói riêng sống ở hải ngoại rất ít. Trong số đó có thể kể đến một số vị tăng sĩ Phật giáo đi du học tại Pháp, Nhật và Hoa Kỳ. Ở Pháp có Thượng Tọa Thích Nhất Hạnh, Thượng Tọa Thích Thiện Châu. Ở Ấn Độ có Thượng Tọa Thích Trí Chơn. Ở Đài Loan có Thượng Tọa Thích Đức Niệm, Thượng Tọa Thích Chánh Lạc, và Thượng Tọa Thích Tịnh Hạnh. Ở Nhật có các vị như Thượng Tọa Thích Minh Tâm, Thượng Tọa Thích Bảo Lạc, Thượng Tọa Thích Chơn Thành, Thượng Tọa Thích Nguyên Đạt, Thượng Tọa Thích Như Điển, v.v... Ở Hoa Kỳ có Thượng Tọa Thích Thiên Ấn. Nhưng trong thời gian này, giới tăng sĩ Phật giáo chỉ tập trung

vào việc hoàn tất các chương trình học và có vài vị đã bắt đầu giảng dạy tại một vài trường đại học. Phải đợi cho đến biến cố 30 tháng 4 năm 1975 thì số người Việt tị nạn đầu tiên mới bắt đầu trong đợt di tản do chính phủ Hoa Kỳ thực hiện và đưa đến tạm trú tại đảo Guam trên Thái Bình Dương và căn cứ quân sự Pendleton ở miền Nam California. Trong đợt di tản này hầu như chỉ có một vài tăng sĩ Phật giáo mà Hoa Thượng Thích Tâm Châu là người nổi bật.

Đợt thứ hai bắt đầu từ khoảng năm 1978 đến năm 1988 khi mà Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc ra lệnh đóng cửa không tiếp nhận người tị nạn, đã có hàng triệu người bỏ nước ra đi bằng đường bộ qua ngã Cam Bốt để tới Thái Lan và ngả các tỉnh phía bắc Việt Nam để vào Trung quốc rồi qua Hồng Kông, và đường biển từ Việt Nam đi Thái Lan, Mă Lai, Phi Luật Tân, Nam Dương,

Tân Gia Ba, Hồng Kông, Nhật Bản, Đài Loan, v.v... Trong đó có hàng trăm tăng, ni Phật giáo cũng cùng dòng người tị nạn lưu vong. Rồi sau đó được một nước thứ ba nhận cho định cư ở khắp nơi trên thế giới từ Hoa Kỳ, Gia Na Đại, các nước Âu Châu đến Úc Châu và một số nước tại Châu Á. Trong số đó có bốn trung tâm mà số người tị nạn tập trung nhiều nhất đó là Mỹ, Canada, Âu Châu và Úc Châu.

Sau khi định cư tại các nước thứ ba, người Việt tị nạn bắt đầu làm sống lại những sinh hoạt văn hóa và tôn giáo truyền thống ở địa phương mà họ quán cư, trong đó có sinh hoạt văn học nói chung và văn học Phật giáo Việt Nam nói riêng. Nhưng sinh hoạt này có thể nói là đã bắt đầu vào những năm đầu thập niên 1980 với báo chí, in ấn, và phát hành kinh sách.

Người ta thường nói "văn là người." Bởi vì từ những



Ảnh: LANG MAI

Tiếp theo trang 3

TƯƠNG LẠI VĂN HÓA VIỆT NAM

không phải là một sinh vật có mặt cảm tự tôn, ta nghĩ rằng không phải chỉ có con người mới có văn hóa. Cây đào tiên kia và con ong cần mẫn và nhiều tại nắng kia cũng có một nền văn hóa của chúng chứ sao không. Nhiều khi ta tiếc rằng mức độ văn hóa của con người không bằng trình độ văn hóa của cây đào và của con ong. Thi sĩ Nguyễn Công Trứ đã chẳng có lúc ước ao làm một cây thông hơn làm một con người đó sao?

Cái thư văn hóa của loài

người chúng ta là thư văn hóa gì mà khiến cho trái đất chúng ta lâm vào tình trạng bị đất như bầy gió, há các con? Chúng ta đã làm nhiệm vụ cả trái đất, chúng ta đã tiêu diệt bao nhiêu chủng loại thực vật và động vật, chúng ta đã cung đốn gây ra bao nhiêu khôn khổ chết chóc cho người đồng loại. Hiện nay số lượng vu khi nguyên tử đang đe nặng trên số phận loài người và và nhiều chủng loại khác: cuộc thi đua vô trạng điên rồ giữa các khối hầu như không còn có thể

chặn đứng lại được nữa.

BÙA MÊ VÀ THUỐC LÚ

Các con hãy nhìn lại đất nước và dân tộc chúng ta. Đã mấy mươi năm rồi, chúng ta bị dồn vào thế phải giết hại và thù thù lẫn nhau. Chúng ta chỉ noi hoa giấy và hoa hợp dân tộc ở đầu mọi chốt lược thôi, chứ trong thực tế thì chúng ta phải thù tiêu nhau, giăm ham nhau để mà củng cố cho guồng máy chính trị mà chúng ta chọn lựa. Sung

trải nghiệm trong đời thường gọi hùng cho con người sáng tác, cho nên, tác phẩm là biểu lộ trung thực nhưng gì mà con người cư mang trong họ. Thân phận tị nạn là trải nghiệm đau thương, chưa chết, bị hung và tù nhục nhất mà nhưng ai đã từng trải đều thấm cảm sâu sắc. Nhưng vết hằn, nhưng dấu tích đó tất phải có lúc được lưu lộ trong thơ văn.

Đặc tính tị nạn bao gồm bốn yếu tố: Một là bối cảnh nghiệt ngã của xã hội Việt Nam trong thời Cộng Sản là động lực thôi thúc sự lên đường đi tìm tự do, đi tìm đất sống. Hai là quá trình đi vượt biên và tạm dừng tại các trại tị nạn với bao nhiêu gian truân, nguy hiểm và bất trắc mà người tị nạn trải qua cũng là kinh lịch khó quên nhất trong đời người. Ba là đời sống mới tại các quốc gia định cư đặt ra là một khung trời mới, xa lạ, đầy thách thức, khó khăn mà một người tị nạn bất buộc phải đương đầu cũng là trải nghiệm ghi sâu trong ký ức của mỗi người tị nạn. Bốn là khi rời bỏ quê hương, không một người tị nạn nào nghĩ rằng mình còn có cơ hội trở về cố quốc. Quê hương vì vậy là hình ảnh trên quỹ mà người tị nạn luôn luôn cư mang, thường trực nhớ nhung. Mô tả bối cảnh bị thương của xã hội Việt Nam, như một động lực thúc đẩy lên đường, Hoa Thượng Thích Thánh Hoan đã viết trong bài thơ "Xã Hội Việt Nam Năm 1982" [27] như sau: "Nơi về đường đời rẽ Một em bé lên ba

Ngày thơ bên vú mẹ Nhìn mọi người đi qua Nào hay mẹ đã chết Giữa đêm sương phủ nhòa!!!"

Cảnh trạng được nêu ra trong bài thơ trên không những nói lên sự đói rách của con người trong xã hội thời bấy giờ mà còn pho bày cái nét chai cứng của đạo đức xã hội đứng trước những đau thương, mất mát của đồng bào.

Thi sĩ Huyền Không đã có lần bộc lộ tâm tình của kẻ lưu vong và hoài vọng về một quê hương ngày về trong bài thơ "Xuân Đã Về Chưa": "Xuân đã về chưa ở xứ người Buồn vui lẫn lộn kết xã cội Thương xuân tuyết trắng trên đầu núi Nhớ nước, lam sao nó nụ cười

Xuân đã về chưa xuôi đăm lòng Soi gương thấy mặt nhớ mình không Ai mang tất cả hồn xưa cu Ấp ủ trong người nợ núi sông

Xuân đã về chưa quá khứ sầu Hương trăm thoang thoảng khói bay đầu Mùa xuân hội ngộ bao giờ đến Quốc hận ai đánh chôn biển sầu

Xuân đã về chưa trên bước đường Con tìm sáng rực ánh quê hương Bạc đầu vẫn nhớ hồn vọng quốc Có ngại ngưng chi vạm

xem tiếp trang 31

ong mà chúng ta sử dụng để bắn giết nhau, chúng ta đem vào từ bên ngoài. Các ý thức hệ chuyển gây sợ hãi và căm thù, chúng ta cũng đem vào từ bên ngoài. Nói thì là tranh đấu để bảo vệ tự do, để khôi phục chủ quyền đất nước, để xây dựng công bằng xã hội, nhưng làm lại là tước đoạt tự do, đưa đất nước càng ngày càng lệ thuộc chính trị và kinh tế vào một ngoại bang, đem chiến tranh ý thức hệ và giai cấp tàn phá sinh mạng dân chúng và làm cho nếp sống dân chúng càng ngày càng trở nên bán hân cơ cực. Nếp sống đó, nên văn hóa đó, ta cho là thấp kém hơn nếp sống và văn hóa của một cây đào, của một con ong.

Cây đào kia và con ong kia tự do hơn chúng ta. Cái mà ta thường gọi là văn hóa, cái đó là những thứ bùa mê thuốc lú đầu độc chúng ta, tước đoạt tự do của chúng ta. Suốt trong thời gian chiến tranh giữa miền Nam với miền Bắc, cả hai miền nước ta đều nói tới văn hóa, đều chủ trương phát huy một nền văn hóa dân tộc để phục vụ cho đất nước, cho con người Việt Nam. Thực chất của những chủ trương kia, kết lại cho kỹ, chỉ là những luận điệu tuyên truyền mà chúng ta dùng để kích đối phương. Văn hóa chỉ có nghĩa là lên án và đả kích. "Gà một nhà bới mặt đã nhau", không ai trong chúng ta là không

thuộc lòng câu đó. Ấy vậy mà tất cả chúng ta đều bị buộc phải bôi mặt để mà đá nhau. Bôi mặt bằng cái thứ phấn son nào? Bông phấn son "văn hóa". Tôi đã bôi mặt rồi, tôi theo thư văn hóa này, anh chống tôi là anh muốn tiêu diệt tôi. Anh chống tôi thì anh phải chết. Nhưng tại sao tôi phải bôi mặt? Tại vì đúng riêng rẽ tôi sẽ bị người ta nuốt chửng. Tôi bôi mặt vì tôi muốn có hậu thuẫn của khối người cùng một chất phấn son. Vì vậy cho nên tôi vừa sử dụng ý thức hệ của người ta vừa sử dụng mưu lược và sung ống của người ta. Người anh em tôi, nó bôi mặt bằng chất phấn son khác tức là nó có tính xem tôi là kẻ thù. Làm sao tôi có thể còn là người anh em của nó?

Chắc các con cũng biết rằng tất cả bị đặt là ở chỗ ấy. Phấn son là phấn son của người, nhưng mà trên mặt ta, người ta nói, nó phải có tính cách dân tộc. Là duy linh, là nhân vị, là tự do, là hiện thực, là khoa học, là xã hội chủ nghĩa... tất cả những phấn son đó đều "không trái chống với tinh dân tộc" đều "bôi đắp cho nền văn hóa dân tộc". Nhân danh dân tộc, chúng ta chỉ đã làm cho dân tộc đi vào đường và làm thối.

NHẬN DIỆN

Các con cũng thấy rằng kẹt vào thế tranh chấp

xem tiếp trang 8

GỐC TÙNG

TUỆ SỸ



Đương niên song cõi thị song đồng Tô Đông Pha

Nhưng năm trước, hai gốc tùng trước sân như hai đứa trẻ, đáng điệu miệt mài trong cơn gió hiu hắt của mùa thu. Quanh năm suốt tháng, không một lời qua lại, không trao đổi nhau đến cả một chiếc lá đã qua mùa. Vào năm mưa bao nhiêu, đôi khi nước dâng cao, từ xa vọng lại như một bài tuyết trắng ngập nửa thân hình.

Thỉnh thoảng vài cánh bướm ghé xuống, không hương sắc của phấn nhụy để bày tỏ một chút tình nồng nhiệt. Cánh bướm lại bay đi, vẫn không một chữ chỉ xao động hươu hẹn nào. Chung bình thân và trăm mặc, có lớn lên cho kịp tấm lòng bao dung của trời đất. Bấy giờ thì cả hai đã sừng sững ra đấy, như hai con rồng xanh không thiết đến chuyện làm mưa làm gió. Chẳng biết vô tình hay cố ý, một đôi người cũng thấy chủ nhân như đã muốn kỳ thạc cái bản tính lưu linh hơn một nửa đời sôi nổi của mình ở đó. Mỗi năm một mùa nước lũ, cuốn đi một ít cái cao cách điệu của những trận cười. Từ mấy năm nay, những tiếng cười ấy không giương đủ sức để chống chế long thạc đó lắm. Tùng đêm, tùng con ho dón dập phù xuống trên ngọn cây tùng. Và từng buổi sáng, ông chống gậy ra sân, thọc từng chiếc lá một của cây ngò đồng. Có vẻ như ông không cảm tâm nhìn nhưng chiếc lá đã đến mùa báo hiệu, mà vẫn cố lầy lắt mại trên cành.

Buổi sáng như thế. Buổi tối như thế. Con buổi trưa ông làm gì nhỉ?

Tháng bảy, tháng tám, xứ Huế thường có mưa dầm. Dù vậy vào trưa trời cũng còn hơi lạnh. Nhưng ông chỉ bận một chiếc quần cụt, không ngớt nằm xuống, rồi lại ngồi dậy. Nóng từ bên trong. Sức nóng tàn bạo của hơi rượu chất chưa trên mấy mực năm trời. Thân ông, bên ngoài như đóng tro tàn đã nguội lạnh; bên trong lửa vẫn còn cháy âm ỉ. Gan ruột bị thiêu đốt. Một cái gì đó không ngớt hồi thức. Nhưng sợi tóc bạc và lòng đất mát lạnh. Khi sắc của một thời chỉ còn phảng phất trong phong độ của hai gốc tùng.

- Cháu đi chiếu hay khuỷa?

Cậu cháu của ông đang ngồi quỳ lưng lại, tựa ở án sách đặt sát khung cửa sổ, chậm chạp gấp sách lại và nhong chán đứng dậy, ghé mắt nhìn ra trước sân. Trời đục như màu sữa. Mặt đất vẫn còn ướt.

- Hồi về, cháu cư định là ở luôn đấy. Mấy tháng này, cháu chỉ tập viết, cả ngày. Chưa có hơi tiến bộ. Nhưng con rất nét mọt câu thì không cách gì cháu viết coi cho được.

Ngày giữa nhà, một cái sập với bộ đồ trà màu đất nung. Giường của ông lao kê sát góc tường phía trái. Kế cận đó là án sách và cửa sổ. Bên trên vách tường mẹ phải, trong cái không khí lơ mơ, ẩm ướt, sau cơn mưa dai dẳng hơn hai ngày, người ta nhìn thấy những hàng chữ thảo, gầy và cứng, giống như những que củi khô ngang dọc. Net chấm phá của mực tàu chống lên vách tường vôi, vàng vọt. Một mùa Xuân nào đó, nước dầm ướt đầu mẩy con vịt, như nhuộm trắng, một cụ già chống gậy tiếp khách. Khách mang theo cả một thời quá khứ của cụ, trong từng bước. Khách hẹn sẽ có ngày ghé thăm lại. Hôn nui tro troi trong buổi chiếu, ý ước đứng mai đấy để đêm từng buổi nắng quất đi qua: Ngang đầu vẫn khác kỳ thời qui Khách ngôn thu phong lạc điệp thi Hệ mà lạc dương khai khẩu tiến Bàng sơn ý ước kiến từ huy

Nhưng ánh nắng của buổi chiếu lại lầy lắt và một mái tóc bạc đứng đợi cái gì đã đi qua và đi mất.

- Cháu rót cho ông chén nước.

Cụ ngồi dậy, hai tay từ lên mép giường, bỏ thông chân xuống đất. Chỉ trong chớp lát, cụ lại nằm xuống, nghiền đầu nhìn cậu cháu út, rồi trở mặt vào vách, đưa quạt lên quạt. Cậu út bưng chén nước đặt lên chiếc ghế nhỏ ở đầu giường.

- Dạ, thưa ông, nước.

xem tiếp trang 32



Ảnh: LÃNG MÃI

ĐẠO PHẬT VỚI THANH NIÊN THỜI HỘI NHẬP

bạc hay người đã mảy phen vấp ngã trên bước đường công danh quấy về nương tựa của Thiên.

Thực ra, đạo Phật là đạo của tuổi thanh xuân đầy

sức sống và tha thiết yêu đời. Tuổi trẻ có đủ phương tiện thực hiện giáo lý cao siêu của Phật, và tuổi trẻ mới đủ bầu nhiệt huyết háng hái quả cảm trên con đường tự giác, hướng

đến một cuộc sống tích cực.

Thế hệ thanh thiếu niên là những người tiếp cận với xã hội văn minh nhiều nhất. Tuổi trẻ năng động

dễ dàng hành động theo bản năng thích hợp cho nhưng kế hoạch mới hơn là lo cho những công việc an bài, họ lao vào mục đích mà không biết xét phương tiện thích nghi.

Mỗi ngày họ tiếp xúc nhưng hiện tượng tiêu cực và lung lay theo thời hạn tật xấu, mới mẻ thay quá với những nhu cầu vật chất hiện đại. Cuộc sống hiện đại hóa ngày càng dần dặt lỏp trẻ đi vào con đường sai lạc, trái nhân tính đạo đức, gây ảnh hưởng không nhỏ cho gia đình, xã hội.

Thời kỳ hội nhập cũng chính là một cơ hội tốt cho tuổi trẻ thanh niên (nói chung) và tuổi trẻ Phật giáo (nói riêng) có đủ những điều kiện thuận lợi về mọi mặt cả vật chất lẫn tinh thần, để phát huy kiến thức, sở trường và tiềm năng của chính mình.

Đạo pháp cũng cần tuổi trẻ để thể hiện bản hoài tiếp vật lợi sinh của mình, cho nên Phật giáo đã có một bước tiến triển mạnh mẽ ở khắp mọi miền đất nước, tạo những điều kiện cho họ thành đạt công danh và phát triển nhân cách, thuận lợi ấy đôi khi sẽ là liều thuốc bổ dưỡng trợ lực.

Tuổi trẻ học Phật là tự thực tập khả năng tư duy bên nhạy, linh hoạt, để có thể nhìn thẳng vào bản chất sự sống. Cho nên, học Phật pháp không hề cản trở sự học của thế gian pháp; kiến thức Phật học không xung đột với

kiến thức thế tục. Duy chỉ có điều khác biệt, là học Phật khởi đầu đi từ thực trạng đau khổ của nhân sinh để nhận thức đầu là hạnh phúc chân thật. Bị và tri là đôi cánh chắc thật sẽ nâng đỡ tuổi trẻ bay lượn vào suốt không gian vô tận của đời sống.

Làm sao để lời cuốn thánh phạn thanh thiếu niên đến chưa? - Mô hình "Gia đình Phật tử" là một trong những hình thức sinh hoạt phù hợp, có thể hướng dẫn giới trẻ đến với đạo Phật. Ở đó các em vừa được học giáo lý Phật đà, vừa được tham gia nhưng trò chơi sinh động giúp các em phát triển trí thông minh nhanh nhẹn, và được sống trong tình thương yêu đoàn kết như một gia đình. Mỗi ngôi chùa nên thành lập Gia đình Phật tử, nếu như ngôi chùa nào không hội đủ các điều kiện thành lập Gia đình Phật tử, thì cũng nên mở lớp học giáo lý hướng dẫn quần chúng và điều quan trọng nhất là hướng dẫn thanh thiếu niên.

Đối với những người đi chùa nhưng chưa hiểu đạo Phật, họ đến chùa vì tin ngưỡng hay chỉ để cầu nguyện một điều gì đó thì chúng ta phải có phương cách giúp họ hiểu giáo lý đạo Phật. Vì vậy mỗi ngôi chùa nên cử ra một vị Tăng hay Ni giảng một thời pháp ngắn cho họ nghe, ngoài việc thuyết pháp, chúng ta còn phải cho họ băng đĩa, kinh sách để họ xem và tự nghiên cứu thêm.

tiếp theo trang 7

TƯƠNG LAI VĂN HÓA VIỆT NAM

giữa những khối lớn, đất nước ta khó mà có được một nền văn hóa độc lập. Chúng ta bị buộc phải chọn lựa giữa các khối, phải "tiếp thu" văn hóa của các khối để gây "vốn mới văn hóa", bổ túc cho "vốn cũ văn hóa" của truyền thống dân tộc.

Các con biết không, trong những năm đầu của cuộc chiến, một số các cô chủ của các con đã thấy rõ cái nguy cơ của hiện tượng già một nhà bói mặt đã nhau. Họ đã tung là lớn: chúng ta đừng có nên bói mặt, để con có thể nhận được mặt nhau. Tiếng nói của họ, thương thay, đã bị chìm át trong tiếng loa tuyên truyền và sau đó trong tiếng bom tiếng súng. Một số anh em ta, một số các cô chủ của hai con đã can đảm từ khước việc bói mặt cương quyết đứng giữa lửa đạn mà kêu gọi tinh huỳnh đệ. Họ đã bị cả hai bên xem là kẻ thù, bắn giết, tù đày, bực tử.

Có những người bói mặt với ý thức tỉnh táo rằng đây chỉ là phương tiện nhất thời để đi qua một giai đoạn. "Miễn mình còn nhớ mình là người Việt". Nhưng cuộc sống tranh đấu hàng ngày buộc họ phải nhận diện họ trong

kinh soi và trên khuôn mặt của những kẻ cùng sử dụng một thứ phân sơn. Rút cục là họ đồng nhất họ với thứ phân sơn đó và trở nên kẻ thù không đội trời chung với những người anh em khác màu phân sơn với họ. Ta viết cho con vào đầu năm 1982. Cuộc chiến chưa chấm dứt đâu hai con. Phân sơn vẫn còn nguyên vẹn là phân sơn cũ. Nó đã ăn sâu vào da mặt của cả đôi bên. Chưa chừng nó sẽ thấm sâu vào da thịt và xương tủy ta cùng nên. Nguy biết mấy cho tương lai của nền văn hóa dân tộc. Cuộc tranh chấp vốn là cuộc tranh chấp của những siêu cường, nhưng hoàn cảnh đã đưa đẩy và đã buộc chúng ta nhận làm cuộc tranh chấp của chúng ta. Chúng ta giết nhau không gớm tay. Một nhạc sĩ trẻ đã thốt lên "Ôi cái chết đau thương vô cùng, ôi đất nước u mê ngàn năm". U mê là u mê ở chỗ nhận cuộc tranh chấp của người làm cuộc tranh chấp của mình.

Ta nói với hai con là cuộc chiến chưa chấm dứt, bởi vì trong âm thầm mỗi chúng ta vẫn nuôi dưỡng căm thù và dạy cho con cháu chúng ta nuôi dưỡng căm thù. Nhưng đưa trẻ

năm bảy tuổi, đầu óc con chưa biết nhận xét, chúng ta dạy cho chúng căm thù. Chúng ta không dung nhau trong nước đã đánh, ra tới nước ngoài, chúng ta cũng đập phá, tàn tạ và bôi xấu nhau. Chúng ta hại nhau trong các trại tị nạn, tại những nước định cư, chụp mũ nhau và có khi chém giết cả nhau nữa.

SỰ SỐNG LÀ MỘT

Nếu hai con được sống ở một môi trường thoải mái như cây đào của chúng ta và kẻ lang giêng biết điều của nó là con ong vàng cần mẫn thì ta sẽ sung sướng biết bao. Các con sẽ có điều kiện phát triển tự nhiên, và tinh hoa của nền văn hóa giống nơi sẽ phát hiện ở nơi hai con. Hai con biết không, giữa con ong và cây đào có một sự hợp tác mẫu mực. Con ong cần đến nhụy hoa để đem về làm mật, cây đào cần đến con ong để hoa đào có thể kết trái. Cây đào đã công phu làm ra nhưng cái hoa có những cánh phơn phớt màu hồng để mời mọc con ong và để hướng dẫn con ong tới. Loài người chúng ta thường tự hào là loài duy nhất có cái biết. Kỳ thực cái biết của cây đào và cái biết của con ong cũng sâu sắc không kém gì cái biết của loài người. Dù ta có gọi cái biết của con ong là bản năng đi nữa thì cái biết ấy cũng là một cái biết tuyệt diệu. Con ong là một kiến trúc

gia tài tình, một tham hiểm gia kinh nghiệm và một thành viên xã hội kiểu mẫu. Sau khi khám phá ra một địa điểm có hoa, con ong về tổ và đi một vài đường mưa để chỉ đường cho đồng loại bay tới địa điểm ấy.

Ta không chủ trương "chống đối văn hóa" đầu hai con. Ta cho rằng văn hóa là nếp sống đang vươn tới cái lành, cái đẹp và cái thật. Ta chỉ nghĩ rằng phải giải độc cho văn hóa mà thôi. Không thể có một nền văn hóa riêng rẽ cho con người. Sự sống là một toàn thể. Cõi con người là chủ thể và tất cả muôn loài khác là những phương tiện phục vụ cho con người, ta thấy đó là điều kìm lòi cản bản trong nhận thức về văn hóa. Loài người chỉ là một trong số muôn loài. Tất cả những loại thảo mộc và sinh vật trên trái đất đều nương tựa vào nhau mà tồn tại. Nếu con người tự cho mình là chúa tể, phi phạm, tàn phá và tiêu diệt các loài khác để phục vụ cho chính mình tức là con người tự tiêu diệt. Trên thực tế, không những con người đang tàn phá các loài khác mà lại đang tàn phá cả môi trường sinh hoạt chung là núi, rừng, sông hồ, biển cả, không khí. Từ mặt trăng, hành tinh xanh là trái đất của ta đã được chụp hình như một cơ thể xinh đẹp; nhưng ta biết rằng cơ thể đó đang bị một loại vi khuẩn tàn phá thấm thương: vi khuẩn đó là

loài người. Không những con người đang tàn phá sinh môi mình, con người lại cũng đang xây đắp đời sống hưởng thụ của mình trên xương máu của đồng loại nữa. Ta không thể xét đến một nền văn hóa dân tộc nếu ta không xét đến nền văn hóa của con người và của cả trái đất.

HẠT LÚA VÀ MIẾNG THỊT

Trước hết, ta hãy nói đến cách thức con người sản xuất và tiêu thụ. Có khi nào đi ngang qua một cánh đồng, các con lắng tai mà không nghe tiếng muôn loại con trung ri rả hay không? Ở Tây phương hiện giờ, có những cánh đồng rộng mênh mông mà khi đi ngang qua ta cảm thấy một sự lặng yên kinh khiếp. Tất cả các loại sinh vật nhỏ bé sống ở trên và dưới mặt đất đã bị thuốc sát trùng tiêu diệt. Có khi nào các con cầm lên tay một tờ Nuru Uớc Thời Bao số ra ngày chủ nhật không? Tờ báo ấy khổ đã lớn mà đầy có tới khoảng từ bảy tới mười phân tay, nặng tới ba bốn ký. Nếu tính số giấy cần thiết để in một số báo như thế mà phát hành ngày chủ nhật thì ta phải đốn cả một rừng cây để làm bột giấy. Có khi nào các con ước lượng số lon bia, lon coca cola, khăn giấy và ly giấy sử dụng và quảng bỏ mỗi ngày nghỉ hè trên một bờ biển Tây phương không? Dân cư ở nhiều làng mạc nghèo đói ở Á Phi có khi

Phân đông đạo Phật vẫn chưa hấp dẫn được giới trẻ nên những người đi chùa thường là những người lớn tuổi vì người đời có quan niệm “trẻ vui nhà, già vui chùa”. Họ cư ngụ ngôi chùa chỉ dành cho người già, vì thế mà người đời cứ đợi đến tuổi xế chiều mới nghĩ đến việc đến chùa tu tập, làm phúc để an hưởng quang đời còn lại. Người lớn tuổi đến chùa tu tập là một điều vô cùng tốt nhưng không lẽ đạo Phật là đạo chỉ dành cho người già hay sao?

Một số đồng quán chúng theo đạo Phật bằng tin ngưỡng, họ đến chùa lễ Phật cầu nguyện như một nhu cầu quen thuộc hay để thỏa mãn một ước vọng tâm linh nào đó. Người tri thức ngại đến chùa vì đến chùa họ bị lạc lõng giữa biển người với mùi nhang khói nghi ngút. Người trẻ ít đến chùa vì chúng ngại đến chùa để làm gì khi nhưng thú vui ngoài xã hội đang cuốn hút lấy họ. Chính vì vậy mà nền triết lý sống hết sức thực dụng của đạo Phật vẫn chưa được xã hội biết đến nhiều.

Có một lĩnh vực vô cùng quan trọng mà lớp trẻ hiện nay đang thiếu, đó là đạo đức tâm linh. Tâm linh có thể chuyển hóa con người hướng thiện, khi họ thật sự hiểu được và hiểu đúng giá trị đích thực của cuộc sống. Hành trình tâm linh giúp con người tự phạm phũ trở nên thanh thiện. Hành trình tâm linh đi từ mảnh đất tâm và mục đích đến cùng là tự

mảnh đất tâm. Tâm linh vô cùng máu nhiệm và huyền bí, đây là tiến trình để hoàn thiện phẩm hạnh đạo đức.

Thanh niên thiếu nữ thời hiện đại đang rất yếu về mặt tinh thần tâm lý, dễ bị kích động, dễ buồn, dễ vui, nóng nảy, dễ bị sa ngã cảm dờ. Xã hội thì có quá nhiều ô nhiễm không hạn chế được. Chỉ có cách là tạo sự đề kháng ở trong tâm thức của người trẻ tuổi để họ đứng vững trước sự tấn công của dục vọng.

Thanh niên Phật tử có lý tưởng, có huấn luyện thì có khả năng kiểm soát, tự chủ cao hơn thanh niên không có lý tưởng.

Thế hệ trẻ hôm nay đang đi tìm chỗ đứng cho chính mình trong sự tấn công của các nền văn hóa khác biệt, các cảm dờ thả hoa ngây càng hấp dẫn, sự kích thích bản năng ngày càng mạnh và tinh vi. Đồng thời, sự tự khẳng định mình là một mục tiêu mà rất đông bạn trẻ thời đại hướng đến, xem đó như là ưu thế của tuổi trẻ. Nhưng tự khẳng định theo hướng nào? Có người đi ăn chơi bừa bãi để tự khẳng định mình, hút thuốc, uống rượu, hành động bạo lực... cũng để tự khẳng định mình.

Trước nay nạn bạo lực chỉ ở nơi tầng lớp thanh niên ít học, thanh phần lao động, hoặc những thanh phần thả hoa khác... nhưng ngày nay bạo lực đã đi vào nơi “trông người” – “Bạo lực

học đường”, biểu hiện ở những con người được coi là hiền lành, thông minh.

Một xã hội mà giá trị vật chất được tôn vinh, sự giàu có được coi là sự thanh công... thì nhân cách của con người đã bị lệch lạc và bị các giá trị phổ biến của xã hội ảnh hưởng.

Chương trình giáo dục thanh niên Phật tử cần định hướng mục đích, tạo môi trường, điều kiện cho thanh thiếu niên Phật tử tu dưỡng đạo đức, nâng cao nhận thức về bản chất và giá trị của đời sống, rèn luyện bản thân để có khả năng xây dựng đời sống hạnh phúc, thông qua lý tưởng của một người Phật tử trên cơ sở bốn phạm trú mà Phật dạy:

1. Xây dựng lý tưởng hướng thượng, củng cố niềm tin vào giá trị đạo đức, giải thoát qua nhân cách của Phật, Pháp và cộng đồng Tăng chúng.

2. Thiết lập nguyên tắc sống với năm Giới, mười Giới. Qua đó, giáo dục ứng xử chuẩn mực nơi hành vi và ngôn ngữ, đồng thời nâng cao đời sống tinh thần, tâm lý đạo đức.

3. Xây dựng các mối quan hệ hài hòa như quan hệ giữa cha mẹ, con cái, vợ chồng, anh em, bạn bè, thầy tổ, chủ tớ, tập thể, xã hội, quốc gia, nhân loại, thiên nhiên... nói chung là để có khả năng sống hài hòa với con người và thế giới chung quanh.

4. Phát triển trí tuệ, khả năng tự trị để vượt qua chi phối bản năng: tham, sân,

lười biếng, mạnh dạn, hoài nghi. Thiết lập một tâm hồn ổn định, trầm tĩnh, tự chủ và sáng suốt.

Thanh niên cần có một môi trường sống vui tươi và lành mạnh. Xây dựng môi trường (hay còn gọi là sân chơi) cho thanh thiếu niên là điều quan trọng bậc nhất. Ngoài xã hội có quá nhiều sân chơi cho thanh thiếu niên, vì đây là đối tượng có số lượng đông đảo, dễ dãi và nhiều thị hiếu. Nhưng sân chơi thiếu lành mạnh dễ hấp dẫn thanh niên và làm suy thoái nhân cách của thanh niên. Môi trường ở trong một ngôi chùa thì luôn lành mạnh cộng với bạn hữu hiền lành, với người thầy mẫu mực, sẽ là môi trường sinh hoạt tốt cho thanh niên.

Thanh niên cần được trang bị thái độ ứng xử, cần được huấn luyện huấn luyện nhưng kỹ năng sống như kỹ năng kiểm soát bản thân, kiểm soát tâm lý, kỹ năng ứng xử hài hòa, kỹ năng tập luyện sức khỏe. Đây là những kỹ năng mà đạo Phật có nhiều ưu thế. Ví dụ như giáo dục kỹ năng thiền định, một trong những kỹ năng được xem là giải pháp nâng cao chất lượng sống cho con người thời đại, vốn đối mặt quá nhiều căng thẳng và áp lực trong công việc, học tập và trong cảm xúc.

Chương trình sinh hoạt linh động để hấp dẫn thanh niên, cần bằng các lãnh vực: Đạo lý, thực tập, giao lưu, giải trí, âm nhạc...

Nói chung, một chương trình hấp dẫn thanh niên đời đời phải phù hợp với tâm sinh lý thanh niên, phù hợp với những ước mơ cao đẹp của tuổi trẻ; nhưng phương thức rèn luyện cần phải thực tiễn để khi một thanh niên đến với một ngôi chùa sẽ có cảm hứng, nhận được những ích lợi mà không nơi nào có được.

Quả thực, rất khó cho những ngôi chùa bình thường phải gánh thêm gánh nặng giáo dục thanh thiếu niên, nhưng với tổ chức của Giáo hội ở cấp cơ sở thì không phải là không khả thi. Chúng ta đã có kinh nghiệm qua những tổ chức giáo dục thanh thiếu niên như tổ chức Gia Đình Phật Tử, Câu Lạc Bộ Thanh Niên Phật Tử, và các đạo tràng cũng thường quy tụ thanh thiếu niên tu học định kỳ...

Vấn đề là, để ra chính sách thích hợp, tạo hành lang pháp lý, xây dựng đội ngũ nhân sự có khả năng và một kế hoạch hoạt động ngắn và dài hạn hợp lý.

Đạo Phật không hứa hẹn một thiên đường xã hội siêu thế, chỉ cần chúng ta nhìn thẳng vào thực tại, tìm ra những nguyên nhân đã gây cho ta bất hạnh và đau khổ, giúp trẻ có phương pháp thiết thực quan sát tự thân tự tâm bằng con đường tu tập thiền định, có những việc làm thanh thiện để được lợi mình lợi người.

THÍCH THIÊN HẠNH

phát đi bộ cả năm bảy cây số mới đợi về hoặc gánh về được một ít nước. Số bia và số nước ngọt tiêu thụ trong một ngày hề có giá trị ngang hàng với công trình thủy lợi có thể cung cấp nước uống cho hàng chục làng mạc một cách thường xuyên. Số hộp giấy, ly giấy và lon giấy có giá trị ngang hàng với giấy bứt cho hàng trăm trường tiểu học trong nhiều năm. Các con có biết nếu Tây phương bớt ăn thịt và uống rượu lại năm mươi phần trăm thì hàng chục triệu trẻ em Á Phi sẽ khỏi phải chết đói mỗi năm không? Hạt lúa thay vì dùng để nuôi trâu bò gĩa vụn và để nấu rượu có thể đem đi cứu đói tại các nước này. Sự kinh chống giữa hai khối lớn trên quốc tế không giúp được ta làm giảm bớt tình trạng nạt lòng đói. Thế ở bên nào ta cũng làm cho tình trạng bị đói thêm.

Tuy Liên Bang Xô Viết và Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ là những thế lực chống đối nhau, nhưng mưu đồ của hai bên lại giống hệt như nhau. Bên nào cũng chạy đua sản xuất vũ khí, mong chiếm được thượng phong, bên nào cũng rút huyết mạch của dân chúng đổ vào quỹ quốc phòng, bên nào cũng muốn mở rộng vùng ảnh hưởng của mình trên thế giới. Bên nào cũng bán vũ khí cho các nước nhược tiểu, dù rằng dân chúng các nước này đang cần



VẤN ĐỀ GIÁO DỤC TUỔI TRẺ VIỆT NAM HẢI NGOẠI



Sinh: NGUYỄN NGUYỄN

Nhưng cộng đồng dân tị nạn đã thành tư lâu, ở khắp nơi. Gia đình đối với tuổi trẻ hải ngoại trở thành một niềm vui, một nguồn hy vọng, một vọng gác ngăn ngừa sự đào thoát của những đứa con hư. Do đó, mối lo âu của cha mẹ vẫn còn, nhưng là một thứ lo âu khác. Lo âu

con cái họ không đủ lý trí để giữ gìn cái gốc gác của ông cha, không vun đắp cái kiểu mẫu con người Việt Nam như gia đình hằng mong đợi. Cũng là một sự mất mát vậy! Làm thế nào để cho sự mất mát đó kho long kấy ra? Điều này cốt yếu là vai trò của giáo dục, một nền giáo

dục đặc thù, phục tạp mà ta phát danh cho tuổi trẻ hải ngoại.

Giáo dục tự nó đã là một giá trị. Trong hệ thống các giá trị của một nền văn hóa dân tộc nào, người ta cũng đặt giáo dục ở một thứ vị cao trọng. Bởi lẽ giáo dục là một phương

thức cần thiết và hiệu nghiệm để giảng giải, phát huy, bảo tồn và chấn hưng một nền văn hóa dân tộc nơi lớp trẻ ở học đường.

Liên hệ với văn hóa như trên, ta có thể nói rõ hơn về cảnh ngộ của tuổi trẻ hải ngoại, của lớp thanh thiếu niên nam nữ Việt đã ly hương theo cha mẹ và gia đình đi tị nạn chính trị và được định cư tại một quốc gia khác ngoài tổ quốc. Do đó mang dòng máu Việt ở trong người, lớp trẻ này đã rời bỏ nền văn hóa truyền thống của dân tộc mà gia nhập một nền văn hóa của nước đã dung thân họ, một nền văn hóa khác và mới mà chính họ cũng như cha mẹ họ vẫn còn tỏ ra bỡ ngỡ. Vấn đề giáo dục tuổi trẻ hải ngoại càng mạnh vào cuộc đối thoại văn hóa này. Biết rằng một số trường hợp đã gây nhưng đổ vỡ đau thương cho một số gia đình di cư tị nạn.

1- Trước hết, có vấn đề hội nhập. Lối Hoa Kỳ làm thì dù, nơi có đông đảo người Việt tị nạn. Giáo dục cũng như văn hóa có cái triết lý riêng bao trùm một xã hội. Vậy muốn hội nhập cho thành công, người hội nhập phải am tường cái triết lý đó. Và, như một học giả Âu Châu đã nhận xét: "Để lý hội cho thấu đáo một học thuyết, điều kiện thứ nhất là phải đi vào học thuyết đó và

điều kiện thứ hai là phải ra khỏi nó - Pour bien comprendre une doctrine, la premiere condition est d'y entrer et la seconde condition est d'en sortir." Nói khác đi, lời xác nhận bao hàm một lời khuyên nhắc nhở đầu óc phê bình mà một nền giáo dục nào cũng nhằm gây dựng nơi học viên. Phải biết tránh sự mù quáng, sự đam mê, sự bốc đồng. Tình yêu đậm đà nhưng cần phải trong sáng.

Hoa Kỳ là một nơi "thiên đường" về giáo dục các môn khoa học và kỹ thuật, không chịu đầu quân vào học hành ở đây là một thiệt thòi lớn.

Hoa Kỳ là một quốc gia tương đối trẻ, mới lập quốc được hơn hai trăm năm. Được hỏi về lịch sử triết học Mỹ, một số học giả ở đây đã ngay thẳng lắc đầu trả lời: "không có". Nói rõ hơn là họ không có một công trình tư duy độc lập, lớn lao về triết học, không có một triết lý quán thông nào về vũ trụ và nhân sinh. Nhưng trào lưu cu, lễ tế thường chỉ là du nhập từ cựu lục địa Âu Châu. Tuy nhiên, vẫn có một tư trào nồng cốt khá quan trọng là thuyết thực dụng (pragmatisme) được dân tộc Mỹ viên mãn vào hồi cuối thế kỷ 19 - đầu thế kỷ 20, đến nay đã được thi triển rộng rãi trên toàn quốc và gạt hai được nhiều thánh

TƯƠNG LAI VĂN HÓA VIỆT NAM

com cần gạo. Sống ở bên nào, sống theo bên nào, nhân cách của ta cũng bị tác động, dù ta có đóng loa hay không đóng loa với các guồng máy kinh tế và chính trị của họ. Trong trạng huống đó, ta khó mà nói đến một nền văn hóa dân tộc và độc lập.

Ưu Điểm và Nhược Điểm Lâu nay các bậc, các cô và các chú của hai con mỗi khi nói đến nền văn hóa dân tộc thường hay có khuynh hướng đề cao nguồn gốc và truyền thống của nền văn hóa này. Đã đánh rằng khi ta có tự hào về nguồn gốc và truyền thống của ta thì ta lại càng yêu mến "ta" hơn, nhưng làm như thế không khỏi vướng mắc vào thái độ chủ quan và kỳ thị. Ta có nguồn gốc "Tiên Rồng" cao quý, điều này không có nghĩa là những dân tộc khác không có nguồn gốc cao quý, điều này không có nghĩa là các dân tộc khác không dung cảm, không đánh bại được xâm lăng. Vương quốc Chiêm Thành ngày xưa cũng đã từng đánh bại được cuộc xâm lăng của Đại Việt, và vua Trần Duệ Tông bị phục kích chết trong thành Trà Bàn. Nhà Hán, nhà Đường, nhà Tống thường nhìn dân tộc Đại Việt như nhìn một dân tộc mờ mịt, không có văn hóa; nếu ta không chịu nổi thái độ đó thì ta không nên nhìn những dân tộc khác như những dân tộc hèn kém và bán khai. "Nước ta có

bốn ngàn năm văn hiến", nhưng câu nói như thế chỉ để hoặc tạo nên mặc cảm tự tôn hoặc ngăn cản mặt cảm tự ti. Có biết bao nhiêu nền văn hóa đã bị hủy diệt, trong đó có những nền văn hóa thật rực rỡ và lâu bền. Xét về cần bản thì mỗi nhóm dân tộc đều trải qua những giai đoạn phát triển tương tự, và sự hơn kém của các nền văn hóa đôi khi chỉ được quyết định do một vài điều kiện thuận lợi có tính cách địa phương mà thôi. Paul Huard đã nghi ngờ khi ông nói: "Không có nền văn hóa nào nên tự thẹn, cũng không có nền văn hóa nào được phép khinh mạn nhưng nền văn hóa khác... Mặc cảm tự ti cũng như tự tôn đều không chính đáng" [1]. Ta làm sao có khả năng yêu thương được con người nếu ta chỉ có thể thấy được cái quý cái đẹp của riêng ta... Chúng ta ưa nói nước ta là một quốc gia có bốn ngàn năm văn hiến. Chúng ta ưa nghĩ rằng tổ quốc ta và dân tộc ta không nhưng không thua kém ai, trái lại, còn có nhiều cái hơn người. Nói về văn hóa hay viết về văn hóa, chúng ta ưa viện dẫn lịch sử và đời sống để chứng minh rằng ta có văn hóa, và có văn hóa cao. Điều đó cũng dễ hiểu thôi, bởi vì ai cũng muốn tự hào về tổ quốc mình và nơi giống mình. Tuy nhiên, không phải vì chúng ta nói ta có văn hóa cao mà văn hóa ta cao.

Trong một vườn hoa trăm hồng ngàn tia ta chỉ là một đoá hoa thôi; và nếu ta tâm niệm được điều đó thì ta sẽ nhận ra tính cách trẻ con trong thái độ thao thức muốn chứng minh rằng ta hay, ta đẹp hơn người. Sự phát triển của văn hóa tuy thuộc rất nhiều vào những điều kiện địa lý và lịch sử. Mặc cảm tự ti hay mặc cảm tự tôn đều là những mặc cảm không nên có. Không có dân tộc nào mà không có văn hóa. Điều quan trọng là với nền văn hóa của mình, một dân tộc có sống hạnh phúc hay không, có thương yêu nhau không, có làm khổ nhau và làm khổ nhưng dân tộc khác hay không.

Cái quý cái đẹp của riêng ta đã đánh là có đó, nhưng điều này không cảm ta thấy được nhưng cái xấu cái dở của chúng ta. Hai con đọc đoạn này nói về mình: "Trong quá trình sản xuất và chiến đấu chống ngoại xâm, trong quá trình đấu tranh cách mạng, nhân dân các dân tộc Việt Nam đã cùng nhau hun đúc nên những phẩm chất cao quý đẹp đẽ của con người Việt Nam: lòng yêu nước nồng nàn, ý chí kiên cường bất khuất, tinh đoàn kết keo sơn, 'thương người như thể thương thân', tri thông minh sáng tạo, đức cần cù lao động, tinh thần lạc quan yêu đời, phẩm chất hồn nhiên, bình dị... Nhân dân các dân tộc ở Việt Nam đã cùng nhau xây dựng nên một nền văn hóa phong phú, đa dạng nhưng độc đáo Việt Nam" [2].

Nhưng phẩm chất cao quý

đẹp đẽ nói trên của con người Việt Nam là có thật, nhưng nói về văn hóa và lịch sử mà không đề cập tới những hiện tượng tham vọng, kỳ thị, chia rẽ, bạo động và phản phúc đã từng đưa dân tộc và đất nước vào những giai đoạn tăm tối và khổ đau trong lịch sử thì đó vẫn chỉ là hành động vô về tự ái dân tộc mà không phải là công trình xây đắp văn hóa. Cảm bộ Đại Việt Sử Ký Toàn Thư của Ngô Sĩ Liên lên mà đọc, hai con sẽ thấy lịch sử ta đầy đầy nhưng âm mưu, phản phúc, bạo động, kỳ thị và chia rẽ. Không biết các con nghĩ sao chứ riêng ta, ta chẳng bao giờ có thể tự hào được về công trình chiếm cứ và tiêu diệt trọn cả vương quốc Chiêm Thành. Ta nghĩ là để xây dựng con người và văn hóa Việt Nam, các sử gia của chúng ta phải can đảm nói rõ ràng và đầy đủ về những tham vọng và bạo động trong lịch sử dân tộc; nhưng tài liệu đó sẽ soi sáng cho việc tu thân, tế gia và trị quốc của mỗi người trong chúng ta. Không có gì hại ta bằng khi ta có những nhược điểm mà ta không biết rõ.

HÃY ĐUA BÀN TAY LÊN MÀ NHÌN NGẮM

Các nhà bình sử thời nay nói giọng cách mạng, thường ưa đổ tất cả mọi lỗi lầm lên đầu giai cấp phong kiến thống trị. Ra cái điều ta đang đứng vào thế "nhân dân", thế "đại chúng", ta không chịu trách nhiệm gì về những hành động phản dân tộc và phản văn hóa của giai

cấp thống trị này. Giai cấp thống trị phong kiến, họ nói, chặn đứng đã phát triển của nền văn hóa dân tộc bằng cách mô phỏng nếp sống ngoại quốc, gieo rắc mê tin dị đoan. Họ lại nói rằng chỉ có giai cấp nông dân mới thực sự sáng tạo văn hóa dân tộc: nào ca dao, nào tục ngữ, nào chuyện cổ tích, nào hát ví, hát dặm, hát quan họ, nào tranh Đông Hồ, tranh Hàng Trống, nào gạch Bát Tràng... Dùng một lược guom bên chặt khối dân tộc ra làm hai, họ chia ra một bên là đa số nhân dân và một bên là thiểu số thống trị phong kiến, và quy mọi tội lỗi cho thiểu số này. Họ không muốn thấy rằng chính khối đại chúng thiếu học mới là giới ưa nuôi dưỡng mê tin dị đoan. Họ không muốn thấy rằng chính những giới biết chữ mới sáng tạo được chữ Nôm. Đánh bại được những cuộc xâm lăng, đo đầu phát là công trình của riêng một giới nông dân mà là công trình chung của mọi giới trong đó phải kể vai trò của giới tri thức phong kiến. Sáng tạo văn hóa dân tộc đâu phải chỉ là công trình của riêng giới nông dân mà là công trình chung; nhưng sạch vỏ do tên nhân trước tác, nhưng chương Quy Điền, nhưng vạc Phó Minh văn vắn... mà quán nhà Minh phá hủy, thiếu đốt hoặc chôn vùi Bắc Kinh đều là những sáng tạo phẩm văn hóa của giới biết chữ. Giới biết chữ và giới cầm quyền đều là con cháu của nông dân chứ không phải là con cháu của ai khác. Họ có làm lỗi thì cũng là cha ông của chúng ta, nói một cách khác hơn, họ là chúng ta;

công, khiến người ta có thể gọi Hoa Kỳ là quê hương của chủ nghĩa thực dụng.

Ta có thể tóm tắt chủ trương thực dụng vào hai giáo điều cơ bản: thứ nhất, một tư tưởng khoa học, thứ hai, một nếp sinh hoạt dân chủ. Hệ luận của nó là: tự do (liberte), dân chủ (democratie), cá nhân (individu), quân bình (balance)... Nhưng điều đại cương vừa kể, trên phương diện tổng quát mang quy tắc tinh, đều là những quy tắc tốt lành không ai phủ nhận. Nhưng rồi thuyết thực dụng cũng có nhiều điều bất thuận hợp (tiếng Anh: inadequacies) đưa đến những khủng hoảng xã hội và những tội phạm - điều mà các lý thuyết gia thực dụng cũng phải lên án, chẳng hạn J.L. Childs:

We are convicted that pragmatism negates its own basic principles whenever it takes the form of a completed, closed system and that it will fail to enjoy the support it deserves if it refuses to take account of demonstrated inadequacies in its own patterns of thought and education - chúng tôi tin chắc rằng triết lý thực dụng sẽ phủ nhận ngay chính những nguyên tắc căn bản của nó mỗi khi nó mang hình thức của một hệ thống đầy đủ và đóng kín và rằng nó sẽ không còn được hưởng sự ủng hộ của người đời mà nó đã xứng đáng được hưởng, nếu nó khước từ không đếm xỉa tới những bất thuận hợp nằm ngay trong những tiêu chuẩn của nó về tư duy và giáo dục."

Vài thí dụ về những bất thuận hợp vừa nhắc tới: coi nhẹ giá trị gia đình; coi thường những giá trị học đường, đề cao quá đáng giá trị của khoa học thực nghiệm tới mức có người nói tới một chủ nghĩa khoa học (scientisme); giáo dục là thực đả học viên trau dồi các khả năng khéo léo của họ và quảng bá cho chung quanh những kỹ năng đo lường cách sử dụng chúng. Điều ghi nhận cuối cùng trên đây cũng là quan niệm về cái "tri-savoir" của người thực dụng: "Biết là biết làm, biết cách sử dụng - savoir c'est savoir faire, savoir s'en servir." Một cái tri độc nhất, gạt bỏ những giá trị nhân bản, gạt bỏ vai trò thiết yếu của những khoa học nhân văn (sciences humaines, morales)! Xác

nhận là phê bình rồi!

Về đường xã hội, nước Mỹ đang làm một thí nghiệm văn hóa táo bạo, dai lâu, vô song trên trường quốc tế: kết nạp rất nhiều sắc dân vào trong quốc dân của mình để hướng tới một nền đa-văn-hóa (poly-culture). Đây cũng là một thử tự do ít tinh toán, thiếu kế hoạch thi hành và kiểm soát để đưa tới chỗ bị lạm dụng và thanh ra có hại!

2- Sau nữa có vấn đề gây dựng và bảo tồn bản sắc dân tộc. Bản sắc đó là gì? Ta hãy tìm ở những công trình văn hóa rực rỡ của một nền văn hóa đa dạng của dân tộc. Đừng đâu các giá trị siêu việt đó là ngôn ngữ và văn chương bằng tiếng mẹ đẻ. Đây cũng là bằng chứng của cái thiên tài sáng tạo

ngôn ngữ của dân tộc. Và trải qua hơn một ngàn năm, ngôn ngữ đó đã giúp sản sinh ra rất nhiều tác phẩm văn chương kiệt tác, đủ thể loại thi ca, tiểu thuyết, sân khấu... Đỉnh cao của dòng văn học đó là những ngâm khúc, tiểu thuyết bằng thơ: Cung oán, Chinh phụ, Hoa tiên, Đoạn trường tân thanh, Bích câu kỳ ngộ hồi hậu bán thế kỷ 18 - đầu thế kỷ 19. Và còn nhiều kho tàng văn học khác. Một niềm vui cao cả cho cả một dân tộc đọc. Và chẳng, cứ nói là người Việt Nam mà không nói được tiếng Việt Nam thì đó là một điều đáng chê trách nếu không nói là một điều hổ nhục.

Có một ngôn ngữ phong phú là có một phương tiện

xem tiếp trang 26



Thầy giáo Nguyễn Văn Khoa (ảnh: Long Sơn)

chúng ta không thể phủ tai nói rằng họ là kẻ thù của chúng ta, cha ông của chúng ta, nhưng thánh tích và những lời kìm của họ còn đó, trong bản tay của chúng ta, chúng ta không chịu trách nhiệm gì về họ. Các con hãy đưa bản tay của các con ra mà nhìn ngắm: tổ tiên của chúng ta, cha ông của chúng ta, nhưng thánh tích và những lời kìm của họ còn đó, trong bản tay của chúng ta, chúng ta không làm sao loại bỏ ra khỏi chúng ta được. Thái độ khôn ngoan nhất là hãy chấp nhận một cách can đảm để suy nghiệm, để tự vấn và để thể hiện một ý thức mới có thể đưa bản thân ta và giống nòi ta thoát đến một chân trời mới.

GIẢI TỎA TIỀM NĂNG SÁNG TẠO

Nhưng quốc gia yếu, nhỏ và bị áp bức luôn luôn muốn vùng dậy giành lấy độc lập chính trị và độc lập kinh tế của mình. Cuộc tranh đấu rất cam go. Cam go đến nỗi nếu không có đồng minh thì

không đủ sức mạnh để tiếp tục chiến đấu. Chính vì cần đồng minh cho nên ta mới từ từ bị lệ thuộc vào đồng minh. Ta sử dụng súng ống và ý thức hệ của họ. Ta trở nên bại chiến trường của họ, và cuối cùng ta lâm chũm hầu của họ. Nói rằng ta có văn hóa độc lập nhưng đời sống tư tưởng, kinh tế và giáo dục của ta chép ý theo kiểu mẫu của họ. Làm sao ta có văn hóa độc lập được khi ta không được tự do ý thức hệ nhà nước đều bị tiêu diệt ngay lúc chưa nảy mầm thì làm sao có suy tư độc lập, làm sao có văn hóa độc lập? Ước muốn có chủ quyền quốc gia, chính quyền nào cũng có. Nhưng muốn thực sự có chủ quyền quốc gia phải mạnh. Quốc gia làm sao mạnh được khi một tiềm năng sáng tạo đều bị đè nén? Các nhà cầm quyền luôn luôn sợ hãi rằng những tiềm năng sáng tạo kia một khi được giải tỏa sẽ phá tan guồng máy thống trị của họ. Vì vậy họ phải tiếp tục đè nén. Quyền binh để thực hiện sự giải phóng dân

tộc do đó trở thành một loại xiềng xích ngăn cản không cho dân tộc vươn lên giải phóng thực sự.

ĐỒNG SINH CỘNG TỬ

Trong khi ta loay hoay về vấn đề độc lập và tự do của tổ quốc ta thì tình trạng quốc tế đã trở nên vô cùng hiểm nghèo do cuộc thi đua vu trướng nguyên tử của các cường quốc gây nên. Ta biết đôi kềm và sự áp bức là những nhiên liệu rất bền nhậy để châm ngòi chiến tranh nguyên tử. Ta biết nếu cuộc chiến tranh nguyên tử bùng nổ, con người và nền văn minh của nó sẽ bị tiêu diệt. Ấy vậy mà ta không thể vùng vẫy ra khỏi những tranh chấp cục bộ để góp phần vào việc đẩy lui hiểm họa chiến tranh diệt chủng này.

Tại các nước phát triển, con người cũng bị lung tung không kềm. Tuy tiếng kêu gọi thất thanh của những thành phần giai ngộ về tình trạng đa được vọng lên, đa số vẫn còn

chưa thấy rõ được thực trạng của thế giới. Họ chỉ biết bậm rợn tranh đấu để tăng mức sống của họ, tăng mai lực, tăng khả năng tiêu thụ, không biết rằng sự tồn vong của họ và của quốc gia họ cũng tùy thuộc vào sự tồn vong của các dân tộc nghèo khổ và của các quốc gia chậm tiến. Họ chưa thấy được tình trạng "đồng sinh cộng tử" của các dân tộc trên thế giới: nếu chiến tranh hạt nhân bùng nổ, họ sẽ bị tiêu diệt đồng thời với các quốc gia kia, có thể là sẽ bị tiêu diệt trước cùng nên.

TỰ DO LÀ SỨC MẠNH CỦA VĂN HÓA

Vì biến cố lịch sử năm 1975, hàng triệu người Việt đã rời bỏ đất nước họ và hiện thời đang sinh sống tản mác ở các quốc gia trên thế giới. Tiểu cực mà nói, đó là số phận của những người Việt phát sống kiếp lưu vong. Tích cực mà nói, đó là cơ hội ngàn năm một thuở để người Việt có thể đóng góp vào sự chuyển đổi

tình trạng thế giới, tạo thêm cơ hội để bảo tồn sự sống của hành tinh xanh. Ba quốc ngoại để sống một cuộc đời lầy lắt lêu vơng hoặc để đem văn hóa Việt làm chất liệu xúc tác văn hóa thế giới, cái đó tùy ở chí khí của mỗi người. Có những việc mà hiện giờ người Việt không làm được ở quốc nội, nhưng lại có thể làm được ở quốc ngoại: chúng ta ai cũng biết điều đó. Làm để yểm trợ cho người ở quốc nội, hoặc làm để đóng góp vào sự chuyển đổi tình trạng thế giới. Làm được gì, cái đó tùy thuộc ở chất liệu văn hóa tiềm ẩn trong mỗi người. Chất liệu văn hóa ấy, nếu ta biết tạo môi trường thuận lợi cho nó, nó sẽ phát triển, và giống như cây đào, nó sẽ ra lá ra hoa và cống hiến cho ta những trái đào thơm ngọt. Chất liệu văn hóa đó đã được di truyền xuống từ tổ tiên nhiều đời nhiều kiếp trong các tế bào cơ thể ta. Môi trường thích hợp cho chất liệu đó phát triển là môi trường tự do. Ta đừng để cho nó bị đè nén, bị kìm. Ta để cho

xem tiếp trang 15



ĂN GIỎ...

1.

Ở nông thôn ít ai mời đám giỗ mà lại mời giỗ, chỉ đại khái "Chiều này..." hay "Sáng mai... sáng mốt", hoặc ngày âm lịch "Chiều mồng tám, sáng mồng chín...", nhưng cũng không vì vậy mà có sự trở ngại về giờ giấc. Người ta biết rõ thói quen, sinh hoạt của từng gia đình, thậm chí còn biết gia đình nào thường hay nấu nướng những món ăn gì, thường làm những thứ bánh trái gì để "trước cúng sau ăn" trong ngày giỗ. Và đương nhiên người ta biết rõ giờ nào gia đình ấy tiếp khách để đến ăn giỗ cho thích hợp. Đối với những người ruột thịt cũng có trách nhiệm thờ cúng hay con cháu hàng dưới thì phải đến sớm, ít nhất là phải có mặt vào buổi chiều của ngày cúng "tên thường", tức là ngày mà người được cúng còn sống. Về sớm để cùng góp công, góp của làm sao cho ngày giỗ ông bà, cha mẹ, anh em qua cố - dù giàu, dù nghèo - cũng được "gói ghém đem đủ", không quá ỷ quá, quá loa, đại khái. Các nàng dâu (con dâu, cháu dâu, bạn dâu) phải về sớm để cùng dâng bọt làm bánh, phơi lá dái nếp, đi chợ mua sắm... Các chàng rể (con rể, cháu rể, bạn rể) thì lau chùi bàn thờ, đem bông, đem quả, làm gà vịt, bày biện xôi thịt...

Với khách mời, nếu ngại không muốn hỏi giờ, tốt nhất hay đến sớm hơn một chút. Đến sớm, khi gia chủ chưa cúng

xong và chưa bày cỗ, khách có thể ngồi ăn bánh, uống nước, trò chuyện với các thành viên trong gia đình hoặc với bà con cùng đến ăn giỗ. Động tác này giúp ta tiếp cận, tăng thêm hiểu biết và đồng cảm lẫn nhau. Đến trễ, chẳng ai trách gì nhưng cũng gây cho chủ và khách sự khó xử. Xem ra câu ngôn ngữ "Ăn giỗ đi trước..." không chỉ là tính toán của kẻ khôn ngoan, mà trong đó còn gói ghém cái phong thái của người lịch sự.

2.

Một người có ý từ bao giờ cũng "ăn coi nói, ngồi coi hướng". Nghĩa là không phải bạ đâu ngồi đó, mà phải biết chọn chỗ cho thích hợp. Tuy con cháu về dự đông đảo, ồn ào, nhưng chỗ ngồi để trò chuyện trước khi ăn và chỗ ngồi ăn đều có sự phân định rạch ròi, đặc biệt là với các "bạn dâu", "bạn rể" ở vai con cháu. Trong nhà, dù được cất theo kiểu cũ hay kiểu mới, chỗ của họ thường ở bên hoặc ở nhà dưới. Nhưng phụ nữ có tuổi, có vai về trong gia đình hoặc là khách mời, tuy được xếp đặt ngồi ở nhà trên, nhưng lại ngồi ở bàn nước, bàn trái của gian tiếp giáp với nhà dưới. Một điều đặc biệt nữa là không được đi qua gian giữa từ gian thờ. Ngày giỗ cũng như ngày thường, phụ nữ trong nhà muốn lên gian giữa để quét dọn hay phục vụ ăn uống, nếu của gian đóng thì

phải vòng ra hiên rồi mới đi lên, con nít của gian mô thì đi vòng ra sân rồi lên. Với các "bạn rể" tuy có chỗ ở nhà trên, nhưng cũng chỉ là chỗ đi, chỗ đứng để dễ phục vụ chứ không phải chỗ ngồi. Các bạn rể có thể ngồi ăn ở bàn trên, gian trên, nhưng chỉ sau khi các bậc hào káo, cha chú đã ăn xong và lên văn ngựa ngồi uống nước. "Ăn coi nói..." là biểu hiện của sự kính trọng, của tình thương và lễ phép. Không phải cứ ngồi vào mâm là ăn cầm cùi cho thẳng bụng, mà phải để ý (coi) nói côm đây hay lưng để con nhường phần cho người khác. Đây không phải là chuyện khách sáo mà là một biểu hiện của văn hóa Việt nơi riêng và của người Á Đông nơi chung.

3.

Ở quê tôi, mỗi khi cúng giỗ, sang hay hên đều có vài cái bánh trắng nướng đặt trên bàn thờ. Vào tiệc, đầu tiên người ta mời "bế bánh trắng", sau là mời cảm đưa, chứ không mời nâng li nâng chén như bây giờ. Gọi là đơn sơ theo lối mời của gia chủ, nhưng bàn nào cũng phải có thịt gà, thịt vịt, đĩa xôi... Cũng có nhà quen cúng chay chứ không cúng mặn. Các món chay như bún bò, chả lụa, gà xôi mồi... giống ý chàng.

Khi ngồi vào bàn ăn giỗ, gia chủ không gấp thức ăn bỏ vào chén người



Hình ảnh hợp (SÔNG HỒNG TRĂNG)



NGUYỄN VĂN NHÌEN

khác, mà xem, nếu sự bày biện thức ăn không đều thì họ gấp chia ra cho đều và hợp li. Thêm nữa, chủ nhà là người đứng đầu sau cùng, vì nếu chủ nhà thôi sớm, khách sẽ không thực tình ăn no. Cũng là để cho cuộc gặp mặt thêm đậm đà ấm cúng, kéo dài thời gian sum họp, kể chuyện tâm tình. ... Ăn gió kông, lại còn "cửa gói đem về", chủ nhà đã chuẩn bị sẵn nhưng phần quả nhỏ là vài chiếc bánh ít, bánh tía, vài bìa thư trái cây... đưa tận tay cho từng người.

Một người có "nết ăn nết ở", trong ngày gió bao giờ cũng ăn nói rất khéo, thái độ cư xử chừng mực, tế nhị. Dẫu cho thực lòng họ không nhưng không để bụng, cũng không ai nói khích bác hoặc bông gió, ác ý gì. Có người bảo ăn đàm gió mà gặp được người hiểu mình thì uống máu cũng còn thấy ít. Cảm bằng như đụng phải kẻ hay "kẻ tù đưng" thì cho dẫu uống chỉ một chén, cũng không làm sao nuốt nổi!

Dám gian có câu "học ăn, học nói, học gói, học mở". Đi ăn gió không đơn giản như đi ăn tiệc hay đi nhậu. Ngày gió ở nông thôn con là trường học, trường thì đối với nam nữ thanh niên "mới đầu làm rể" hay "bơ ngỡ làm dâu".



Ảnh: NGUYỄN VĂN NHÌEN

ĐOÀN ỨNG VIÊN

CỎ

ngọn cỏ chim khuất
ngửi mùi sương
ngồi lên
đim con khát
lại
ấn nhún đợt chờ
gói câu thơ vào hồn lau lách
một sớm
mở ra
câu thơ vô nết

ĐÊM. ĐỌC THƠ LÊ ĐẠT

nơi góc khuất cuộc đời
ông công lưng vác chur
nhưng nhất bữa
tôi lửa
ngư nhua vô tung
con lại
bong
trời khuya trăng mọc
tôi đọc thơ ông
thấy
bóng mình gầy gáp
trên vách tường cu ngôi nhà xưa
sao lưa thưa
rụng ngôi phía núi
loại chim lạ
buồng tiếng ngang trời
vọng
suốt đêm hơi.

MỜI EM ĐI NỐT CON ĐƯỜNG

mời em
đi nốt con đường
mấp mô phúc họa kho lường nhăm gian
chào em
ngồi hát giọng khan
nắng lên
rời cung sương tan vạn đo
mời em
tàn cuộc hẹn hò
mai còn nhất nhành cái ngõ thàng giềng
thưa em
cuộc lữ triền miên
nón che huyền mộng
chào nghiêng nhịp cầu
em đi tìm lại ban đầu
mưa xiên
nắng cheo
vật sáu vật vai
hỏi người
người hỏi
hỏi ai
cuối trời có nhạt
lưng ngày mây che.



Hình ảnh kỷ (SỞ NG HSA TPANQ)

ĐI CHÙA ĐỂ NHÌN LẠI QUÊ HƯƠNG

TRẦN NGÂN HÀ

Nhân dịp đầu năm, nhớ duyên lành, tôi đến thăm quý thầy Thích Phước An, chùa Hải Đức, Nha Trang.

Thấy hỏi tôi về các chị gái ở nước ngoài, tôi nói năm nay các chị đều về Chùa đón Tết. Thấy gật gù: "Ừ, đến Chùa để nhìn thấy quê hương". Bỗng dưng tôi thấy mắt cay.

Đi lễ chùa đầu năm, người lớn hướng về Đức Phật- đại diện cho điều Thiện Lành, cho lòng Từ bi, hi xả tốt đẹp của con người luôn hướng đến. Trẻ con được nhìn điều Thiện Lành ấy, lòng ngưỡng mộ và đọc những câu thơ nhẹ nhàng, dễ nhớ. Cũng có khi là câu kệ rất hay, mà chỉ hiểu lơ mơ ý nghĩa của nó thôi, cũng đã khó quên: "Hay tự thấp được mà đi lên!".

Đi lễ chùa Tết, còn là tin vào lời khấn nguyện của mình dâng lên Phật, Trời, Tổ tiên: Cầu mong cho một năm mưa thuận gió hòa, Ông bà cha mẹ gia đình ai cũng được khỏe mạnh, an lành.

Một nét văn hóa tín ngưỡng truyền thống của người Việt Nam. Hôm nay là rằm tháng giêng, tôi sợ hai khi thấy cảnh người người chen lấn xô đẩy để xin ít lộc (đó thờ cúng), và đáng sợ nhất là nhìn thấy tiền lẻ vứt khắp nơi, có kẻ còn thậm chí ném rác bẩn lên mặt tượng. Thùng công đức, cũng dường như bị bỏ quên...

Một người bạn nói với tôi, các "nhóm lợi ích" xây chùa giả, sư giả tu để kinh doanh tiền lẻ, đồ là phi băng thanh thần. Nhưng tôi không chỉ thấy sự phi bang. Vì hơn cả, điều này đã trở thành một suy nghĩ thông thường của người Việt hiện nay. "Nhóm lợi ích", tất nhiên rồi, họ nhún vai bỏ đi và lâu ngày, mọi sự xấu, mọi

các ác hiển nhiên, đương nhiên, không còn là sự bận lòng. Để rồi cho đến một ngày, sẽ có một thế hệ khác viết về con người đang sống trong thời đại này, gọi là nhưng hình nhân vô cảm sống trong một cuộc đời lắm tham tâm tôi.

Tín ngưỡng, vốn là một sự cứu rỗi khi con người không còn phân biệt được thật giả, xấu tốt lẫn lộn, khi niềm tin vào sự thật không còn, khi nỗi đau đớn của con người khiến anh ta tự chối bỏ mình... Ai đến chốn tâm linh đều nguyện cầu, sám hối. Nhưng hôm nay ngày cả chốn linh thánh ấy cũng đã biến thành "chợ tâm linh", người ta mua bán, đổi chác... nhưng cái đầu đàn thay, tất cả mọi người đều bị lừa và có khi họ cũng biết mình bị lừa. Tôi vẫn mong có thể trong số những con người đang lừa theo hiệu ứng đám đông để tự dối lòng mình, vẫn còn những người mong được cứu rỗi, để niềm an ủi cuối cùng của họ, và những lời cầu nguyện từ đáy lòng của họ, chính là những đốm lửa nhỏ của sự cứu chuộc niềm tin cuối cùng soi sáng cho một nơi chốn linh thiêng.

Mỗi một lời cầu nguyện là một sự trở về, dù bằng cách nào, vẫn thấy thật tội nghiệp cho những đứa trẻ trong ta, những bơ vơ thay, đứa trẻ đã mất chốn nương tựa - đó là sự thật. Một con người sống tận cùng cùng bằng sự dối trá, đã đánh mất mình rồi.

Ngày rằm, tôi lại đưa con tôi đi chùa.

Để mong cầu tìm lại quê hương!

HUYỀN KHÔNG

Nhớ Chùa

Từ thuở ra đi vắng bóng chùa
Đường đời đa nhọc chuyện hơn thua
Trong tôi bùng dậy niềm chưa xốt
Xao xuyến mơ về lại cảnh xưa
Tháp thoáng đâu đây cảnh tượng lang
Có con đường đỏ chạp lang thang
Có hàng tre gọi hồn sông núi
Im lặng chùa tôi ngập nắng vàng
Có những cây mai sống trọn đời
Bên hàng tung bạch mai xanh tươi
Nhìn lên phảng phất hương trầm tỏa
Đức Phật từ bi miệng mỉm cười
Tôi nhớ làm sao những buổi chiều
Lời kinh giải thoát vọng cao siêu
Đầy ngôi chùa cổ ngày hai buổi
Cầu nguyện dân làng sống yên vui
Vị vậy lang tôi sống thái bình
Sớm khuya gần gũi tiếng chuông linh
Sấn khoai gạo bắp nuôi thôn xóm
Xây dựng tương lai xứ sở mình
Tối đến dân quê đón gió lành
Khắp chùa đạo dạt ánh trắng thanh
Tiếng chuông thư tỉnh lan xa mai
An ủi dân hiền mọi nỗi tranh
Trăm đốt hương thơm bay ngạt ngào
Thôn trên xóm dưới dạ nao nao
Dân làng tâm gọi lên chùa lễ
Mười bốn, ba mươi một tới nao
Biết đến bao giờ trở lại quê
Phấn vờ lòng gửi nhớ nhưng về
Tang thương dù có bao nhiêu nữa
Cung nguyện cho chùa khởi tại tề
Chuông vắng nơi nao nhớ lạ lùng
Ra đi ai chẳng nhớ chùa chung
Mai chùa che chở hồn dân tộc
Nếp sống muôn đời của tổ tông



<http://leluu.hoto.org>

GÓC KHUYẾT CUỘC ĐỜI

việc tư lại tiếp tục chống chất, báo sao tri nhớ con người không có lúc kiệt quệ mà quên cái này, bỏ cái kia. Tuy nhiên, có một bệnh quên thất đại, đã ngày càng phổ thông mà bạn không thể không biết tới. Hội chứng "bỏ quên trẻ nhỏ" đã biến thành mối quan tâm rộng lớn của mọi tầng lớp xã hội ngày nay vì mức nguy hiểm do hậu quả của nó đem lại.

Trong sự sụp đổ, eo hẹp của kinh tế, người không có việc làm thì bận rộn tìm việc hay không đủ tài chính lo cho con cái, trẻ nhỏ. Người có việc, vì sự cắt giảm, cắt người, phải chịu áp lực nhiều hơn nơi công sở. Việc nhà làm hoài không hết, lại còn phải lo cho con cái chu toàn, đã biến con người thành cái máy làm việc không ngơi nghỉ.

Bệnh "bỏ quên trẻ nhỏ" đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng. Đó là trường hợp của một em bé 2 tuổi bị chết trong xe vì mẹ bỏ quên.

Bà Karen Murphy (40 tuổi, ở bang Virginia, Mỹ) là một bác sĩ thú y, bị buộc tội giết người và bỏ bê trẻ nhỏ, có thể phải đối mặt với 40 năm tù giam. Daily Mail cho biết, ngày 17/6/2011, khi Karen về đến nhà lúc 4 giờ chiều thì nhận được điện thoại của chồng nói rằng bé Ryan không có ở nhà trẻ. Khi Karen nhớ ra, mở cửa xe mình, thì phát hiện bé trai vẫn bị giữ trên ghế ngồi từ buổi sáng. Cậu bé sau 7 tiếng trong xe của đóng,

đưa từ vong vì nóng. Ngay sau đó, bà đã bị bắt. Theo hãng NBC dẫn thông tin điều tra cho biết, đây không phải là lần đầu tiên Karen Murphy bỏ quên con trong xe. Trước đây, bà đã từng bỏ quên cậu bé trong xe 20 phút. Theo bạn bè kể, bà có một cuộc sống gia đình rất hạnh phúc và là một bà mẹ thương yêu con cái. Bà có 3 đứa con 11,9 và 2 tuổi, bà còn làm chủ một bệnh viện thú y lớn.

Bi kịch của làm lỗi tại hội không thể giải thích này không phải là một tội ác. Tuy nhiên bà mẹ ấy sẽ phải rời gia đình êm ấm và 2 đứa con nhỏ để ngồi tù trong những năm còn

lại đời mình. Bà không nhưng mất đi đứa con nhỏ yêu thương mà còn phải sống trong địa ngục tâm trí của sự dằn vặt và hối hận vì một phút quên lãng vô tình của mình. Hối nhưng bà mẹ tay xách, nách mang, chân lưc nào cũng chạy, đầu óc lưc nào cũng bận rộn để nhớ lịch họp hành, chợ búa, tá, sưa, sinh nhật người này người nọ nhưng lại quên mất con cái của mình. Có một sự việc xảy ra ngoài tầm nhận thức của con người, một hậu quả bị thảm của đời sống tất bật điên cuồng ngày nay, đó là sự xáo trộn của đầu óc. Đó là hiện tượng

xem tiếp trang 27

i.M.i.c.h.a.e.l.T.r.a.n | www.imichaelphoto.com

TƯƠNG LAI VĂN HÓA VIỆT NAM

nó tự nhiên phát triển và biểu lộ. Và ta nuôi dưỡng quá trình biểu lộ và phát triển của nó bằng nhận xét thường trực của chúng ta về những điều kiện nội tại và ngoại tại của nó.

VĂN DỤNG Ý THỨC

Nhận xét thường trực mà ta vừa nói đó, hai con cái, là tất cả cá bi quyết của tương lai Văn Hóa. Nếu ta nuôi dưỡng được ý thức minh mẫn về những gì đang xảy đến cho sự sống là ta đã soi sáng cho đường đi nước bước của ta, của văn hóa dân tộc ta. Ta bắt đầu không phải chấp nhận một lý thuyết hay một ý thức hệ. Làm như thế là ta tự gọi bỏ ngày buổi bắt đầu. Ta phải tự do. Cây đào phải được tự do đâm rễ, làm cành, làm lá, làm hoa. Ta cũng vậy. Ta không thể nghe lời đường mật của bất cứ ai để đem tự do của ta mà đánh đổi một thiên đường nào đó trong tương lai. Thiên đường của hai con chính là tự do của hai con đó.

Chúng ta hay nói làm công tác văn hóa và xây dựng văn hóa. Nhưng động từ làm và xây dựng bao hàm nhưng ý nghĩa nhưng nỗ lực nặng nhọc. Theo ta, văn hóa trước hết là sự phát triển tự nhiên, không cần làm gì hết. Ta phải biết áp dụng thái độ vô hành với văn hóa. Vô hành là không làm, là đứng kho công lao tác, đứng uốn nắn và đàn áp. Vô hành là tôn trọng sự tự do phát triển. Các con hay đứng quên cây đào. Nhưng vô hành không phải là phò mặc. Con người là một sinh vật có ý thức và nhờ đó con người có thể hướng dẫn được văn hóa. Con người phải sử dụng ý thức ấy. Do đó, sử dụng ý thức là công tác cơ bản để xây dựng văn hóa. Sử dụng như thế nào? Ta phải tỉnh táo để thấy được chân tướng của sự sống. Một cái thấy khách quan, trực tiếp, không bị bóp méo bởi một lăng kính ý thức hệ nào, một sự tự kỷ ám thị nào, một tâm trạng sợ hãi hoặc căm thù nào. Ta chỉ làm lạc khi ta không thấy mà thôi. Hề mà ta thấy được tức là ta

đi đúng đường. Cái thấy đó, hai con cái, đã được truyền xuống không ít cho chúng ta từ những thế hệ đi trước. Cái thấy đó cần được bổ túc thường trực bằng nhận xét của chúng ta.

MÀNG LƯỚI NGÔN TỪ

Muốn thực sự thấy, ta phải thường xuyên tranh đấu để chọc thủng những màng lưới ngôn từ và ý niệm. Chúng ta nhưng trở ngại lớn lao nhất cho cái thấy. Chúng che lấp thực tướng của vạn vật. Loại người chúng ta có tật rất ưa ngôn từ và ý niệm, và làm khi chỉ cần ăn ngôn từ và ý niệm cũng sống được hàng tháng hoặc hàng năm. Do đó mà nhưng kẻ đi bán ý niệm và danh từ rất đông. Có khi ta phải mất rất nhiều ngày tháng mới phát hiện ra rằng các ý niệm ấy và các danh từ ấy là trống rỗng, không ăn nhập gì với thực tại. Nhưng ý niệm và danh từ kia có thể tạo nên tác dụng hồ hởi và phấn khởi trong ta, nhưng chúng không duy trì được tác dụng ấy lâu dài. Cái có thể duy trì niềm hồ hởi và phấn khởi của ta một cách đích thực là thực trạng đất nước. Nhưng trên thực tế, thực trạng đó đến tới và báo nháo qua, khiến cho giấc mơ ý niệm và danh từ không còn đủ sức

kích động được ai nữa.

TINH THẦN KHOA HỌC, TINH THẦN CỎI MÒ

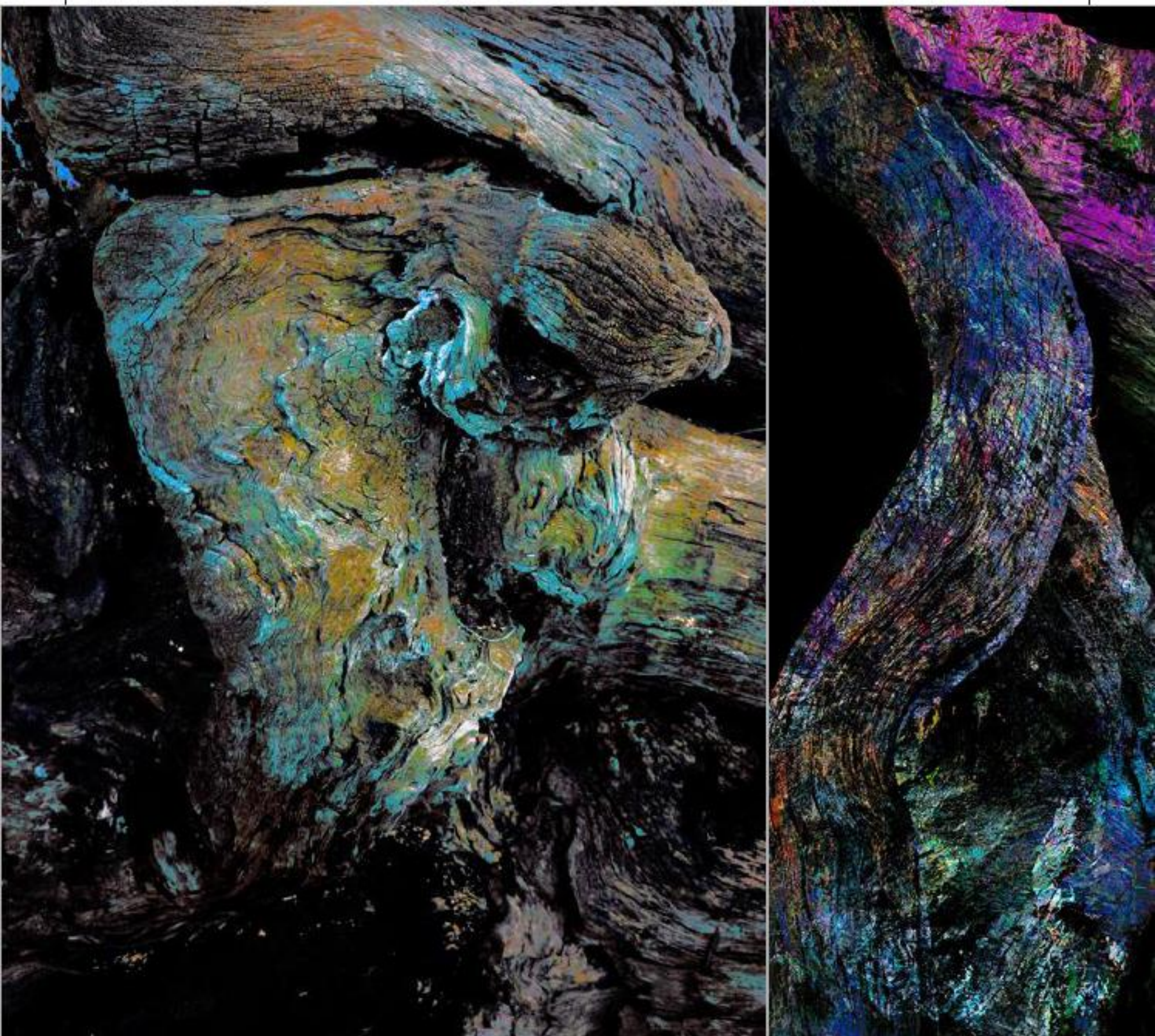
Một số các cô chú đã từng nêu ra các khẩu hiệu khoa học, dân tộc và đại chúng làm phương châm cho một nền văn hóa dân tộc. Đứng về phương diện ý niệm chúng ta không thấy cần chống đối gì nhưng phương châm ấy cả. Nhưng đây là vấn đề phương châm hành động. Khoa học là một lẽ lối học hỏi tự do, không giáo điều, luôn luôn muốn tự thắng vượt mình mà đi tới và do đó đòi hỏi người học giả phải thường trực xét lại thực tại và nhưng cơ sở lập luận của mình. Tất cả những gì mà ta gọi là chân lý khoa học hôm nay đều sẽ là nhưng mẩu ngọc khoa học ngày mai. Khoa học mà các cô chú các con thường nói tới trong khi diễn dạy về thuyết Mac - Lê chỉ là khoa học của các thế kỷ mười tám, mười chín. Các cô chú ấy thường cao giọng lên án một lẽ lối suy tư không Mac-xít là "duyết tâm, thần bí, phản khoa học và phản tiến hóa". Họ chỉ cho cô Duyệt Vật Biện Chứng Pháp là khoa học. Họ không thấy được nhưng chân trời mới mà nền khoa học vật lý mới vừa đặt chân tới, trong đó

tác dụng nhận thức (tâm) của nhà khoa học không thể nào còn được quan niệm như một thực tại có thể tách rời ra khỏi đối tượng nghiên cứu. Các con đã tìm hiểu về thuyết tương đối và lực học lượng tử (mecanique quantique) thì các con đã thấy được điều ấy.

Nếu thực sự có tinh thần khoa học, ta sẽ không bám víu vào một vài giáo điều hoặc một ý thức hệ nào cả. Ta sẽ có nhiều tự do hơn. Ta sẽ không khu khu ghi chặt kỷ mô kiến thức hiện tại mà ta ngỡ là chân lý tuyệt đối, là "đỉnh cao của tri tuệ loài người"; trái lại ta sẽ sẵn sàng học hỏi để có thể thấy được rộng hơn và đúng hơn thực tại. Người Mac-xít thường hay chế trách giới tôn giáo là "phản khoa học, phản tiến hóa", nhưng các con biết tinh thần phá chấp của đạo Phật rộng rãi biết mấy và phù hợp với tinh thần khoa học biết mấy. Các con hãy thử đọc điều thứ hai của Giới Luật Tiếp Hiện: "Không được yếm tri rằng nhưng kiến thức minh hiện có là nhưng chân lý bất di bất dịch, như thế để tránh sự trở thành cố thủ và hẹp hòi. Phải học hỏi thái độ phá chấp và cởi mở để đón nhận quan điểm của kẻ khác. Chân lý chỉ có thể

xem tiếp trang 16

NGUYỄN MAN NHIÊN



tiếp theo trang 15

TƯƠNG LAI VĂN HÓA VIỆT NAM

thực chúng trong sự sống mà không thể tìm kiếm trong những kiến thức và khái niệm". Ta ước mong những người theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin ở xứ ta cũng có được một thái độ cởi mở như thế để cho dân ta có thể phát biểu tự do, và tự nhàn trong các trại "học tập cải tạo" được trở về với gia đình họ. Con người chỉ có thể học tập nơi sự sống chứ không thể học tập dưới họng súng của người đóng loại.

SỰ THỰC ĐẾN GỖ CỦA TÌM TÀ

Ta muốn kể cho hạt con nghe câu chuyện ngụ ngôn này của dân tộc Ấn Độ. Một người lái buôn góa vợ kia có một đứa con

trai năm tuổi. Ông ta cũng chiều con, xem nó như là lẽ sống đời ông. Một bữa nọ ông đi vắng, kẻ cướp đến đốt xom đốt lạng và bắt cóc đứa con của ông đi theo. Khi người cha trẻ về tới nơi, thấy thi hài một đứa bé trạc tuổi con mình chết thiếu bên căn nhà cháy rụi của mình, ông tin ngay rằng đó là con ông đã chết. Ông khóc lóc và lam lè tra tỵ (hỏa thiêu) thân xác đó; rồi vì thương con quá, ông cất tro xương của thi hài vào một cái túi gấm và đi đâu cũng mang theo bên mình. Mấy tháng sau, vào lúc nửa đêm, đứa con thoát được trở về và gõ cửa đòi vào. Người cha, lúc ấy đang mang chiếc túi gấm đựng tro và khóc thương con mình, không

chịu đựng dậy mở cửa. Ông tin rằng con ông đã chết thực rồi, và đứa trẻ đang gõ cửa xung con ngoài kia là một đứa trẻ hàng xóm nào đó đang cố tình trêu ghẹo ông. Vì thế mà đứa trẻ con thật của ông phải thất thủ ra đi, và người cha khốn khổ kia vĩnh viễn mất đứa con của mình. Câu chuyện ngụ ngôn cho ta thấy sự thiệt thòi gây ra do thái độ cuồng tín và hẹp hòi. Khi ta đã tin vào một lý thuyết như chân lý tuyệt đối rồi thì ta không còn có khả năng cởi mở để thấy mặt mũi sự thật nữa, dù sự thật có đến gõ cửa tìm ta. Ta có thể vì "chân lý" mà gây ra bao đau thương tang tóc cho người đồng loại.

TINH THẦN BAO DUNG HÒA HỢP

Ngày xưa cái học của ta bao gồm Nho, Phật và Lão. Ba nguồn tuệ giác này đều có tác dụng soi sáng cho nhân tâm và thế đạo. Nho học được

xem như chủ trọng về mặt trị thế hơn Phật học và Lão học. Tuy vậy vai trò đạo tạo nhân cách và gạn lọc tâm hồn của Phật và Lão rất quan trọng; phương châm xử thế của đạo Phật cũng đã duy trì được hòa bình và tình huynh đệ trong nhiều thế kỷ liên tiếp. Trong các triều đại Lý và Trần, đạo Phật rất mực hưng thịnh; tuy vậy các đạo Nho và Lão không hề bị phế bỏ. Trái lại cả ba truyền thống cùng tồn tại được với nhau trong tinh thần tương dung tương hợp. Đó là những thời đại có hòa bình lâu dài nhất của lịch sử nước ta và cũng là những thời đại vẻ vang nhất, sáng đẹp nhất. Kịp đến khi Nho học chiếm địa vị độc tôn thì Phật, Lão bị đem phá, chê bai. Trạng nguyên Lương Thế Vinh chỉ vì sáng tác cả sách Phật mà sau đó không được thờ cúng trong Văn miếu. Sự hẹp hòi về tư tưởng đã khiến cho triều Lê đẩy dấy những bạo động và loạn lạc. Cuộc tranh đấu

giải phóng dân tộc ở thế kỷ của chúng ta sẽ di họa tổn nhân mạng và thời giờ một cách oan uổng là cùng do sự hẹp hòi về tư tưởng và sự chen ép lẫn nhau giữa các đảng phái. Các đảng phái thanh toán lẫn nhau ngay trong thời gian cầm phái đoàn kết để chống lại các thế lực ngoại bang. Bất thể cho nên thay vì chỉ cần năm bảy năm để tranh đoạt được nên tự chủ, chúng ta đã mất tới bốn mươi năm. Bao nhiêu triệu người đã chết oan uổng vì sự hẹp hòi đó. Tư thế kỷ thứ hai, đất Giao Châu đã là chiếc nôi của sự sống chung hòa hợp giữa các nguồn tuệ giác Phật, Lão và Khổng. Nếu các con có đọc sách Lý Học Luận của Mậu Tử thì các con thấy được điều đó. Truyền thống tốt đẹp ấy kéo dài tới đầu thế kỷ thứ mười lăm. Hai triều đại Lý và Trần rạng chiếu tinh thần cởi mở bao dung và nhờ đó, chúng ta đã có tới bốn thế kỷ hòa bình. Tinh thần bao dung đó, há chẳng phải là vốn liếng quý báu

TRONG BÓNG TỐI CHÚNG TÔI LÀ THÂN RẺ

photo-based art, 60cmx80cm, 2014



của nền văn hóa dân tộc?
Tại sao ta không bảo tồn nó?

Tinh Dân Tộc Tim Ô Đâu?
Phương châm thứ hai được nhắc đến là dân tộc. Nền văn hóa chúng ta phải có tinh cách dân tộc. Có lẽ tất cả chúng ta đều mong muốn như vậy. Nhưng thế nào là tinh cách dân tộc? Các con hãy nghe hai ông Trương Chính và Đặng Đức Siêu viết về văn hóa dân tộc: "Nền văn hóa chúng ta đang xây dựng là nền văn hóa xã hội chủ nghĩa, tức là một nền văn hóa được học thuyết Mác - Lê-nin soi sáng và nhằm mục đích phục vụ chế độ xã hội chủ nghĩa. Cơ sở của nó là nền văn hóa dân tộc. Nó không xa lạ truyền thống dân tộc, không quên đi vàng của dân tộc. Nó phải có tinh cách dân tộc, đồng thời thích ứng với cuộc sống hiện nay, phản ánh tâm hồn người Việt Nam thời nay" [3]. Ta thấy như hai ông đang cố gắng trộn lẫn một lít nước với một lít dầu

để cuối cùng lít nước nằm ở dưới ("cơ sở của nó là nền văn hóa dân tộc") và lít dầu nằm ở trên ("nền văn hóa của chúng ta đang xây dựng là nền văn hóa xã hội chủ nghĩa"). Ngộ thờ cho nền văn hóa dân tộc biết mấy. Chúng ta biết nói rằng nguồn gốc của tinh cách dân tộc là tâm hồn và tinh cảm Việt Nam, vậy mà chúng ta lại đem lê lối suy nghĩ và một nếp sống rất ngoại lai áp chụp lên trên đầu dân tộc. Có thời nào trong lịch sử ta mà trẻ con đi tổ cáo cha mẹ và hàng xóm đi tố cáo lẫn nhau như bây giờ không? Có thời nào trong lịch sử mà đời sống cá nhân bị kiểm soát tới tận phạm vi tư tưởng và tinh cảm như bây giờ không? Chúng ta chửi trách các triều đại phong kiến chỉ tiếp thu một thứ thiết chế văn hóa của người phương Bắc về để làm công cụ trị dân, nhưng chúng ta không thấy được rằng chúng ta đang lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm khuôn vàng thước ngọc và chỉ dám học tập

chủ nghĩa ấy mà không dám phê bình không? Ta có thấy là ta đã mở phòng gương máy cai trị của nước ngoài hay không? Nhưng cách thức tổ chức kiểm soát, kim kẹp và trừng phạt người dân, ta có biết là ta đã bắt chước ở mẫu mực nước ngoài không? Ngay xưa dân tộc ta có bao giờ thiết lập nhưng trại học tập cải tạo trên rừng núi như bây giờ. Nền văn hóa xã hội chủ nghĩa có tinh cách dân tộc ở chỗ nào?

TẠI SAO HÀNG TRIỆU NGƯỜI BỎ NƯỚC RA ĐI?

Các con ơi, trong một vườn hoa chúng ta thấy có nhiều loại hoa, trăm hồng nghìn tía, đua hương phở sắc. Mỗi loại hoa có đặc tính của nó; nhìn thấy và ngửi thấy, ta nhận được đó là loại hoa nào. Một dân tộc là một loại hoa. Nó có những đặc tính của nó. Ta không thể ép buộc một đóa thực được

phải có những cánh hoa hương. Nếu ta bắt ép quá thì đóa thực được sẽ héo tàn. Bắt buộc dân tộc phải suy tư và hành động theo một mẫu mực không thích hợp với dân tộc đó, như vậy đâu phải là theo tinh thần khoa học? Ta than phiền rằng hiện tượng tiêu cực và nạn tham nhũng lan tràn. Tại sao ta tiêu cực? Tại vì ta đã cố gắng hết sức ta mà vẫn không thể bỏ hút và phàn khởi. Tại sao ta tham nhũng? Tại vì quanh ta ai cũng tham nhũng cả, nhất là những thanh phần cốt cán; không tham nhũng thì không sống được. Tại sao đồng bào ta bỏ nước ra đi, kể cả những giới lao động như ngư dân và nông dân? Có khi nào trong lịch sử mà đồng bào bỏ nước đi tới hàng triệu người, bất chấp hãi tặc và cai chế? Tất cả những điều đó không đủ để cho chúng ta thấy rằng nếp sống hiện tại đi ngược với tinh cách dân tộc sao? Vì đi ngược với dân tộc tinh cho nên nó đang bị dân tộc chối bỏ.

ANH KHÔNG CHẤP NHẬN CHÂN LÝ TÔI THÌ ANH PHẢI CHẾT

Chúng ta có quyền theo đạo Phật, đạo Lão, đạo Nho, đạo Cơ Đốc, đạo Cao Đài hoặc theo chủ nghĩa Mác - Lê... Nhưng chúng ta không có quyền cho rằng chỉ có nếp sống ta mới có tinh cách dân tộc, còn những tập đoàn khác là phi dân tộc, là phản động, là không yêu nước. Thích ứng được với dân tộc tinh thì tồn tại với dân tộc, còn không thích ứng sẽ bị loại trừ. Người Mác-xít nước ta tuy nói nhiều về một nền văn hóa dân tộc nhưng chưa thực sự xúc tiếp được với linh hồn dân tộc. Thứ phương được mà họ bao chế đa chúng tỏ là không hợp với tự tượng dân tộc, do đó đã gây phản ứng rõ rệt. Dân tộc ta không từ chối tiếp thu chất liệu văn hóa của các dân tộc khác. Nhưng

xem tiếp trang 18

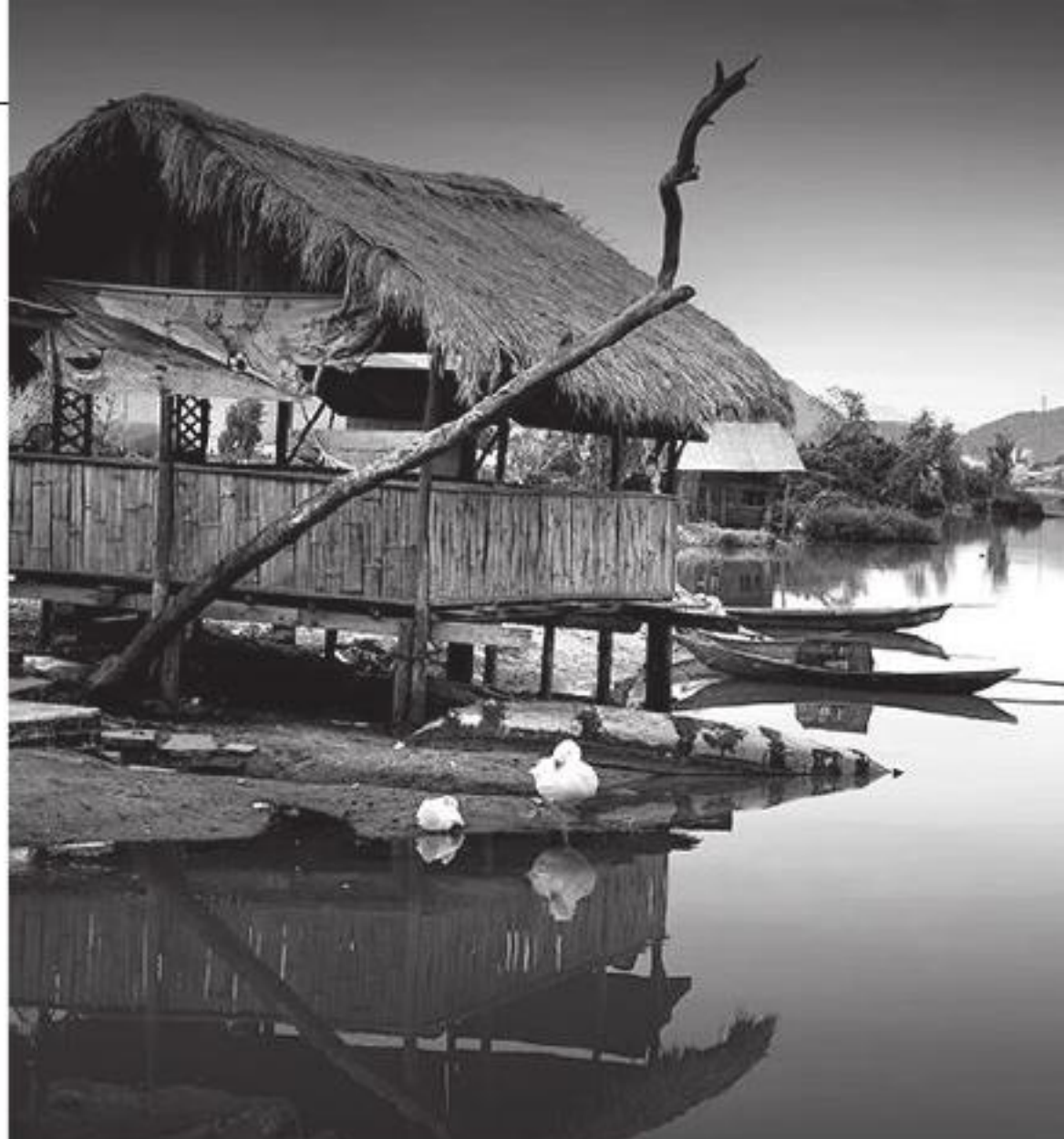
GIẤC MƠ VIỆT NAM

The Oaks của ông là một trong những thành tựu nghệ thuật lớn của nền hội họa Hoa Kỳ thế kỷ 19. Tác phẩm này đoạt giải nhất trong cuộc thi đánh dấu 100 năm hội họa tại Philadelphia Centennial Exposition. Khi khám phá ra Edward Bannister là người da đen, ban giám khảo có ý định thu hồi giải thưởng. Tuy nhiên, trước sự đấu tranh của những họa sĩ đồng nghiệp, nhất là của những họa sĩ da trắng đã từng cùng tranh giải với ông, Ban Giám Khảo đã hủy bỏ dự tính. Nhưng người di dân đến hình thuộc nhiều lãnh vực, màu da và chủng tộc khác nhau. Họ không từng quen biết nhau, không cùng một thế hệ, không cùng huyết thống và chẳng hạn họ định ước gì nhau. Nhưng người di dân đầu tiên thường không giàu có, học hành, tri thức, trái lại phần đông họ rất nghèo nàn, ít học, đến đây từ hai bên tay trắng. Tuy nhiên, dù từ đâu đến và trong hoàn cảnh nào,

họ đã cùng góp bàn tay đưa nước Mỹ từ một vùng đất hoang vu thuộc địa của Anh thành một cường quốc tự do, dân chủ và thịnh vượng nhất thế giới ngày nay.

Câu chuyện thành công của nước Mỹ, đúng như Roger Rosenblatt viết, đã bắt đầu từ một giấc mơ chung: Giấc Mơ Người Mỹ hay American Dream như chúng ta thường nghe gọi bằng tiếng Anh. American Dream được định nghĩa trong từ điển Wordsmyth như là "một lý tưởng của người Mỹ, nhờ đó, con người nhận được sự giàu có vật chất, bình đẳng, tự do, và các giá trị tương tự (the American ideal that any man or woman may obtain material wealth, equality, freedom, and the like)".

American Dream đã giúp nhân dân Mỹ chiến thắng đạo quân tinh nhuệ của Anh Hoàng George III trong cuộc chiến tranh giành độc lập (1775-1783),



đã giúp nhân dân Mỹ vượt qua những bất đồng kinh tế chính trị sâu sắc trong thời kỳ chiến tranh nội chiến (1860-1865), đã giúp đưa nước Mỹ trở nên quốc gia có lợi nhất sau cả hai cuộc chiến tranh thế giới. American Dream là giấc mơ mà những người cha sáng lập của quốc gia Hoa Kỳ từng ôm ấp và

theo đuổi: Tự Do, Dân Chủ và Cường Thịnh. Tổng Thống đầu tiên George Washington đã từng dặn dò: "Tôi mong được thấy Hoa Kỳ mai mai là đất nước của tự do và công lý". Tượng đài kỷ niệm Tổng Thống George Washington được kiến trúc dựa theo tinh thần độc lập, tự chủ và vươn

lên đó.

American Dream là giấc mơ bình đẳng mà Mục Sư Martin Luther King đã đọc trên thềm đài kỷ niệm Lincoln ngày 28 tháng 8 năm 1963: "Tôi mơ một ngày, trên đồi Georgia, con cháu của những người nô lệ cu, và con cháu của những chủ nô cu, ngồi lại

TƯƠNG LAI VĂN HÓA VIỆT NAM

muốn được tiếp thu, các chất liệu ấy phải được tinh luyện để có thể phù hợp với tỷ tạng dân tộc ta. Các nhà Mác-xít Việt Nam hay trở về bản sơn tu luyện lại, kết nghiệm lại, để tìm ra đâu là những tinh hoa mà dân tộc có thể tiếp thu được, rồi biến chế chúng theo một phương trình thực sự khoa học. Đứng vọt cho là mình đã nắm được chân lý tuyệt đối trong tay rồi, và kẻ nào không chấp nhận chân lý này thì phải ghép vào tội chết.

Các con cò, tinh thần cò mổ và hoa đồng là một trong những đặc tính của

văn hóa dân tộc. Đi ngược với tinh thần đó là đưa dân tộc vào con đường tranh chấp, chia rẽ, loạn lỵ.

Chống Quan Liều, Phong Kiến và Tham Nhũng Ngay Trong Huyết Quản Của Mỗi Người Chúng Ta Vào đầu thế kỷ thứ mười lăm, sau khi xâm chiếm được nước ta, nhà Minh sai thu lượm hết tất cả các sách do người Đại Việt trước thuật đem về nước. Các sách về Phật, Lão, và Khổng của ta cũng bị thu lượm rất kỹ. Sau đó họ sai đem những kinh sách Nho Phật Lão của họ sang cho ta học và sử

dụng. Tại sao họ làm như thế? Các con cũng dự biết là những trước tác của người Việt thế nào cũng có tinh cách dân tộc Việt hơn những trước tác của người ngoại. Các nhà lý thuyết gia Mác-xít cứ ưa nói rằng văn hóa dân tộc là công trình của đại chúng chứ không phải là công trình của giới trí thức cầm quyền. Giới trí thức, theo họ, thuộc về giai cấp phong kiến, bóc lột, chỉ biết học theo nước ngoài, chỉ biết tiếp thu nhưng thiết chế nào của ngoại quốc có thể sử dụng như những công cụ thống trị tinh thần. Nói như họ là phủ nhận công trình xây nước dựng nước của những Lý Công Uẩn, những Trần Nhân Tông và những Nguyễn Trãi của dân tộc ta. Nói như thế là có tình chia rẽ

người trí thức và người lao động, xem như hai giai đo không thể nào cộng tác với nhau, xem như hai giai đo không thể đối trọi chung với nhau. Ta biết trên sự thực, trong giới nào cũng có kẻ xấu người tốt. Xây dựng văn hóa là công trình của mọi giới. Trong nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa của chúng ta, không có giai cấp phong kiến thống trị nhưng có đảng thống trị. Đảng kém kẹp nhân dân còn hơn phong kiến kém kẹp, đảng viên tham nhưng còn hơn phong kiến bóc lột. Thi sĩ Phùng Quán từ 1956 đã nói đến "những con người tiêu máu của dân như tiêu giấy bạc giả" và "những con chó sói quan liêu nhe răng cắn đứt thịt da cách mạng". Tham nhũng trong hàng ngũ đảng viên, tham ô, tới năm 1982 không thể viết thành lời. Chống

phong kiến quan liêu trong quá khứ là chuyện không cần thiết, bởi vì quá khứ không còn. Chúng ta hãy trở lại chống phong kiến quan liêu ngay trong hàng ngũ giới chính quyền, trong hàng ngũ Đảng, và ngay trong dòng máu đang lưu chuyển trong bản thân của mỗi chúng ta.

NHÂN DÂN LÀ AI? VÀ Ở ĐÂU?

Chúng ta đã nêu lên phương châm đại chúng và chúng ta luôn luôn đề cao nhân dân. Cái gì cũng nhân dân. Nhân dân làm chủ. Làm chủ cái nói gì ngay trong khi bản thân của mình, mình cũng không làm chủ được? Ai cũng phải suy nghĩ và nói năng theo chính sách. Phải bám bụng và cắn răng mà "tinh nguyện".



"THE PATH TO WELLNESS"

The mission of my pharmacy is to provide medication for the patients and the proper counseling and education to ensure proper usage of medicines. We highly emphasize on understanding of diseases and proper way to take medications.

TAO WELLNESS Pharmacy

16931 Bushard st. fountain Valley, Ca 92708 714-593-5654



Hình ảnh đẹp (SÔNG NHÀ TRẢNG)

vết chung một bản trong tình huynh đệ...Tôi mơ một ngày, bốn người con của tôi sẽ được sống trong một đất nước, nơi đó, chúng sẽ không bị phân biệt do màu da mà chính bằng tư cách riêng của chúng". American Dream, qua nhiều thời đại, từ những người trên chiếc tàu May-flower cho đến hôm nay, đã được khắc phong phú thêm để trở thành một bản sắc văn hóa, một truyền thống đặc biệt của quốc

gia này. Trở về với lịch sử Việt Nam, tổ tiên chúng ta, ông bà chúng ta đã bao giờ mơ và theo đuổi Giấc Mơ Việt Nam chưa? Trong lúc khó có thể so sánh giữa 380 năm dựng nước của Hoa Kỳ thời hiện đại với gần 5 ngàn năm lịch sử Việt Nam, qua bao nhiêu thăng trầm thay đổi, chúng ta vẫn vững tin rằng tổ tiên chúng ta, không những đã mơ mà còn từng theo đuổi giấc

mơ độc lập, tự chủ và cường thịnh như thế từ nhiều ngàn năm trước. Giấc Mơ Việt Nam là giấc mơ của những người để lưng trần, tóc cắt ngắn, đóng khố che thân, đấu đội mu lông chim Hồng, tay cầm đao con Lạc Việt, vượt bao nhiêu núi rừng ghê nhọc trong cuộc Nam tiến đầy gian nan nhưng vô cùng hiên hách, từ vùng Nam Hoa di dân xuống lưu vực sông Hồng cách đây 48 thế kỷ. Trong

lúc bao nhiêu bộ tộc Bách Việt khác đã hoàn toàn bị tiêu diệt hay đồng hóa vào những tỉnh, nhưng huyện như Hồ Nam, Quảng Tây, Quảng Đông, Vân Nam, Phúc Kiến của Trung Quốc ngày nay, giống giống Lạc Việt qua bao độ thăng trầm, vẫn tồn tại và trường thành nên quốc gia Việt Nam độc lập và tự chủ. Giấc Mơ Việt Nam là giấc mơ của những người đã tạo nên nền văn minh Hoa

Bình. Nơi đó, ngày từ 20 thế kỷ trước Công Nguyên, tổ tiên chúng ta đã biết trồng cấy ăn trái, biết làm đồ gốm, biết đeo đá thành những lược cước nhọn, biết đắp đất ngăn bờ để đưa nước sông vào ruộng. Từ thuở nhân loại còn trong buổi sơ khai, tổ tiên chúng ta đã biết xây dựng các cơ cấu xã hội, lấy thôn làng làm căn bản, lấy nông nghiệp làm nền tảng kinh

xem tiếp trang 27

thời giờ của ta, ta không có quyền làm chủ. Nhà ta, sân ta, vườn ta, ta không có quyền làm chủ. Nhân dân là ta, nếu không phải là mỗi người trong chúng ta? Ấy vậy mà ta không có quyền nhân danh nhân dân. "Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ". Nói cho đúng, đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý còn nhân dân nghèo đói và chịu đựng. Thật là một trò hề chưa bao giờ từng có trên đất nước ta. Guồng máy thiết lập để kìm kẹp nhân dân đã khiến cho nhân dân khó nói chuyện. Ta buộc tội phong kiến chỉ biết xây dựng và củng cố cho dòng họ và ngai vàng của họ nhưng ta làm gì hết như phong kiến. Ta phải buộc cho chặt, ràng cho kỹ, nếu không nhân dân vùng dậy được thì ta chết.

Nếu ta muốn nền văn hóa của ta thực sự có tinh cách đại chúng thì ta hãy cứ để cho đại chúng tự do đi. Ta là Đảng thì ta chỉ nên nhân danh đảng. Hãy để cho đại chúng tự do nhân danh đại chúng. Hãy để cho họ tự do phát biểu và tự do sáng tạo. Để cho họ thực sự làm chủ đất nước họ, cuộc đời họ. Để cho họ hết muốn bỏ nước ra đi.

Bộ máy tuyên truyền của ta có giỏi thì ta cũng chỉ kích động được quần chúng trong một thời gian thôi. Đến khi quần chúng thấy được rằng những hy sinh của họ đã không đưa đến đâu và sẽ không đưa đến gì thì ta không còn có vẻ quần chúng được nữa. Nếu người làm ruộng không chịu làm ruộng

và người công nhân chỉ muốn làm qua loa cho hết buổi, nếu người dân tiêu cực và thụ động, đó là đại chúng đã bỏ ta rồi. Ta có ban phát giấy khen tặng, ta có tuyên dương công trạng, hoặc ta có tổ chức thi đua vượt chỉ tiêu công tác thì cũng không đi đến đâu. Quần chúng đã chống đối, dù chống đối bằng thái độ tiêu cực và bất hợp tác thì quần chúng cũng đã thực sự bỏ ta rồi. Ta không thể dùng bộ máy công an cảnh sát để buộc quần chúng ủng hộ ta.

Nếu nói rằng phải đi vào đại chúng để tìm biết nguyện vọng và học hỏi nhân dân thì tại sao ta không ghi nhận những phát biểu chân thực của nhân dân ngày trong kho tàng chuyện trò phúng và ca dao chống đối chế độ: "Nhân dân làm việc bằng hai, để cho cán bộ mua đất mua xe", "Nông dân làm việc bằng ba, để cho cán bộ xây nhà xây sân". Nhưng câu ca dao đó có phải là do nhân dân sáng tạo không hay chỉ là do bọn phản động ngụy tác?

Bình Tâm Ma Nhận Xét Nhưng phương châm dân tộc, khoa học và đại chúng đã từng được Trường Chinh nêu ra cho "một nền văn hóa dân chủ mới Việt Nam" năm 1948. Giả dụ những phương châm ấy được thực sự tôn trọng thì đã mấy lần cho dân tộc chúng ta là mới. Các con thấy không, số di nhưng phương châm ấy không được tôn trọng tại vì trong mấy chục năm

qua các bậc có chủ ý đã thiếu tinh thần cốt lõi và dung hợp. Nay đã đến lúc chúng ta phải bình tâm nhìn lại quá khứ và quan sát hiện tại. Trong chúng ta, nhiều người đã chịu đựng quá nhiều khổ đau và do đó, khó mà bình tâm được. Tuy vậy, ta vẫn trông cậy hoàn toàn ở hai con. Tương lai của dân tộc, của nhân loại và của sự sống nằm trong khả năng nhận xét của hai con. Các con phải sang suốt đường để cho khổ đau làm cho trái tim trở thành sắt đá và thù hận che mắt con đường trước mặt. Văn hóa chính là sự sống. Văn hóa chính là con đường. Ta muốn ngồi với hai con, nắm tay hai con để cùng hai con nhận xét lại tình trạng.

ĐỨC HIẾU SINH

Triều đại nhà Lý sơ di được gọi là triều đại thuần tuý nhất trong lịch sử nước ta cũng bởi vì từ vua quan đến thu dân, rất nhiều người thấy được đức hiếu sinh là một đức lớn nhất của đạo làm người. Hiếu sinh là bản quy sự sống, tôn trọng sự sống và bảo vệ sự sống. Các con còn nhớ vua Lý Thánh Tông trong một phiên xử kiện ở điện Thiên Khánh năm 1065, đã chỉ vào công chúa Động Thiên đứng hầu bên cạnh mà bảo các quan: "Lòng ta yêu con ta cũng như lòng cha mẹ dân yêu dân. Dân không biết mà mắc vào hình phạt, ta rất lấy làm thương. Từ nay trở về sau, không cứ gì tội nặng hay nhẹ, đều phải nhất luật

khoan giảm". Các con có biết không, chính cung ông vua ấy, vào mùa đông rất rét vuốt của năm 1055 đã từng bảo với triều thần: "Ta ở trong cung nào lo sưởi ngự, nào đo lường cửa, mà con rét thế này thì chắc chắn người bị giam trong ngục thất, khổ sở về gông cùm, chưa biết rõ có tội hay không mà ăn không no, áo không kín, gió rét khổ thân, có lẽ có thể chết không nơi nương tựa. Vậy các quan hãy ra lệnh cho hình tự phạt chân chiếu cho họ và mỗi ngày cho họ ăn đủ hai bữa cơm".

Đức hiếu sinh đó, các con có phát được đem ra để đối xử không nhưng với người đồng loại mà con với các loại cầm thú và thảo mộc nữa. Nên văn hóa của chúng ta, trước hết phải là một nền văn hóa biết bảo vệ sự sống. Đã gần hai ngàn năm, dân ta có tục lệ phóng sanh rất đẹp. Phong sanh tức là trả lại sự sống cho các loại sinh vật sắp bị giết hại. Người ta làm lễ phóng sinh vào những dịp lễ lớn hơn như lễ Phật Đản, lễ Vu Lan, lễ Chúc Thọ cho ông bà cha mẹ còn sống với con cháu. Ngày xưa, vào lễ Đản Sinh hàng triệu sinh vật như chim và cá được trả lại môi trường sinh hoạt của chúng. Làng nào cũng phóng sinh, nhà nào cũng phóng sinh. Niềm vui của các loại sinh vật trở thành niềm vui của con người. Gia đình nào cũng ăn chay, ít nhất là một tháng hai lần. Ăn chay như vậy là để tránh bớt sự giết hại sinh mạng. Hiện

giới giới trẻ Tây phương biết ăn chay cũng nhiều, và tại các thành phố lớn như New York, Luân Đôn, Ba Le, Zurich, Amsterdam v.v... thành phố nào cũng có những tiệm cơm chay. Số người ăn chay trường ở Bắc Mỹ châu này vào khoảng mười lăm triệu. Họ ăn chay ngon lắm, chứ không ăn khác khổ như nhà nghèo xứ mình đâu. Có nhiều người nghĩ rằng chỉ có thể ăn ngon nếu bữa cơm có thịt có cá. Cái đó là do thói quen. Ăn chay ngon lắm. Nếu ăn chay năm bảy tháng rồi mà trở lại ăn thịt cá, các con sẽ thấy tinh thần khó chịu. Ăn chay có liên hệ gì đến văn hóa chưa? Có chứ. Ăn chay là để tránh bớt sự giết hại sinh mạng. Người có đức hiếu sinh thương đến cả con sâu và cái kiến. Nhưng người có thể dám đạp sinh mạng các loại bé nhỏ không chút thương xót và cắt cổ gà vịt không gớm tay, nhưng người ấy khó mà thương được đồng loại của họ. Hôm nào các con thử đi thăm lò sát sinh xem. Đi thăm về, có lẽ là các con sẽ không còn muốn ăn thịt nữa. Thời bấy giờ thiên hạ không phải nhọc công mổ bò và cắt cổ gà. Cứ việc ra chợ các thứ thịt đều đã được bao sẵn trong các hộp giấy rất sạch sẽ. Ta đã cho máy móc làm việc sát sinh, ta "đầu cơ sát sinh". Sự thực là ta tự đánh lừa ta, ta không dám nhìn vào cảnh thú vật bị sát hại và mổ xẻ thành từng miếng. Ta che giấu sự thực với chính ta. Số lượng thú

xem tiếp trang 28

thơ VĂN CÔNG MỸ

BÀI LỤC BÁT RONG BUỒN

Đọc bài Rong Buồn trong tập thơ 'Đạo đàn bên sông' của **VĂN CÔNG MỸ**

1.
Ở xa về thăm nhà, vai bạn
ghé vào 'Sông Trăng',
nhưng thuở đó đâu biết
anh là chủ nhân, càng
không biết chủ nhân là
một nhà thơ.

Bến sông mưa trắng,
nhưng vật lục bình trôi
lặng lẽ như phận người.
Mỗi lần ra đày, tôi lại nhớ
cánh tay của người thiếu
phụ có khuôn mặt xanh
xao, chít trên lưng đưa
bè chưa tròn một năm
tuổi, nga xuống từ thành
tàu, chót vót, rồi chìm sâu
trong vùng nước đục phủ
sa. Bến phá Bắc Cạn Thơ
rộn lên lời ai oán. Người
ta kể với nhau, người đàn
bà đắm con đi thăm nuôi

chồng trong tù 'cải tạo',
sau khi nhặt được chiếc
gió đựng bánh trái và
những vật dụng sót lại
trên tàu.

2.
Bến sông mưa trắng, nước
chảy lặng lẽ, mỗi khi nhìn
sầu vào vùng nước đục
ngầu đò, tôi vẫn thấy phủ
sa cuốn cuộn theo những
oan hôn. Người ra đi
không chết chỉ vì biển và
rừng, mà trên những bến
sông quê nhà, bao phận
người neo lại, chìm trôi.

3.
Quán 'Sông Trăng' nhưng
ngảy ngời với bạn hữu,
không chỉ để nhăm nhăm
nhưng ngắm bìa lạnh
giữa trưa hè hạ chiếu

mưa, mà để nhớ lại những
oan khiến một thời, chưa
qua hết. Nhưng đợt phủ
sa tràn xuống, cuốn cuộn
trên sông. Tiếng kinh kịch
ghe máy chạy xuyên đêm
hai hùng, ánh đèn pha
như mắt cú, quét trên mặt
sông, như lưỡi dao phát
ngang sông lung, lạnh
buốt.

Hôm nhận được tập thơ
'Đạo đàn bên sông' của
anh giới tặng, vẫn cảm xúc
đó. Bến sông thơ mộng
như tranh êm trong kỷ ức,
mà dưới máy tầng đất hun
hút im lìm, người thiếu
phụ và đứa bé năm xưa
có được an giấc?

**Nhánh rong buồn buổi
bôn ba**

**Long sông trong đục quê
nhà mu tâm.**

Quê hương, một khúc
nương dẫu tôi đã trot trăm
kỷ ức mình vào đó, mà
khi đọc hết 'Đạo Đàn Bên
Sông', giữa những nét đẹp
là lướt huyền diệu của
thơ Văn Công Mỹ, tôi còn

nghe có câu kinh buồn,
đấy xò mình về một chốn
riêng:

**Nói trời đâu một chỗ nằm?
Thời thì lo vạn trăm năm
xử người.**

26 tháng 12, 2012
UYỄN NGUYỄN

Chùm thơ lục bát Văn Công Mỹ

RA VƯỜN BUỔI SÁNG

Tỉnh sương thư giấc ra vườn
Thả đôi dếp coi vô thương lao xao
Đầu gi cung lo chiêm bao
Tôi và trần thế cúi chào trăm năm.

Sếp theo trang 19

TƯƠNG LAI VĂN HÓA VIỆT NAM

vật bị sử dụng trong các
cuộc thí nghiệm khoa học
cung rất lớn lao. Các loài
thú bị giết để lột da đem
bán cung nhiều. Nhiều
loài gần diệt chủng. Nhiều
nhân vật nổi tiếng trên thế
giới đã lên tiếng chống
đối sự tàn sát thú vật. Họ
đòi quyền sống cho các
loài. Số quần chúng ủng
hộ càng ngày càng đông
đảo. Dân tộc ta từng có
truyền thống phóng sinh
và ăn chay lam rộng trong
đại chúng, dân tộc ta sẽ
phát triển truyền thống đó
bằng cách nào?

TUỐC ĐOẠT SỰ SỐNG CỦA KẾ KHÁC LÀ TUỐC ĐOẠT SỰ SỐNG CỦA CHÍNH TA

Hiện nay, vì cuộc tranh
đua phát triển kỹ nghệ và
sản xuất, con người đã
làm ung thối môi trường
sinh hoạt của mình và
của muôn loài. Sông hồ
bị nhiễm độc, biển cả
bị nhiễm độc, khi trời bị
nhiễm độc, đất đai và
cây cối bị nhiễm độc. Cá
chết trong nước, chim chết
trên bờ biển, thú chết trên
rừng, người bị quái thai.
Ấy thế mà chúng ta cứ
muốn tiếp tục khai thác
thiên nhiên, khai thác cho

cạn tài ráo mánh. Ta đã
quen tiêu thụ nhiều, người
ta còn tạo thêm cho ta
những nhu yếu tiêu thụ
mới. Sự chạy đua tranh
giành thị trường và tranh
giành ảnh hưởng chính trị
đã đòi hỏi cuộc thi đua vu
trang bằng vu khi nguyên
tử đang đưa nhân loại đi
về hố diệt vong. Dân tộc
ta có nên gia nhập vào sự
chạy đua cuồng loạn ấy
không? Hay phát mở một
con đường mới? Ta có thể
nào tạo một nếp sống vừa
đơn giản vừa có an lạc
không? Đó đây trên thế
giới đã có những người
trẻ tuổi giác ngộ, từ bỏ
nếp sống tiêu thụ hối hả,
tìm với nhau và tạo lập
những cộng đồng lành
mạnh, sống an hòa với có
cây và loài vật, sản xuất
mà không kìm ó nhiễm
môi trường, lao tác mà có
thi giới sinh hoạt tâm linh
và nghệ thuật. Khoa học
và kỹ thuật có nhien là sẽ
giữ một vai trò quan trọng
trong đời sống mới của ta.
Nhưng ta làm thế nào để
khoa học và kỹ thuật chỉ
phục vụ cho ta trên chiếu
hướng ấy? Các con hay
suy nghĩ đi, để các con
tìm thấy câu trả lời.

Chưa bao giờ trong lịch
sử mà ta thấy số mệnh
của cây cỏ và cầm thú lên
hệ tới số mệnh loài người
như vậy. Nếu ta tuốc đoạt

sự sống của chính ta. Ta
hay sống đời sống hàng
ngày như thế nào để đư
hieu sinh của ta thấm
nhuần và sự sống như
mưa móc thấm nhuần vào
cây cỏ.

ĐỔNG XƯƠNG VÔ ĐỊNH ĐÃ CAO

Tại một số quốc gia trên
thế giới, an tử hình đã bị
quốc hội bãi bỏ. Đó là một
đạo luật rất đẹp. Nước ta
có thể làm được như vậy
không? Khi một người trẻ
tuổi đi vào quán ngu để
được giữ ra mặt trận, một
an tử hình đã được treo
sân trên đầu người đó.
Đấy có phải là một cuộc
chiến thực sự cần thiết
để tự vệ không, hay chỉ
là một cuộc chiến tranh
tranh giành ảnh hưởng tại
quốc ngoại? Nhưng nhà
lãnh đạo quốc gia có đư
hieu sinh không thể không
nghĩ đến điều đó. Bao
nhiều người trong lứa tuổi
con đã bỏ xác tại Cam-
Bu-Chia? Nhưng lý thuyết
già và những kẻ chủ
 trương chiến tranh bao
giờ cũng yên ổn nơi chốn
thăm cung của họ. Xương
thịt cấp dưỡng cho con ác
thú chiến tranh luôn luôn
là xương thịt của kẻ khác.

Suy nghĩ về con đường
văn hóa dân tộc, các con
không thể không nhìn đến
tình trạng thế giới. Các
con có biết là hiện giờ
trên thế giới chung ta, mỗi
năm số lượng trẻ em chết
vì đói kém và thiếu dinh
dưỡng lên tới mười bốn
triệu không? Nghĩa là mỗi

ngày có tới 40.000 em bé
chết đói. Số lượng những
người bị đói trên thế giới
hiện đã lên tới trên một tỷ,
nghĩa là một ngàn triệu
người. Trong khi đó, loài
người tiêu u phi ba mươi
lăm triệu mỹ kim mỗi giờ
đồng hồ để chế tạo vũ khí
chiến tranh. Như vậy mỗi
năm ta tiêu phi ba trăm
tỷ mỹ kim (tức là ba trăm
ngàn triệu) vào việc chuẩn
bị chiến tranh. Chỉ cần
một phần mười số tiền đó
cung đủ xóa bỏ sự nghèo
đói trên thế giới trong
vòng mười năm. Các
con có thấy là loài người
chúng ta điên hay không?
Nên văn minh của loài
người đấy! Khoảng cách
giữa nó và sự tiêu diệt của
nhân loại chỉ là gang tấc.
Chiến tranh nguyên tử
mà bùng nổ thì đó là cái
chết cộng đồng, đã man
và tàn bạo đến cực điểm.
Ta có nên tiếp tục hành
diện hua theo nhưng đồng
mình vì đại của ta hay
không? Hay là ta phải
khôn ngoan nỗ lực phá
một đường thoát cho ta và
cho kẻ khác?

KHÔNG CÓ Ý THỨC HỆ NÀO QUÝ BẰNG SỰ SỐNG

Chúng ta phải quyết định
dồn mọi năng lực vào việc
sản xuất lúa gạo và các
thực phẩm cần bản. Phải
trả lại cho người nông
dân và thợ thuyền niềm
vui của sự sản xuất. Phải
giúp đỡ họ và khuyến
khích họ. Đừng thu mua,

đừng ép uống, đừng đánh
thuế quá mức khiến họ ra
rời ruộng lợi sản xuất. Sự
no ấm của quốc dân phải
là mục tiêu chính yếu; việc
kỹ nghệ hóa nền kinh tế
quốc gia phải xem như là
thứ yếu. Khi người dân ăn
chưa no mặc chưa ấm thì
ta không có quyền đem
nông sản bán ra ngoài
để kiếm ngoại tệ. Đừng
nuôi dưỡng chiến tranh,
bởi vì chiến tranh làm kiệt
quệ nhân lực và tài lực
của xứ sở. Hay học bài
học thực tế, hay buông
bỏ sự sung bực ý thức hệ.
Không có ý thức hệ nào
quý bằng sự sống. Nếu
các con là Phật tử chẳng
hạn, các con hay biết
rằng nếu cán bảo vệ Phật
giáo mà phải giết người
thì chỉ bằng các con hay
bỏ Phật giáo để có thể
cứu người. Đừng bao giờ
vì ý thức hệ mà làm hại
đến sự sống. Dân tộc ta
đã từng thực hiện lối sống
tâm giáo đồng hành và
chúng ta đã có hòa bình
và hạnh phúc nhờ thái độ
dung hợp lẫn nhau đó.
Hay bảo vệ truyền thống
đẹp đẽ này của văn hóa
dân tộc. Lịch sử nhân loại
cho thấy nhân vật độc tài
nào, chế độ độc tài nào
rồi cũng phải qua đi để
nhường chỗ cho những
thế hệ mới. Các con hay
tinh táo, đừng say mê một
ý thức hệ nào hoặc một
chủ nghĩa nào hết để có
thể nhìn thấu chân tướng
của sự vật. Đừng chỉ nhìn
từ một quan điểm. Hay
đừng từ khước bất cứ
quan điểm nào. Hay đừng
say sưa trong lý thuyết để

HOÀNG HỒN

Hoàng hôn xanh nước lên đầy
Em-ta-duong ấy rất gần bên tôi
Đôi ta ngồi ngắm mây trời
Một tôi với bông hạt lét ni non.

HƯƠNG TRẦN

Thoảng mùi thiêu nư hóm xưa
Mù đêm nguyệt tận gió lua liếp hiên
Liếc màu da trắng em nghiêng
Một tôi vô đạo bóng hiên như kinh.

ON EM

On em thuộc nợ tôi cầm
Nửa mai ù sợi hương trăm trong tay
Chút thơm thảo ấy mỗi ngày
Cho tôi dành dùm đông đầy trăm năm.

TRONG BUỒN

Nhanh rong buồn buổi bốn ba
Long sông trong đục quê nhà mù tăm
Nối trôi đâu một chỗ nằm?
Thời thì lo vạn trăn năm xứ người.

TRỞ LẠI

Buổi về phố thị lấm lem
Uống ly trà đã đậm thêm giấc trưa
Đêm, đèn xanh đỏ đông đưa
Sài Gòn trở lại nghe thừa bước chân.

SÔNG

Song suốt kiếp lênh đênh
Đau hay mình phận bạc
Trong chập chùng lạng thình
Vấn ngàn năm biến hát.

có thể nghe rõ tiếng khóc
tiếng cười của người đồng
loại. Đứng bao giờ dạt dạt
cho mình là đã nắm được
chân lý tuyệt đối. Tâm ta
chưa chất đầy mê vọng,
ta hãy khiêm nhượng và
cởi mở để có thể vứt bỏ
đám nhưng mê vọng đó.
Như vậy từ từ các con sẽ
phá được mạng lưới ngôn
từ và tư tưởng đang che
phủ thực tại và phát hiện
nguồn sống chân thực
cung như phát hiện nguồn
tự do vốn có sẵn trong
tâm các con. Chắc chắn
các con sẽ bước tới, tự
minh nắm lấy tương lai và
vận mệnh của đất nước.
Sức sống của dân tộc ta
rất dồi dào; nhưng khuôn
phép giả tạo bó buộc ta
sẽ do chính sức sống của
ta phá vỡ.

SỨ MẠNG MÀ GIỐNG NÒI PHÚ THẮC

Nếu vì những biến cố lịch
sử của đất nước mà hiện
giờ các con đang ở nước
ngoài thì các con hãy
chấp nhận hoàn cảnh
mới của các con với một
niềm tin ở tương lai. Sự có
mặt của con chính là sự
có mặt của dân tộc Việt
Nam nơi con cư trú. Phải
thường xuyên biết rằng
minh là ai và hiện đang
đứng ở đâu. Ngay xưa
công chúa Huyền Trân
qua Chiêm Thành để thực
hiện sứ mạng hòa bình
của vua Trần Nhân Tông
tức Trúc Lâm đại sư. Ngay
nay con hãy cư ngụ là
dân tộc con đã gửi con tới
nơi đây. Hãy như một hạt

đào nảy sinh thành cây
đào nơi đất lạ. Cả dân tộc
của con có mặt nơi con;
dân tộc đã phủ thác nơi
con một sứ mạng.
Hãy nuôi dưỡng ý thức
của con cho sáng tỏ.
Đừng để cho nếp sống
bận rộn và xô bồ ở Tây
phương làm cho mình
chìm đắm. Con đã từng
biết đôi, con đã từng biết
ân hận, con đã từng có
chưa và anh đi học tập, đã
từng khổ đau vì sự đe dọa
áp chế thì con biết thế nào
là tình trạng thật của thế
giới chúng ta. Cầm một
bát cơm lên ăn, con hãy
nghĩ hạt gạo ấy từ đâu tới,
và nhớ rằng ngay trong
quốc gia sản xuất hạt gạo
này người dân phải ăn
độn hoặc ăn gạo xấu để
quốc gia ấy có thể dành
hạt gạo trắng thơm này
mà xuất cảng. Đi vào một
siêu thị, con hãy ngắm
nhìn và suy tưởng về
một hóa phẩm trung bày
trong đó. Phải nhìn cho
sâu để thấy được những
giọt mồ hôi và những giọt
nước mắt của dân nghèo
trong các nước đói kém.
Nhiều hóa phẩm đã được
chế tạo tại các nước này
bằng nhân công rất rẻ, so
với Tây phương thì đó là
một sự bóc lột. Hãy cảm
những hóa phẩm ấy lên
tay như cảm nhưng hòn
lửa cháy bỏng. Hãy từ
chối nếp sống tiêu thụ vô
ý thức, hãy sống đơn giản
để nuôi dưỡng ý thức cho
sáng tỏ. Hạnh phúc không
phải ở chỗ có tiền để đi
mua sắm cho thật nhiều.
Mua sắm cho nhiều để
phải ngại lung lay việc mà

trả nợ suốt đời thì không
phải là hạnh phúc. Nếu
ta biết sống đơn giản
ta sẽ có thì giờ để thấy
được muôn vạn nhiệm
mầu trong sự sống, ta có
thể thỏa mãn được lòng
thương yêu và óc tìm hiểu
của ta. Đưa trẻ thơ đang
năm đời ở khu kinh tế
mới Việt Nam hãy ở miền
đông khô cằn như Uganda
đang đợi con, bông hoa
nở ngoài hàng dậu đang
đợi con, con chim vàng
trên cành liễu đang đợi
con. Con có thể làm cho
ý thức đo lường rộng trong
giới trẻ tuổi thân cận;
bằng nếp sống và bằng
hành động của con, con
làm phát sinh và nuôi
dưỡng ý thức ấy nơi họ. Ở
đâu con cũng có thể tìm
thấy những người có lòng.
Tuy họ không nói tiếng nói
của con nhưng họ cũng có
thể cảm thông được tâm
hồn của con. Nếp sống
của con, dù là nếp sống
của một cá nhân, là phải
biểu hiện cho ý thức văn
hóa vừa có tính cách dân
tộc vừa có tính cách nhân
loại. Văn hóa dân tộc
phải được đặt trong môi
trường văn hóa nhân loại
và phải đóng vai trò xúc
tác văn hóa nhân loại trên
con đường bảo vệ và làm
thăng hoa sự sống.
Đổng Minh Của Chung Ta
Hiện nay số phận của
các dân tộc và của các
nền văn hóa đã được
buộc vào nhau; tương
lai của một dân tộc có
liên hệ tới tương lai của
các dân tộc khác. Sự đói
kém của các nước gọi là
chậm tiến có thể là nơi

thuộc súng kim hung nổ
một cuộc thế chiến. Các
cuộc tranh đấu chính trị
cực bộ thường chỉ nêu ra
tiêu chuẩn tăng lương,
tăng mai lực, tăng khả
năng hưởng thụ; nhưng số
lượng những người giác
ngộ về tình trạng thực của
thế giới đang càng ngày
càng tăng. Ở đâu các con
cũng có thể tìm gặp, liên
lạc và cộng tác với họ. Có
rất nhiều tổ chức đang
nỗ lực để một mặt giúp
người đồng bào mở mắt
mà trông thấy nhưng cơ
cực của sự sống trên thế
giới và những hiểm nguy
của tình trạng chung, một
mặt góp phần làm vơi nhẹ
tình trạng đói khổ bệnh tật
của người đồng loại thiếu
may mắn. Nhưng người
làm việc trong các tổ chức
ấy phần lớn là những
người có lòng. Thân cận
vào làm việc với họ con sẽ
nuôi dưỡng được dễ dàng
ý thức văn hóa của con.
Con cũng có thể đóng góp
cho họ một cách có hiệu
quả vì chính con, con là
biểu tượng cho ý thức ấy.

HIỆN TƯỢNG MẤT CHÂN ĐÚNG VĂN HÓA

Hồi ta trẻ tuổi hai con,
ta đã từng thấy rất bơ vơ.
Ta không biết ta sẽ đi về
đâu. Có một đêm nọ ta
nắm mơ thấy mình đang
nằm trong ngôi nhà thờ
họ của chúng mình, và ta
thấy trong lòng ảm ảm, lắng
địu. Ngôi nhà thờ họ đối
với ta lúc đó như là một
nơi che chở cho ta an toàn
nhất. Lúc thức dậy, ta chợt

thấy bơ vơ thêm lên. Thì
ra trong giấc mơ tiềm thức
ta đã đưa ta trở về trốn
tránh nơi truyền thống văn
hóa dân tộc. Nhà thờ họ,
cung như bàn thờ tổ tiên
là tượng trưng cho truyền
thống đó. Trong ngôi nhà
tổ phụ, và trong bất cứ
ngôi nhà nào khác, bàn
thờ tổ tiên được đặt ở vị
tri trung ương và tôn quý
nhất. Năm 1966, hồi các
con còn mới được được
chúng bốn năm tuổi, tại
các thành phố Huế và Đà
Nẵng, gia đình nào cũng
mang bàn thờ tổ tiên ra
đường để chặn cuộc tiến
công của xe tăng và thiết
giáp. Người ngoại quốc cư
ngộ là các vị lãnh đạo tôn
giáo và ta muốn sử dụng
tôn giáo làm vũ khí chính
trị, nhưng ta nghĩ khác. Ta
nghĩ rằng đó là dân tộc
ta đã muốn chống lại bạo
lực bằng sức mạnh truyền
thống của nền văn hóa
dân tộc. Các con có thấy
một cuộc bộc lộ tâm tư
nào mà bí mật như thế
hãy chưa?

Bàn thờ tổ tiên con là biểu
tượng rất quan trọng cho
truyền thống dân tộc. Nhờ
bàn thờ ấy mà chúng ta
cảm thấy sự hiện diện
của ông bà cha mẹ bên
ta, nhất là vào những dịp
Tết nhất và kỳ giỗ. Trong
ngày kỳ giỗ, người gia
trưởng trong khi khấn với
thực sự xúc tiếp với tổ tiên
minh. Lại có rằng sự thờ
cung tổ tiên là mê tín mà
đẹp bỏ bàn thờ tổ tiên, ta
thấy đó là một hành động
phá hoại văn hóa rất nguy

xem tiếp trang 24



Tranh: ĐỖ TRUNG QUÂN

DI SẢN

Riêng tặng anh Trần Minh Tuyết và BB7 trong Hoa Đám

Anh mang tâm thức lang thang, đổ vỡ đi qua mọi miền đất, qua nhiều ngã rẽ, mê lộ đón đau. Những thứ quý giá nhất đối với anh giờ đã trở thành phế tích, như một bãi đất hoang, một sân chơi vắng người lui tới, một khung cảnh buồn bã quanh vắng hay như một cánh cửa khép kín rỉ sét không có chìa khóa để mở vào. Sự ngộ nhận, dại khò đã làm anh lớn lên nhưng cũng làm anh buồn thêm. Anh cứ chấp vạ lại những máu vụn kỷ ức, những niềm vui thật nhỏ nhoi như người ta vạ lại một mảnh áo rách để nhớ và để quên. Đôi khi anh mơ hồ nhận ra mình thực sự là một kẻ xa lạ không những với quê hương mà còn với chính bản thân mình. Nhưng dần dần anh thôi hoảng hốt mà chấp nhận một cách êm xuôi, dù đầu tiên luôn có một vẻ gì cương kháng. Anh bắt đầu dùng ngôn từ để vẽ lại thế giới của mình, trình bày những nỗi ám ảnh và thương đau của mình. Trong khi viết như vậy, dần dần vết thương đau của anh dịu đi, tâm thức anh nhẹ hơn tuy vẫn lang thang, vẫn đổ nát hoang tàn. Mỗi ngày anh chiêm nghiệm trong yên lặng và nếu có thể thì anh viết. Đến khi tất cả những vết thương của anh dịu lại hoàn toàn để anh có thể bình an mà chấp nhận, để có thể ngẩng lên cao mà thanh thản ngắm một cánh chim bay trong trời chiều thì sự viết đã trở thành máu thịt. Anh đã đủ cho riêng anh, đã có phần của mình nhưng tại sao mà anh vẫn cố gắng đến thế? Đã trôi cuu mang thứ ngôn ngữ đầy âm điệu này, đã trôi mang thân làm một kiếp người của đất nước hình chữ S: anh chỉ còn cách miệt mài viết cho trọn ý nghĩa của đời mình. Để hai mươi, ba mươi



Tranh BÔ TRUNG QUÂN

năm sau, khi hậu thế tìm lại trong di sản hoang tàn đầy những giá trị ảo và những nhà tiên tri giả hiệu của thời đại này vẫn còn có thể thấy, ít nhất, sự chân thật của một dòng vốn.

Sài Gòn, ngày 10/2/2014

HOÀNG LONG

TƯƠNG LAI VĂN HÓA VIỆT NAM

hạt. Nếu bạn thờ tổ tiên mà bị đẹp bỏ thì ai trấn ngự trên bàn thờ tổ quốc? Và bạn thờ tổ quốc còn có nghĩa lý gì? Người mà không có linh hồn thì nước làm gì có?

Từ khi tiếng súng ngoại quốc bắt đầu nổ vào thanh quách và kình miếu ta, nhiều giá trị tinh thần của ta cũng bắt đầu rạn vỡ. Nào trung hiếu tiết nghĩa, nào quân thần phụ tử, nào tư đức tam tông. Ta muốn duy tân, ta muốn học theo cái học Tây phương để có thể trở nên hùng mạnh như người Tây phương, và có đủ khả năng chống lại họ. Ta mất đức tin nơi truyền thống ta. Nhưng nhưng truyền thống của họ, ta học rất kho, trong khi nếp sống chuộng cá nhân, ích kỷ và phóng túng của họ, ta học rất dè. Cái đẹp nhất của họ, ta chưa với tới, trong khi cái đẹp nhất của ta, ta đã buông bỏ vì ta cho là cổ hủ hết thời rồi... Ta hụt mất chân đứng. Ta như một thân cây bật gốc. Hiện tượng hư hỏng và tham nhưng trong xã hội ta vốn có nguồn gốc từ sự thiếu chân đứng ấy. Rốt cuộc, ta đi tìm về được một ý thức hệ mà ta tin rằng sẽ có công năng giúp ta giải phóng được đất nước. Ta niu lấy nó như chân lý ngàn đời. Và vì nó, ta đã gây chia rẽ, đôn đêu và tang tóc cho nhiều thế hệ. Nó ràng buộc ta và tước đoạt của ta cả tinh huỳnh đệ cá nghĩa đồng bào.

NHỮNG PHƯƠNG CHÂM CHỈ ĐẠO VĂN HÓA

Ta không cần đến một chủ nghĩa để chỉ đạo cho văn hóa. Chỉ đạo cho văn hóa, cũng như chỉ đạo cho kinh tế, chính trị và giáo dục, ta đã có nhưng phương châm rút ra từ kinh nghiệm trực tiếp của ta về sự sống. Ôm lấy một chủ nghĩa, tức là loại bỏ ra ngoài tất cả những cái không cùng theo một chủ nghĩa với mình. Ta không

muốn thế. Ta muốn mọi người, mọi loài cùng có mặt với nhau trong sự sống cho nên ta từ chối mọi chủ nghĩa. Con kinh nghiệm sống thì ai mà chẳng có: không nhưng con người có kinh nghiệm sống mà cảm thụ và có cái cùng vậy.

Quý trọng và bảo vệ sự sống, đó là ước vọng thâm sâu nhất của mọi loài, trong đó có con người. Văn hóa phát đi về nẻo ấy. Ta phải bảo vệ sự sống cho mọi loài và như vậy là phải bảo vệ luôn môi trường sinh hoạt của mọi loài. Ta phải chống lại tất cả những gì đe dọa sự sống và đe dọa tàn phá môi trường của sự sống: chiến tranh, vũ khí nguyên tử, phóng xạ nguyên tử, sự khai thác và xai phi không nương tay nhưng nguồn nguyên liệu của trái đất, sự chế tạo và tiêu thụ nhưng hóa phẩm không thực sự cần thiết...

Khiêm cung và cốt mỗ trong sự học hỏi, đó là thái độ khôn ngoan của kẻ biết cầu tiến. Đây là phương châm thứ hai. Cái Biết của loài người còn rất khiêm nhượng, đối với chân lý vũ trụ và vạn hữu. Ý thức được điều đó, ta sẽ không rơi vào hồ cuồng tin và quả khích. Ta sẽ lắng nghe và hiểu thấu được quan điểm và kinh nghiệm sống của người đồng loại. Bao nhiêu cuộc chiến tranh đã xảy tới trong lịch sử vì lý do tranh chấp tôn giáo và ý thức hệ. Con người thực sự văn minh sẽ không hẹp hòi trong nhận thức, sẽ không giết nhau vì bất đồng nhận thức. Trên trái đất có nhiều truyền thống văn hóa khác nhau. Chỉ có thái độ cốt mỗ mới giúp ta thấy, hiểu và yêu mến được nhưng truyền thống văn hóa. Không có gì cấm ta thấy được cái hay cái đẹp trong nhưng truyền thống khác như Nho giáo, Lão giáo hay Cơ Đốc giáo. Ta ăn cơm Việt, nhưng điều đó không cấm ta thưởng thức nhưng

truyền thống nấu nướng khác như cơm Tàu, cơm Tây, cơm Ấn Độ, cơm Tây Ban Nha. Có kẻ suốt đời chỉ đam ăn nhưng món quen thuộc, không bao giờ có khả năng thưởng thức được nhưng món ăn lạ thuộc các truyền thống nấu nướng khác; nhưng kẻ ấy bị thiệt thòi. Kho tàng văn hóa của nhân loại rất đa dạng và giàu có, ta phải mở mắt để nhìn qua cho biết. Ta cốt mở thì không nhưng ta thấy được cái hay cái đẹp của kẻ khác mà ta còn phát hiện ngay trong truyền thống ta nhưng cái hay cái đẹp từng bị che lấp nửa.

KHOI NÓI ĐƯỢC CHẤT LIỆU VĂN HÓA

Dân tộc ta ngày xưa có tục đốt vàng mã mà bây giờ ta gọi là một hú tục. Ta chế độ là mê tín. Ta không tin rằng đốt áo quần tiền bạc bằng giấy thì thần nhân ta ở coi âm có áo quần để mặc và tiền bạc để tiêu xai. Ta không thấy được rằng hành động đốt vàng mã biểu hiện lòng thương nhớ lo lắng của người còn sống đối với người đã khuất. Cái chất liệu văn hóa của sự đốt vàng mã là lòng nhớ thương và niềm chung thủy. Ta có thể bài bỏ tục đốt vàng mã, lấy có rằng điều đó có hại cho nền kinh tế quốc gia, nhưng ta chỉ có thể và chỉ nên kìm như thế sau khi đã tìm ra nhưng hình thức sinh hoạt văn hóa khác thay thế cho việc đốt vàng mã. Nếu không thì ta đã vô tình đẹp bỏ một nếp sống tinh cảm rất trung hậu và đẹp đẽ trong truyền thống văn hóa ta. Nói tốt cái lợi và cái hại kinh tế thì không cùng. Chế tạo vũ khí và theo đuổi chiến tranh thì hại cho kinh tế vô cùng mà ta không hề nói tới. Ta có thể xuất tiến hàng triệu ra mua thức này thức khác, nhưng ta đâu có thể mua được lòng thương nhớ và



nghĩa vẹn toàn bằng tiến bạc. Vậy thì tại sao ta nói đến cái hại kinh tế của sự đốt vàng mã. Phao ta đốt ngày Tết cũng có hại kinh tế lắm chứ. Nhưng ta cứ đốt, bởi vì nó cho ta niềm vui và lòng hy vọng ở năm mới hạnh phúc và thịnh vượng hơn.

Cách đây hai chục năm, hót các con còn trung nước ta có viết một đoàn văn tên là Bông Hồng Cài Áo về tình mẹ con. Từ ấy đến nay, năm nào giót trẻ xư ta cũng tổ chức hội Bông Hồng Cài Áo. Đoàn văn ấy đã cảm động được trái tim của tuổi trẻ, đã làm cho họ ý thức được sự quý giá của ba mẹ bên mình, đã làm cho bao nhiều người được sung sướng, con cũng như mẹ. Tuy nó không phải là một cuốn kinh như kinh Vu Lan nhưng nó cũng có thể

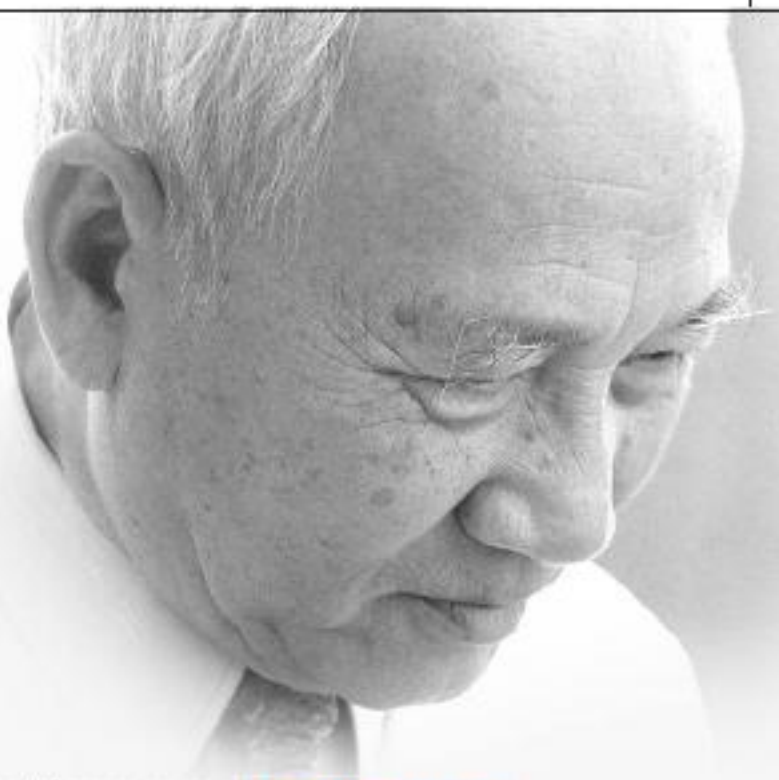
có một tác dụng tương tự như tác dụng kinh Vu Lan. Tuy nó rất khác với sự đốt vàng mã, nó cũng nuôi dưỡng được lòng thương yêu như việc đốt vàng mã. Các con hay nhìn bàn thờ tổ tiên, cây cau, cây nêu, đồng rơm, miếng trầu v.v., hay lắng nghe nhưng câu ca dao, nhưng lời ru tiếng hát và nhưng tiếng nói tiếng cười của người dân trong xóm v.v., các con sẽ thấy được nhưng gút gắm âm thầm của truyền thống văn hóa dân tộc. Nhiệm vụ của các con là khai nói cho được nhưng giá trị của truyền thống văn hóa dân tộc để có thể làm giàu có thêm cho truyền thống ấy. Tôi và Ông

Truyền thuyết một mẹ trăm con cho ta thấy tổ tiên của chúng ta từ ngày xưa đã quan niệm trăm

NHỜ ĐAU DÂN TỘC VIỆT VẪN CÒN SAU NGÀN NĂM BẮC THUỘC?

ĐỨNG VỮNG NGÀN NĂM

tác giả NGÔ NHÂN DUNG



NOT ONLY "GREAT BOOKS"

NGƯỜI VIỆTshop

www.nguoi vietshop.com

LET'S ORDER NOW



Ảnh: LÃNG MẠI

họ như một nhà, và dân tộc ta là một đại gia đình. Ngôn ngữ của ta cũng học lộ ý hướng ấy. Tiếng tôi trong ngôn ngữ Việt Nam không phải là một tiếng tôi cộc lốc như trong các ngôn ngữ khác. Nói đúng hơn, trong ngôn ngữ ta không có những đại danh từ chỉ nhân vật như je và vous, như I và you, như ego và tu. Các con để ý nhận xét mà coi. Nếu đi ngoài đường mà gặp một người thì ta phải thiết lập một thứ liên hệ thân thuộc nào đó giữa ta và người đó trước khi ta có thể mở miệng nói chuyện. Nếu người ấy hơi lớn hơn ta hoặc bằng ta, ta sẽ gọi bằng Anh hoặc Chị và ta tự xưng em. Anh Hai, Chị Ba v.v., đó là những tiếng ta quen dùng để gọi người trạc tuổi của anh chị ta. Nếu người ấy lớn tuổi hơn ta nhiều, ta gọi bằng Chú, bằng Bác, bằng Dì, bằng Cô hoặc bằng Ông, bằng Bà và ta tự xưng là Cháu. Dùng tiếng tôi thì có vẻ cộc lốc, lặt lẻo. Với lại tiếng "tôi" xưa kia vốn là tiếng khiêm nhường của người thân dân tự xưng với vua, của người đầy tớ tự xưng với chủ. Tôi có nghĩa là bầy tôi (votre sujet) của vua, hoặc tôi tớ (votre serviteur) của chủ. Tiếng ông và tiếng bà mà ta thường tưởng là tương đương với đại danh từ vous hay you thật ra chỉ là tiếng tôn xưng người đối diện, cho họ đang bậc ông và bà của ta. Tất cả mọi xưng hô trong ngôn ngữ ta đều phải được đặt trong liên hệ gia tộc.

Câu "Cháu xin lỗi bà" ta thiết nghĩ không thể dịch

ra Pháp vẫn là "je vous demande pardon" được. Cái tinh thần của ngữ pháp khiến ta có khuynh hướng muốn dịch: "la petite fille voudrait demander pardon à sa grande mère". Nếu ta nghe câu tiếng Pháp này không em tui, đó là tại vì hai văn hóa khác nhau, hai ngôn ngữ khác nhau. Một ngôn ngữ mà không có những đại danh từ nhân vật ngôi nhất và ngôi hai như thế kể cũng hiếm có trên thế giới con nhĩ. Trong những chi tiết như thế, giống nói đa kỳ thực cho ta biết bao nhiêu niềm ước vọng, biết bao điều mong mỏi. Ta hãy trở lại khai thác tiềm lực của chính ta ngay trong văn hóa ta trước đây.

ĐỊNH NGHĨA VĂN HÓA

Từ sáng tới giờ ta đã dùng danh từ văn hóa mà không chịu định nghĩa văn hóa là gì. Chắc hai con cũng biết rằng việc đi tìm định nghĩa đó sẽ làm mất thì giờ của chúng ta lắm. Người Đức nói Kultur, người Pháp nói culture. Có người hiểu văn hóa là tám kiến thức học hỏi (trình độ văn hóa). Có người hiểu văn hóa là văn minh. Có người cho văn hóa là nếp sống có ý thức hướng thượng của một dân tộc hay một xã hội. Nếu các con còn nhớ tới cây đào và con ong thì các con sẽ thấy công việc định nghĩa khó khăn như thế nào. Tuy vậy ta tin rằng điều đó không thực sự cần thiết, và các con đã cảm thông được nhưng điều ta muốn nói. Nhưng

điều ta nói với các con hôm nay, ta tin chắc là các con đã biết rồi. Chúng không phải là kiến thức và kinh nghiệm. Mà nhận thức ấy, kinh nghiệm ấy, ta biết, đã tiềm ẩn trong con. Ta chỉ muốn các con và ta có dịp ngồi với nhau mà chiêm nghiệm lại.

Các con đi tới là ta đi tới. Con có là một trang thiếu niên anh tuấn tại ba lốt lạc hơn người thì con vẫn là một thằng Cu xưa kia của ruộng lúa quê nhà. Và con có là một thiếu nữ nhan sắc mặn mà, đức hạnh và sự nghiệp làm rạng công danh cho xứ sở, con vẫn là một con Him

xưa kia thường ra vào nơi cầu ao xóm cu. Hãy nhớ đến gốc rễ của các con, và hãy can trường đi tới. Điều ta muốn dặn hai con, ta đã gói kỹ trong từng tế bào của cơ thể hai con rồi.

THÍCH NHẤT HẠNH



Tranh: BỒ TRUNG QUÂN

VĨNH HẢO
Buông

Mưa vẽ trên thiên thất
Buông giọt xuống mái tranh
Con cu trên cây trăm
Buông tiếng xuống ruộng xanh

Su ngồi lật trang kinh
Chàng buông một âm thanh
Lặng nghe
rồi chợt nghe
Buông hết ngàn Phật danh.

Long Thanh 1984

xem tiếp trang 26

VẤN ĐỀ GIÁO DỤC TUỔI TRẺ VIỆT NAM HẢI NGOẠI

sắc bên để tương thông với mọi người Việt Nam, có một chiếc chìa khóa hữu hiệu để ta đi vào các môn học khác của dân Việt Nam. Cung chẳng cần phải đi đâu xa. Tài liệu về các môn Việt học bằng tiếng Việt không thiếu, trái lại còn đầy ắp những thư viện của người Việt ở Mỹ, và cả một phần của nhiều thư viện người Mỹ.

Điều kiện mở đầu - điều kiện ngôn ngữ - đã hội đủ, ta có thể kiểm điểm các khía cạnh khác của văn hóa và giáo dục. Bắt đầu bằng tư duy. Về triết học, ta thuộc hệ thống Đông phương là triết học suy ngẫm (philosophie contemplative) ngược lại với triết học Tây phương là triết học thuần luận (philosophie speculative). Nhưng tư trào lớn đóng góp vào tư duy Việt Nam cho đến nay vẫn còn ảnh hưởng và dấu vết là Khổng giáo, Phật giáo và Lão giáo, gọi chung là tam giáo Đông phương. Điều đáng nói hơn nữa là cái tinh thần tư duy của dân tộc ta: một mặt,

ta sẵn sàng mở cửa cho du nhập nhưng tư trào từ ngoại tới; mặt khác, ta lại biết đem nhưng tư trào ngoại lai đó đồng hóa với tư tưởng sẵn có để tránh không cho ngoại nhân đồng hóa mình mà ngược lại để mình đồng hóa cái phần du nhập từ ngoại nhân. Kết quả xa hơn nữa là ta có cái ý chí và nghị lực để chống lại kẻ xâm lăng nước ta bất luận từ đâu tới, chẳng chong thì chấy.

Về cá tính của dân tộc, xin ghi đôi ba nét căn bản: - Người Việt Nam có một đời sống nội tâm rất phong phú với nhàn quan hướng vào bên trong nhiều hơn là bên ngoài. Nói khác đi, đó là thái độ trốn tránh ngoại giới khác nghiệt để ẩn náu vào nội tâm êm đềm xoa dịu. - Người Việt Nam có một bản chất giàu tình cảm, xử sự bằng tình trước khi bằng lý. Trong mối quan hệ giữa người và người nếu đẹp về tình thì quan hệ đó sẽ phát huy thành nghĩa - thứ bốn phận thiêng liêng - và mai mai trường tồn.

- Người Việt Nam có đầu óc dung nạp và tổng hợp tài tình, cực kỳ uyển chuyển phá tan cái thế cách biệt giữa nhưng cực đoan đối nghịch trong vũ trụ và nhân sinh: âm và dương, thanh và bại, sống và chết... Một bằng chứng đã được kể ra trên kia khi nói về tư duy của dân tộc vừa mở ra vừa rào lại. Tương tự như thế, nhiều thái độ và hành xử của người Việt mang luôn một lục hai tính chất đối chọi, chẳng hạn: thực tế đến chỉ li, trắng trợn đồng thời mơ màng đến đắm say lang mạn, gán bó với hiện tại mà vẫn thiết tha với quá khứ và hướng vọng tới tương lai.

Nền văn hóa của bất luận một dân tộc nào cũng đều có cái hay pha trộn với cái dở, cái tốt lẫn với cái xấu. Nền văn hóa của ta cũng thế, có cái sở trường và điều sở đoản. Đây cốt yếu là một vấn đề tu thân và nhận thức cá nhân. Hồi tiền bán thế kỷ trước - thế kỷ 20 - nhà văn kiêm nhà báo Nguyễn văn Vĩnh có ghi nhận một số nhưng tật

xấu của người Việt trong cuốn sách có nhan đề là "Xét tật mình", chẳng hạn tật xấu gì cũng cuối, tật xấu chê bai trước công việc của người khác trước khi công việc đó khỏi sự hay hoặc thành.

3- Tuộc bỏ cái xấu, giữ lại cái đẹp của mỗi nền văn hóa Mỹ, Việt như vừa nhìn đại cương trên đây. Đối chiếu và phê phán kỹ càng hơn nữa hai phần giữ lại, xem có thể tổng hợp được không, nếu có thì tổng hợp tới mức nào và như thế nào: trong nhiều trường hợp và khía cạnh, sự gán bó, sự tương liên giữa hai nền giáo dục khó có. Cái mà người Việt coi là đẹp, người Mỹ lại coi thường; Cái mà người Mỹ coi là xấu, người Việt có thể lại coi là tốt. Thí dụ: uy quyền của cha mẹ đối với con cái trong gia đình cũng như uy quyền của thầy giáo đối với học sinh trong học đường, trong khi bên này coi trọng thì bên kia lại coi khinh mà dẹp bỏ. Nếu có xung đột giữa tư hai phía, thuyết bù trừ hay quân bình có thể đem ra để sử dụng. Chuyện này có thể tùy cơ ứng biến. Riêng luật pháp của đất dung thân là có tính cách trói buộc đối với mọi người, người chính quốc cũng như người tị nạn.

Bên lề một hội nghị giáo dục ở đây, một sinh viên

dự thỉnh có hỏi tôi "giá trị Việt Nam là những giá trị gì?". Tôi đã trả lời một cách giản tiếp: "Hay yếu người Việt Nam bắt đầu từ cha mẹ, hay chia sẻ nhưng vui buồn cùng mọi người, hay tham gia nhưng sinh hoạt thiện nguyện với cộng đồng. Về lâu về dài, ta sẽ hiểu mọi người rõ ràng, ta sẽ khám phá ra những người nhưng việc mà đa số trong cộng đồng yêu mến, vì thế, khám phục thì người đó, sự việc kia là những giá trị Việt Nam." Chẳng hạn: sự phản nộ của công chúng đối với một người nạt nộ một đứa bé con; cảnh rơi lệ của đám đông trước sự việc một người xot thương cúi xuống cứu giúp một người lơ độ đường...

Vấn đề văn hóa là một vấn đề về giá trị. Giáo dục là một sự chọn lựa giá trị để quảng bá cho tuổi trẻ. Trong cái vị thế là tuổi trẻ hải ngoại, hiểu theo nghĩa là tuổi trẻ tha hương và biến động lịch sử, người Việt phải tu thân, tập luyện nơi năng và hành xử sao cho vừa tuân thủ luật pháp địa phương vừa giữ được cái gốc gác dân tộc của mình. Hay giữ mai một trái tim Việt, một tâm hồn Việt và một phong cách sống Việt. Đó cũng là một phương giáo dục tự thân vậy!

NGUYỄN SỸ TẾ

DR. D. DENTAL DANIEL DZUNG TRAN, D.D.S. COSMETIC & GENERAL DENTISTRY



DANIEL DZUNG TRAN, D.D.S.

10451 Bolsa Ave., Ste. 110. Westminster, CA 92683
(Trong khu Nhà Hàng Đồng Khánh)
714.839.3636 714.839.3837

GÓC KHUYẾT CUỘC ĐỜI

bỏ quên con nhỏ trong xe, đã được đặt tên là "Hội chứng bỏ quên trẻ nhỏ".

Hội chứng này không chỉ xảy ra tại Hoa Kỳ mà còn ở nhiều nơi khác. Nó không nhưng xảy ra cho các bà mẹ, mà cả những ông bố hay các ông bà trông cháu. Từ năm 1990, tại Mỹ đã có hơn 600 vụ rút ra xảy ra chưa kể những vụ không được báo cáo. Năm rồi ở Ý, trong vòng 1 tuần có liên tiếp hai đứa bé bị chết vì bị cha mẹ bỏ quên.

Một trong 2 trường hợp này Lucio Petrizzi, là một giảng viên đại học, tưởng đã bỏ đứa con gái 22 tháng của mình ở nhà giữ trẻ. Thực ra ông đã bỏ quên em trong xe 5 tiếng đồng hồ và em chết dưới cái nóng ngột ngạt. Ông nói với cảnh sát "Tôi không hiểu tại sao, cái gì đã xảy ra, dường như ai đã lấy mất đầu óc tôi rồi". Năm 2010, một bác sĩ 40 tuổi khi đang đem con mình tới nhà giữ trẻ ở Citypress Hoa Kỳ, ông nhận được một cú phôn khẩn cấp. Ông lái thẳng tới bệnh viện theo quán tính và quên phát đang chở cậu con trai 7 tuở 5 tuổi trong xe. Ông chỉ phát hiện ra điều mình quên

8 tiếng đồng hồ sau, khi vợ ông gọi điện thoại cho ông, và đứa bé đã chết cứng vì nóng trên ghế sau xe ông.

Hầu hết các tai nạn đều xảy ra trong những ngày nóng nhưng có một trường hợp cái chết xảy ra một ngày nhiệt độ trung bình khoảng 63 độ F.

Jane Fennell, giám đốc của một tổ chức ngăn ngừa cái chết và tổn thương cho trẻ nhỏ nhận xét, "Một phần bị kịch xảy ra vì người ta không ai ngờ sự việc lại xảy ra cho chính họ. Người thì nghĩ rằng, quên một vài phút có hề gì, đâu phải chuyện của 8,9 tiếng. Nhưng họ đâu hiểu rằng họ đã bỏ quên chúng, đâu óc họ cư định ninh, chúng đã ở trong nhà giữ trẻ rồi, và óc họ cho một tin hiệu, từ đây đến cuối ngày không có gì phát lo nữa cả."

Bà Fennell thêm rằng, theo những con số và sự kiện của những tai nạn xảy ra, chúng ta không thấy có gì rõ rệt trong việc quý kết nhưng người bị mắc hội chứng quên này thuộc vào nhóm người có đi làm, không đi làm, nam hay nữ, giàu hoặc nghèo. Thường, người ta hay nghĩ



l.M.i.c.h.a.e.l Photo.com

phụ nữ có đi làm sẽ mắc bệnh này. Thực tế thì bị kịch lại xảy ra cho các ông bố nhiều hơn các bà mẹ, thậm chí cả với các bà nội, ngoại hay những bà mẹ không đi làm chỉ ở nhà coi con. Tôi đã chứng kiến một tai nạn chết người xảy ra cho một bé gái 7 tuổi ở bên nhà tôi. Sáng hôm

đó mẹ em vì phải chạy ra ngân hàng đã giao em lại cho bà ngoại (52 tuổi) giữ. Em ngồi im lặng xem hoạt họa trước một màn hình tivi to khoảng 21 inches, trong khi cậu em trai 5 tuổi của em chơi bên cạnh. Em đôi ăn bánh cookies và bà ngoại chiếu chầu bên lui cui dưới bếp làm bánh cho các cháu

ăn. Bị kịch xảy ra khi cậu bé chạy đến quay cái trục của tivi chơi. Tivi được đặt trên một cái trục quay 360 độ để người xem có thể quay theo góc cạnh nào tùy thích. Thình lình vì sức quay và lực đẩy của đứa bé quá mạnh, chiếc tivi rơi khớt bàn quay, rơi xuống phang ngay vào đầu bé

xem tiếp trang 26

GIẤC MƠ VIỆT NAM

tế, lấy tinh nghĩa đồng bào làm sức mạnh, lấy nguồn gốc tổ tiên (một mẹ trăm con, chung cung bọc trung) làm nơi nương tựa tinh thần. Nhưng hình ảnh thân thương quen thuộc của cây đa, bến nước, sân đình gắn liền trong tâm thức của mỗi người Việt Nam, đã bắt đầu từ thời xa xưa đó.

Giấc Mơ Việt Nam là giấc mơ của những bàn tay khối óc xây dựng nên nên văn hóa Đông Sơn, bắt đầu từ hàng ngàn năm trước, trải dài đến thời điểm cực thịnh vào thế kỷ thứ 5 trước Công Nguyên. Nhưng chiếc trống đồng Đông Sơn, Ngọc Lũ được chạm trổ tinh vi đánh dấu một thời đại vàng son trong tiến trình phát triển văn minh nhân loại. Nhưng có vật quý giá đó, không phải chỉ là những biểu tượng cho văn minh dân tộc chúng ta mà còn đại diện cho cả nền văn minh vùng Nam Á đương thời. Chính tinh thần văn hóa Hòa Bình, Đông Sơn đã hun đúc thành sức mạnh dân tộc, để các thế kỷ sau đó, dù sức đối kháng với sự xâm lăng thô bạo của các nguồn văn hóa mang ý đồ đồng hóa phát xuất từ phương Bắc. Thật vậy, mặc dù hơn một ngàn năm trong bóng đêm nô lệ nhà Hán, nhà Ngô, nhà Đường với bao

nhiều cực hình đày đoạ, sang xuống bể tìm ngọc châu, chiếu lên non săn ngựa voi, trăm hương, châu báu, dân tộc Việt vẫn bảo vệ được tinh độc lập, vẫn giữ được bản sắc văn hóa Việt trong sáng và thuần nhất. Đất nước chúng ta đã hơn một lần bị mất đi và giành lại được nhưng chúng ta hạnh diện nơi lớn rằng dân tộc Việt Nam chưa bao giờ bị mất gốc. Hết cơ trên một đất nước nào, ở đó, tên của một con sông, một ngọn núi, một thôn làng, cũng có thể làm cho người dân khi nhắc đến phải rơi nước mắt. Nhưng Phong Hoa, Nam Quan, Mê Linh, Bạch Đằng, Vạn Kiếp, Thiên Trường, Diên Hồng, Chi Lăng, Lam Sơn, Đống Đa, v.v... không phải chỉ đơn giản là những địa danh lịch sử, mà hơn thế nữa, còn là nơi giữ gìn ảnh linh hùng khí của dân tộc chúng ta. Hình ảnh những chiếc bua, những chiếc riêu, những mũi thương, mũi dao, mũi tên bằng đồng đúc được ở vùng Trung Châu, Bắc Việt, ở Sông Bạch Đằng, dọc Ai Nam Quan không chỉ là những cổ vật mà còn là chứng tích của bao nhiêu trận mạc, bao nhiêu cuộc chiến đấu, bao nhiêu máu xương và nước mắt của tổ tiên Lạc Việt đã đổ xuống trước áp lực của các triều

đại Bắc phương xâm lấn khác. Giấc Mơ Việt Nam là giấc mơ của hai người phụ nữ Việt đất Mê Linh uy danh lung lay, đã can đảm thắp lên ngọn lửa tự do cho dân tộc. Một ngàn năm trăm năm trước Jeanne d'Arc, người phụ nữ Pháp chống lại cái tay của người Anh, tại vùng Đông Á đã có hai người phụ nữ Lạc Việt, Trưng Trắc và Trưng Nhị phát cơ khởi nghĩa chống nhà Hán và lập nên một triều đại huy hoàng. Dù chỉ trị vì được 3 năm, tinh thần "giặc đến nhà đàn bà phải đánh" của hai bà đã trở thành truyền thống yêu nước tồn tại đến ngày nay. Giấc Mơ Việt Nam là giấc mơ của các bộ lao được Vua Trần Thánh Tông triệu đến Điện Diên Hồng để hỏi ý trước cuộc xâm lăng của đại quân Mông Cổ vào tháng Chạp năm 1284. Lần đầu tiên trong lịch sử, sức mạnh dân tộc Việt thể hiện không chỉ bằng lòng yêu nước nhưng còn bằng tinh thần dân chủ. Chính sự mạnh mẽ tổng hợp vô địch của lòng yêu nước và tinh thần dân chủ đã đẩy lui bao nhiêu vạn hung binh Mông Cổ trong ba cuộc chiến chống quân Nguyên lưng lầy. Thượng Hoàng Trần Thánh Tông đã cảm khái sau cuộc kháng Nguyên lần thứ hai: Xa tặc hai phen bon ngựa đã Non sông muôn thuở vững âu vàng

Giấc Mơ Việt Nam là giấc mơ của Bình Định Vương Lê Lợi sau ba lần trốn thất phải lui về từ thủ Chi Linh. Quân kháng chiến

đã phát đao cù chuối, giết ngựa chiến mà ăn. Suốt mười năm năm gai nếm mật đày hy sinh gian khổ, khi hòa khí chiến, lúc cương lúc nhu, tổ tiên chúng ta trong thời đại nhà Lê cuối cùng đã giữ được Giấc Mơ Việt Nam còn sống. Nguyễn Trãi đã kết luận trong Bình Ngô Đại Cáo: "Xa tặc từ đây vắng bèn, giang sơn từ đây đổi mới, càn khôn bị rồi lại thái, nhật nguyệt hổi rồi lại minh, ngàn năm vết nhọc nhàn sạch lau, muôn thuở nên thái bình vững chắc, âu cung nhỏ trời đất tổ tông linh thiêng đã lặng thầm phù trợ". Sự gia Phạm Văn Sơn trong Đại Việt Sử Ký Toàn Thư đã nhận xét về Giấc Mơ Việt Nam: "Và cũng có thể nói rằng nhưng cuộc hưng vong thế thái này đã hun đúc cho dân tộc chúng ta một tinh thần tranh đấu bền bỉ, để tồn tại đến ngày nay, oanh liệt dưới vom trời Đông Nam Á". Một điều hiển nhiên rằng, nếu tổ tiên chúng ta không có Giấc Mơ Việt Nam thì ngày nay Dân Tộc Việt Nam đã không còn là dân tộc Việt Nam nữa, và đất Nước Việt Nam đã không còn là đất Nước Việt Nam nữa. Thế nhưng, các thế hệ con cháu Hưng Vương, trong cung như ngoại nước ngày nay, có còn biết mơ, có còn biết sống với giấc mơ, có còn biết theo đuổi một Giấc Mơ Việt Nam như bao nhiêu thế hệ Việt Nam trước chúng ta đã háng ôm ấp và theo đuổi hay không? Nếu có, xin hãy cùng tôi mơ. Một ngày, nhưng khách du lịch nước ngoài sẽ không còn vội vã dừng xe

bên những cánh đồng lúa chín khô ở Quảng Nam, Quảng Trị, Hà Tĩnh, Thái Bình để chiêm ngưỡng hình ảnh một bậc nông phu, con trâu già với chiếc cày để lại từ thời Nhâm Diên, Sĩ Nhiếp. Xin hãy cùng tôi mơ, một ngày, trên màn ảnh truyền hình của các chương trình du lịch sẽ không còn thiếu cảnh nhưng chiếc ghe bầu với cánh buồm mang hàng trăm mảnh vải, đang bóng bệnh trên Vịnh Hạ Long. Tại sao? Bởi vì, người du khách thu hình bậc nông phu đang cày ruộng, sẽ không bao giờ ghi được và hiểu được một điều quan trọng, rằng phía sau vẻ đẹp thiên nhiên, bên trong chiếc áo bà ba đen, chiếc khăn rằn vắt ngang cổ, chiếc nón lá rách vế, là một thân thể Việt Nam đầm ướt mồ hôi với hàng trăm vết hằn in sâu trong da thịt giữa trưa của bậc. Cuộc đời bậc nông phu, có thể là người lính già trở về sau trận Điện Biên, Hà Nam, Hà Bắc, giống như bao nhiêu thế hệ nông dân Việt Nam trước bậc, đã chịu đựng cảnh nghèo nàn, lao khổ. Họ là thế hệ đã bị lãng quên và lưa gạt về nhưng chân trời không bao giờ có thực. Tương tự, nhưng khăn giá truyền hình xem nhưng chiếc thuyền buồm, thoát trôi vô cùng thơ mộng, đang lênh đênh giữa Vịnh Hạ Long, sẽ không bao giờ biết được rằng, bên trong chiếc ghe bầu cu kỳ kia là một đám dân chài cùng khổ. Họ là những con người không biết đến hai chữ tương lai. Họ không đủ cơm để ăn, ao

xem tiếp trang 28



IMichaelTran | www.imichaelphoto.com

tiếp theo trang 27

GÓC KHUYẾT CUỘC ĐỜI

gái. Em chết ngay tại chỗ. Khi tôi chạy qua xem thì em đã nằm co quắp lạnh ngắt bên chiếc tivi loại tube cu to đồ lán kênh.

Bà ngoại em không bị kết tội vì cái chết của em nhưng bà lúc nào cũng bị mặc cảm phạm tội

đeo đẳng suốt đời. Bà già trông ko khác, già hẳn đi, mắc bệnh trầm cảm, hồi hộp, sợ hãi và mưu toan tự tử mấy lần. Bà luôn bị ám ảnh với ý nghĩ, lúc ấy sao mình lại chếnh mảng thế, sao lại ỷ ỷ không trông nom cháu kỹ càng để sự việc đáng tiếc

xảy ra. Bà đau đớn vì mất đứa cháu gái bà thương yêu và ân hận suốt quãng đời còn lại vì một phút vô ý của mình, chưa kể cái đau mất con của người mẹ. Nhưng bao cao cho biết bị kịch thường xảy ra với những bậc cha mẹ cần thận mà lại kém cảm. Loại người mua cả khoa của an toàn cho con nhưng hay đang trì. Có một số trường hợp qua cần thận đến nỗi cột chiếc ghế an toàn của con vào đằng sau xe và quặt mặt(rear-

facing) vào lưng ghế để bảo đảm an toàn hơn. Tuy nhiên nhưng nghiên cứu cho thấy nhưng yếu tố góp phần vào hội chứng quên này là áp lực của công việc và cố gắng làm quá nhiều thứ một lúc. Thiếu ngủ, cuộc sống lứa đôi không hòa thuận, hay ảnh hưởng của việc sử dụng thuốc cũng góp phần vào việc đánh gục sự minh mẫn của trí nhớ. Nếu bạn làm việc nhiều quá và cảm thấy kiệt sức, hãy cẩn thận, có thể oc bạn không kham nổi quá

nhieu mệnh lệnh của bạn nữa đâu.

Không ai có thể nghĩ đến việc một phút quên lang đã ảnh hưởng đến nhưng đứa con yêu quý của bạn. Nhưng nó đã xảy ra cho Lyn Balfour, 40 tuổi, là một nhân viên tình báo ở Bosnia và Iraq. Vap ngày 30 tháng 3 năm 2007, một trận bão đã áp lực nặng nề đã làm thay đổi hết mọi sự. Bà trai 9 tuổi của bà bị cảm lạnh. Người mẹ đã thức suốt đêm để chăm cho con. Sáng ra dù kiệt

tiếp theo trang 27

GIẤC MƠ VIỆT NAM

để mặc. Họ được sinh ra ở hăm ghê, ăn đói, ngủ đói, cưới nhau đói, sinh con để cái và lớn lên từ đói. Không thể gọi cánh bạc nông phu đang cấy ruộng, cánh nhưng chiếc thuyền buồm trôi lênh đênh kia là nét đẹp Việt Nam. Nhưng cánh đói không đại diện cho một quê hương Việt Nam gấm vóc với gấm năm ngàn năm văn hiến. Hình ảnh chiếc thuyền buồm, con trâu, cái cày chỉ nói lên sự buồn thảm, tuyệt vọng của một dân tộc không có một cơ hội để vươn lên. Nhưng cánh đói, có thể đẹp và lạ với người nước ngoài nhưng đối với nhưng người Việt Nam tự trọng, là một sỉ nhục. Nhưng cánh đói chỉ nói lên sự lạc hậu của một nền kinh tế đứng yên tại chỗ tư bao nhiêu thế kỷ và tố cáo sự bất lực, thối nát của một nhà cầm quyền vô trách nhiệm.

Xin hãy cùng tôi mơ, một ngày, trên đất Nước Hưng Vương, sẽ không còn cánh hăng trăm em bé Việt Nam đói khát đang ngời chờ nhưng đóng bạc lẻ trên nhưng bậc tam cấp ở Chùa Hương, trong sân Nhà Thờ Đức Bà, trong nhưng quán ăn của người ngoại quốc, giữa Chợ Bến Thành, ngoài đường phố Sài Gòn, Hà Nội. Một ngày, người dân

Việt sẽ không còn mắt thấy tai nghe thảm cảnh tuyệt thơ Việt Nam giành giật chém giết nhau chỉ vì một chén cơm thừa, một tờ canh cặn. Nhưng con cháu Hưng Vương đang thương kia sẽ có cơ hội đến trường như bao nhiêu triệu trẻ thơ khác trên thế giới. Các em sẽ lớn lên trong thanh bình, tự do, no ấm. Tâm hồn Việt Nam trong sáng của các em sẽ không còn bị nhưng chủ thuyết ngoại lai nhuộm đen, nhuộm đỏ. Hạt mầm tri thức xanh tươi của các em sẽ không còn bị đầu độc bằng nhưng liều thuốc hận thù, rẽ chia, ganh ghét. Giòng sông chảy róc rách qua tâm hồn các em không phải là Sông Gianh phân cách hai Bến Hải chia đôi, mà là giọng sông huyết thống Lạc Hồng bắt đầu tận cội nguồn Dương Từ từ 48 thế kỷ trước đây. Bài hát các em hát mỗi ngày không phải bắt đầu bằng nhưng lời hô hào đấu tranh giai cấp mà sẽ bắt đầu bằng lòng kính nhớ đến ơn đức tổ tiên, công ơn cha mẹ, tình thương yêu dành cho đồng bào ruột thịt và kết thúc bằng ý chí vươn lên sánh ngang vai cùng thời đại con người đang không ngừng đổi mới.

Xin hãy cùng tôi mơ, một ngày, nhưng mục

đích đấu tranh vì tự do tôn giáo, dân chủ, nhân quyền, cơm áo gạo tiền tộc ta đang theo đuổi hôm nay sẽ không còn cần thiết, hay ít ra không còn là một ưu tiên tối thượng nữa.

Một ngày, nhưng khai niệm, nhưng phạm trù chính trị cộng sản, quốc gia, cách mạng, phản cách mạng, thanh trừng, cải tạo, ly khai, phản động, một thời vốn là nhưng ám ảnh nặng nề trong tư duy, trong cảm xúc của mỗi người Việt Nam, sẽ không còn là nhưng vấn đề đáng quan tâm nữa.

Một ngày, các chế độ độc tài đã thật sự tàn lụi và nền dân chủ đã mạnh khỏe lớn lên. Các nhà tư chính trị đã được san bằng và cùng từ trên đó, nhiều trường đại học, viện hàn lâm vừa được dựng nên. Người dân Việt sẽ không còn nghe nhắc về nhưng bản án dành cho nhưng người ly khai chống đối. Nhân dân Việt Nam sẽ chẳng còn ai bận tâm về chuyện Bắc Nam. Nhưng con số thống kê sẽ không còn là dụng cụ tuyên truyền mà là nhưng con số nói lên thành quả. Một ngày, nhà thờ, chùa chiền, thánh thất sẽ thật sự là nơi rao giảng đức tin và tinh thần Chân Thiện Mỹ. Các Thầy, các Cha sẽ là nhưng người diu dắt, nhưng chủ chăn của tín đồ, giảng cho họ bằng ngôn ngữ của thương yêu và tương kính.

Một ngày, nhưng vương mặc lịch sử, một thời xa vắng trái tim dân Việt, thật sự đã đi vào lịch sử. Trên

đất Nước Hưng Vương của thời đại mới, trọng tâm của các nhà lãnh đạo một Nước Việt Nam Mới là xây dựng và phát triển đất nước thành một cường quốc đa phương được thế giới kính nhường, một đất Nước Việt Nam có ý thức cao về dân chủ, độc lập và sáng tạo về văn hóa, vững mạnh về kinh tế, hiện đại về khoa học kỹ thuật và chan hòa tình dân tộc.

Việt Nam sau hơn một phần tư thế kỷ, như nhà văn Dương Thu Hương đã viết: "trên dải đất này vẫn chỉ nghe ro tiếng vô cánh của bầy quạ đen trên các nghĩa địa nổi dài từ Bắc vào Nam, từ Nam ra Bắc. Con chim ngậm cánh ô-liu kia còn lẩn khuất nơi chân trời mù sương nào đó. Trên dải bờ xa xôi. Và chờ đợi bình minh". Vâng, nếu chỉ nhìn vào thế hệ Cách Mạng mùa Thu 1945, thế hệ Điện Biên 1954, hay thế hệ gọi là "chống Mỹ cứu nước" còn sống sót hiện nay để trông chờ một cuộc cách mạng dân tộc, thì đó quả là một thực tế bất hạnh cho đất nước. Bởi vì điều đó sẽ không bao giờ đến.

Nhưng thế hệ 45, thế hệ Điện Biên dù ở miền Bắc hay miền Nam đều kiệt sức như nhau. Họ là nhưng mũi nhọn đã bị vắt đến khô cạn, xơ xác. Họ là nhưng dấy cũng đã hết độ đàn hồi. Nhưng chiếc bóng già nua thu mình trong căn nhà tập thể với nhưng đồng tiền hưu cố định, chưa xong nghỉ về hàng triệu anh em đồng chí đã thật sự lăm lăm ở Hà Bắc, Sông Lô, Trường Sơn, Khe Sanh,

Án Lộc. Có chăng, một vài tiếng rên u uất vang lên đầu đô không đủ mang lại sinh lực cho một thế hệ đã kiệt mòn năng lực. Có chăng, một vài ngọn đèn le lói được thắp lên từ nhưng căn phòng tập thể, không đủ xua đi bóng đêm dày đặc mấy mươi năm đã phủ trùm trên đất nước.

Nhà thơ Tạ Ky, một nhà thơ miền Trung thuộc thế hệ 45, dù vậy vẫn ở lại miền Nam, cũng chưa chất nhìn lại thời hóng say cách mạng của ông: Thời gian qua đã ba chục mùa Xuân Trái mười tám toc ngã máu sương gió Nhưng đêm đó thánh me n cấy mắt đỏ Nhìn trong lị bóng thấy bóng mình xưa Góc trọ buồn thiu nằm khénh nghe mưa Xót thân thế, nhớ từng thăng bạn học Ngâm thơ người xưa đau mình có độc Rời áo cơm thay thế chuyện giang hồ Đồi lưc buồn tình lam một bài thơ Bốn lăm! Bốn lăm! Nhưng kẻ ra đi, nhưng kẻ đang nằm Nhưng kẻ chết, nhưng kẻ còn vất vương Chúng ta làm gì? Thuyền trong cơn gió chướng!

Đúng thế, tâm trạng của nhà thơ chắc chắn cũng là tâm trạng của nhưng ai đã một thời hóng say chiến đấu, hóng say khấn gọi lên đường tập kết ra miền Bắc, để rồi sau cuộc chiến trở thành nhưng kẻ đứng bên lề. Nhưng kẻ sống sót chắc chắn đã

súc, bà vắn lái xe đưa con tới nhà người giữ trẻ. Hôm ấy xe của chồng hư, bà phải chở chồng tới sở và bé trai được đặt ở ghế an toàn phía sau xe, khuất tầm nhìn của Lyn. Sau khi bỏ chồng xuống, óc bà theo thói quen bảo bà rằng đã "bỏ xuống" rồi. Bà chạy ngang qua nhà người giữ trẻ mà không dừng lại như đi trong vô thức. Người giữ trẻ có gọi bà vài lần trong ngày mà bà không trả lời. Cho đến 4 giờ chiều khi ra khỏi sở, bà gọi cho người giữ trẻ và hỏi con bà có sao không? Người giữ trẻ báo, bà không có đem con tới giờ hôm nay. Lyn la lớn "Bà nói vậy là nghĩa gì? Nó ở đó mà". Người giữ trẻ một mực nói bà không có đem nó tới. Bà hỏi thêm, chồng bà có tới rước nó không? Nhắc đến chồng, một tia sáng chợt loé lên trong óc bà, bà chạy ra xe, chân chạy miệt mài "Tôi có chỗ nó tới, tôi biết đã đem nó tới rồi".

Tuy nhiên, nhìn qua làn cửa kính, bà đã thấy con bà còn được cõt trên dây an toàn của ghế xe. Mắt em nhắm nghiền, khuôn mặt không còn sự sống. Bà là lên một cách cuồng loạn cầu cứu mọi người kêu xe cứu thương dùm bà và bắt đầu lam cấp cứu mong em sống lại. Bà biết đã quá trễ nhưng cố gắng để cứu con bà làm CPR trong tình loạn. Em bé đã chết từ lâu. Bà bị vào tù với tội danh, ngược đãi, sao nhãng bốn phận và giết con không cố ý.

Trong cuộn băng ghi lại cuộc thẩm vấn của bà, bà

đã than khóc một cách đau khổ "Tôi đã giết con tôi, trời ơi, lỗi tại tôi, lỗi tại tôi". Người ta nghe được nhưng tiếng la hét vang nơi con sống lại.

Hiện nay, bà đang vận động một chiến dịch kêu gọi sự cảnh báo của mọi người về hội chứng "bỏ quên trẻ nhỏ". Bà nói "Ngày xưa, tôi nghe đến chuyện này xảy ra cho người khác và nghĩ chuyện thật là điên khủng, vì tôi không bao giờ ngờ nó xảy đến cho chính tôi". Bà khích lệ mọi người có con nhỏ cố gắng bằng mọi cách tự bảo vệ mình đừng để điều đáng tiếc như thế xảy ra. Tỷ như dặn các người giữ trẻ phải liên lạc hay gọi cho cha mẹ, ông bà ngay khi thấy hôm đó các em nhỏ vắng mặt không có lý do báo trước. Hoặc viết một dòng chữ lớn, "đừng quên em bé" dán trên bảng xe ngay trước mắt mình. Hay tập một thói quen nào đó như, bỏ bóp, ví phía sau xe, gần ghế ngồi của em bé và luôn luôn kiểm soát ghế con mình trước khi bước xuống xe. Bởi vì ai cũng có khuyết điểm, ai có thể bảo đảm rằng mình không bao giờ làm lỗi, mà cái lỗi này lại là cái lỗi chết người.

Gần đây nhất, ngày 5 tháng Ba, 2012, một bé gái 3 tuổi bị bỏ mẹ bỏ quên ở quán ăn Chuck E. Cheese ở Bel Air, Maryland và chỉ phát hiện là mất tích khi bố mẹ bé nhìn thấy cô con gái trên bản tin truyền hình vào buổi tối. Nhân viên nhà hàng chỉ biết bé Harmony bị bỏ

quên khi cô đến chỗ họ kêu khát nước vào lúc 8 giờ 30 tối thứ Hai. Họ đã báo ngay cho cảnh sát và khai báo rằng bé gái đến đây vào khoảng 4 giờ chiều và tham gia vào một bữa tiệc lớn gồm khoảng 10 thành viên trong một gia đình.

Bố mẹ cô cũng tham gia bữa tiệc đó và có lẽ họ bỏ quên cô con gái vì nghĩ rằng bé đã được họ hàng đưa đi cùng khi rời khỏi nhà hàng. Ba ngày sau, ngày 9 tháng Ba, 2012 cũng tại Chuck E. Cheese ở Texas, lại 1 bé gái 5 tuổi bị bỏ quên trong ngày sinh nhật được tổ chức ở đó. Bà mẹ có 10 đứa con này chỉ phát hiện ra sự vắng mặt của cô bé sáng hôm sau khi chuẩn bị đưa các con đến trường.

Chỉ trong vòng 1 tuần có đến 2 đứa bé bị bỏ quên ở Chuck E. Cheese !!!

Tuy nhiên không chỉ có thế, đài truyền hình ABC còn tìm ra trong những năm gần đây ít nhất có thêm 3 vụ nữa, tất cả toàn là trẻ 2 tuổi bị bỏ quên ở các chi nhánh khác của Chuck E. Cheese. Nhưng nơi đó là West St. Paul, IL; Chicago, IL; và Fort Worth, TX.

Hội chứng "bỏ quên trẻ nhỏ" xảy ra cho bất cứ giai cấp nào trong xã hội, bất kể sắc tộc, giới tính, tình trạng tài chánh. Cái giá cho sự bỏ quên là bị kết tội, bất kể vì vô ý hay cố ý.

Đầu năm này, hai cặp vợ

chồng ở Chicago Shan-preta Howard và Antowain Johnson đã cố tình "bỏ quên" hai đứa con 12 tuổi và 9 tuổi ở nhà một mình để bay đi Las Vegas chơi với một nhóm bạn. Họ bị bắt tù với tội bỏ bê con cái khiến chúng ở trong tình trạng nguy hiểm.

Cặp vợ chồng này rời Chicago đêm thứ tư 22 tháng 2 2012 và không trở về cho tới chiều thứ sáu 24 tháng 2 2012. Thấy giao hai đứa trẻ không thấy chúng đi học, gọi về nhà mới hay chúng bị bỏ ở nhà một mình, sau đó họ báo cảnh sát. Đã vậy họ còn đăng hình và thông báo cùng bạn bè để chia sẻ tin vui bằng câu sè "đi trốn tăng" trên facebook của họ. Người mẹ con khoe đã đi làm móng tay xong và không quên viết câu "cha mẹ yêu các con bằng cả trái tim và sẽ du lịch cho tới tận cùng trái đất cho các con" !!!

Đọc giả đọc bản tin này rất giận dữ và kết án cặp vợ chồng này vô trách nhiệm và không thương yêu con cái. Đọc giả tự hỏi, họ có tiền đi Las Vegas phung phí, ăn chơi, cờ bạc, sao lại không thể trả tiền giữ con. Nếu không thì cũng đem gót cho gia đình hay người thân trông nom dùm, thời gian là hai ngày đầu phải chỉ một vài giờ. Hơn nữa luật pháp xứ Mỹ đã quy định sự an toàn cho đứa trẻ là không được bỏ trẻ em dưới 14 tuổi ở nhà một mình mà không có người lớn trông giữ.

Sau khi nhìn qua những

sự kiện kể trên chúng ta rút ra được một bài học kinh nghiệm hay cho cuộc sống ngày nay. Để sống con, chúng ta đã phải trải qua nhiều bong bóng để giữ thăng bằng và còn nổi được trong bầu không khí hiện tại. Nếu chúng ta không tiếp tục tung hứng những quả bong, lơ lửng làm nổ tung quả tung quả một, chính chúng ta sẽ bị rơi vào khoảng không mất hút. Chúng ta cũng không thể đi chậm hay dừng lại trong thời đại tiến hoá này, ngược lại sẽ bị đào thải hay rơi lại phía sau. Do đó chỉ còn cách để mình cuốn theo nhịp sống, nhưng lúc nào cũng nên đề chừng, cẩn thận kiểm soát lại chính mình, đừng quá coi thường nhưng sự việc tưởng là nhỏ nhưng hậu quả rất lớn. Hội chứng "quên" xảy ra với tất cả mọi người nhưng rủi ro do bệnh "bỏ quên trẻ nhỏ" rất nghiêm trọng, nếu ngăn ngừa được, chúng ta nên làm ngay, khi bạn có con hay cháu nhỏ.

TRÌNH THANH THUY

Tôi liên lạc khảo Parents' leave young children home alone for TWO DAYS while they jet off to Vegas for party weekend <http://www.dailymail.co.uk/news/article-2118184/Parents-leave-young-children-TWO-DAYS-jet-Las-Vegas-party-weekend.html>
Forgotten baby syndrome <http://www.dailymail.co.uk/health/article-2113440/Forgotten-baby-syndrome-It-unthinkable-accidentally-leaving-baby-home-lets-busy-parents-devastating-consequences.html>

"sáng mắt sáng lòng" nhưng không đủ can đảm để nói lên sự thật, không đủ can đảm tố cáo sự lọc lừa phản bội của giới lãnh đạo đáng Cộng Sản Việt Nam.

Chế Lan Viên, sau mấy mươi năm làm thơ ca tụng đảng, cuối cùng đã viết hàng loạt bài thơ để thu nhận tội đồng loa của chính mình, trong đó có bài "Tôi? Ai?" dưới đây:

Mặt Thân, 2.000 người xuống đồng bằng
Chỉ một đêm, còn sống có 30
Ai chịu trách nhiệm về cái chết 2.000 người đó?
Tôi! Tôi - người viết những câu thơ cổ võ
Ca tụng người không tiếc mạng mình trong mọi cuộc xung phong.
Một trong ba mươi người kia ở mặt trận về sau mười năm
Ngồi bán quán bên đường nuôi đàn con nhỏ.
Quán treo huân chương đấy, mọi cơ,
Chả huân chương nào nuôi được người lính cũ!
Ai chịu trách nhiệm vậy?
Lại chính là tôi!
Người lính cần một câu thơ giải đáp về đời,
Tôi ư ơ.
Người ấy nhắc những câu thơ tôi làm người ấy xung phong
Mà tôi xấu hổ.
Tôi chưa có câu thơ nào hôm nay
Giúp người ấy nuôi đàn con nhỏ
Giữa buồn tủi chưa cây vắn có thể cười.

Tuy nhiên, dù hoàn cảnh đất nước con bất hạnh, một điều rất thật, rằng con chìm ngấm cảnh ô-lu mà nhà văn Dương Thu

Hương am chỉ, vẫn chưa chết.

Dù con lẩn khuất bên kia khu rừng già hay dưới chân trời xa, Giác Mo Việt Nam vẫn còn sống trong lòng nhiều triệu người dân Việt. Trong lòng mỗi người Việt Nam vẫn còn đó một giấc mơ về một Việt Nam Mới dân chủ, nhân bản và hiện đại.

Cuộc cách mạng nào cũng thế, đều bắt đầu từ một nhu cầu, một giấc mơ thời đại, và được biến thành hiện thực từ những người cùng ôm ấp một giấc mơ của thời đại đó. Việt Nam đang cần, không phải là những đổi mới nửa vời, nhưng là một cuộc cách mạng Dân Tộc, Dân Chủ và Nhân Bản thật sự, toàn diện và triệt để.

Và một trong những lực lượng chủ yếu để biến mơ ước hôm nay thành bao tổ cách mạng không ai khác hơn là tuổi trẻ.

Gần sáu chục triệu tuổi trẻ Việt Nam (65 phần trăm của dân số Việt Nam trong và ngoài nước), đã đang ngồi trong giảng đường đại học xứ người hay đang chăm lo đến sách vở quê nhà, rồi vẫn phải vươn vai gánh lấy trách nhiệm lịch sử để ngăn cảnh ô-lu về trên quê hương đất bất hạnh của họ.

Quốc Gia Do Thái không chỉ được thành lập từ những người lính nhẩy dù xuống Palestine vào buổi sáng tháng 5 năm 1948 nhưng một phần không nhỏ từ tư tưởng của những nhà tài chính Mỹ gốc Do

Thái đang làm việc trên Wall Street ở New York, từ những khối óc đang ngồi trong các giảng đường Harvard, từ sự vận động của những nghị sĩ, dân biểu, bộ trưởng gốc Do Thái đang nắm trong các cấp lãnh đạo chính quyền Mỹ, Anh, Pháp, và từ những đóng góp máu xương của hàng triệu người Do Thái lưu dân khắp thế giới. Tuổi trẻ Việt Nam cũng thế, nhưng tình hoa dân tộc Việt đang lưu lạc khắp bốn bề năm châu, chắc chắn một ngày sẽ cùng với anh em, bè bạn cùng thế hệ trong nước, bằng tài năng và bằng khối óc, ra sức phục hồi sức sống Việt Nam. Tuổi trẻ Việt Nam, dù sinh ra ở Hà Nội, Sài Gòn, ở trại tỵ nạn hay lớn lên ở Paris, Boston, London, trái tim của họ vẫn cùng chung một nhịp đập và lòng họ đều ôm ấp một giấc mơ chung: Giác Mo Việt Nam. Đán nơi to Việt Nam đang yếu kia, dù đi lạc trong rừng già tăm tối, vắn vẻo đang nhận ra nhau qua tiếng hu thân quen, để rồi từ đó cùng đưa nhau về bên dòng suối mát Mẹ Việt Nam.

Tuổi trẻ Việt Nam là thế hệ của những kẻ biết bay, biết vượt thoát ra khỏi ao tù nước đọng của quá khứ. Tuổi trẻ Việt Nam, khi bước qua sông, không mang theo trên lưng chiếc tam hún họ trong sáng như ước mơ của đời họ. Nhưng gì nên giữ họ sẽ giữ và những gì cần phải xả bỏ, họ sẽ không ngần ngại đập đổ đi mà không hề nuôi tiếc, vẫn vương công sức. Hành trang trên



Thái chính lý (SỞ NG HỮA TUYÊN)

vai của họ là một tương lai đất nước đầy hy vọng. Họ sẽ dắt tay nhau đi về phía chân trời có thực, đó là bình minh cho một đất nước Việt Nam Mới.

Dân tộc Việt Nam, sau bao nhiêu chịu đựng, xứng đáng để có và chắc chắn sẽ có một cơ hội tốt đẹp hơn cho các thế hệ mai sau. Giọt nước mắt

vui mừng cuối cùng sẽ nhỏ xuống để làm tan Giác Mo Việt Nam. Đêm lên hoan của lịch sử dân tộc sẽ không còn xa vời nữa.

Xin hãy cùng tôi mơ.

TRẦN TRUNG ĐẠO

SUNDAY
APRIL 13, 2014
AT 7:30PM
ROSE CENTER
THEATER
14140 ALL AMERICAN WAY
WESTMINSTER, CA 92683

RA MẮT ALBUM
BÍCH VÂN
IN CONCERT
**KIỆP NÀO
CÓ YÊU NHAU**

with **NGUYỄN KHANG | PHẠM HÀ**
SEAN BUHR from **NEW YORK**
and **HOÀNG CÔNG LUẬN** music director

Tickets:

\$100 (SPONSOR and one autographed CD)

\$65 (VIP)

\$50

\$35

*At door please add \$5

To purchase tickets / Vé bán tại:
BICHVAN MUSIC: www.bichvan.net

TICKETS HOTLINE:

(714) 485-8577 or (714) 209-3445

TÚ QUỲNH: (714) 531-4284

For more information: www.bichvan.net

TỔNG LUẬN VỀ VĂN HỌC PHẬT GIÁO VIỆT NAM HẢI NGOẠI

dậm trường

Xuân đã về chưa hay dậm
long
Giao thừa gọi nhớ kiếp
lưu vong
Giang tay đón nhận tình
dân tộc
Thăm nhập trong người
nỗi nhớ mong

Xuân đã về chưa nhắc
nhớ ai

Quê hương, Đạo Pháp vẫn
vương hoai
Mỗi lần xuân đến nghe
rày rứt
Bao phù quanh ta thế ng
thô dai

Xuân đã về chưa nói đạo
tinh

Đời ta nguyên vẹn tuổi
bình minh

Long ta chan chứa nguồn
sinh lực

Quyết tạo mùa xuân đất
nước mình

Xuân đã về chưa giữa phố
phương

Mai vãng từng cảnh nhớ
quê hương

Đạo tinh dân tộc kéo son
quả

Dấu biển không sờn chỉ
hướng dương

Xuân đã về chưa với nụ
cười

Bướm hồng re sóng vượt
ra khơi

Thành tâm khẩn nguyện
mười phương Phật

Đã đứng lên rồi có tới
nơi." [28]

Bài thơ được viết vào năm
1982, một vài năm sau khi

thi sĩ Huyền Không đến
Mỹ. Cùng với bối cảnh và
tâm tình người tị nạn Việt
tị hải ngoại lúc bấy giờ,
hình ảnh một quê hương
Việt Nam mến yêu trong
tri tưởng và một hiện thực
xa hội Việt Nam đôi rạch
lám than cơ cực khổ nhọc
vì không nhưng thiếu cơm
thiếu áo mà còn mất hết
tự do, nhân quyền, đối với
thi sĩ đó là một quốc nạn.
Khi được sống trong thế
giới tự do, không người
Việt tị nạn nào quên được
nhưng tù ngục mà thân
nhân và đồng bào đang
gánh chịu tại quê nhà. Do
vậy, các nỗ lực vận động
để góp phần vào công
cuộc mở trời người dân
trong nước đã bùng lên
khắp nơi, từ các hội đoàn
đến các tôn giáo, trong đó
có các tăng, ni Phật giáo
Việt Nam tại hải ngoại.
Thậm chí về cái mất mát
của hai chữ tự do đôi khi
bật lên thành lời cay đắng
qua bài thơ "Quê Hương"
của thi sĩ Thanh Tri Cao:
"... Thiên đường nhỏ ư
quyền bạo lực
Mất hết rồi cái nghĩa tự do
Lam kẻ cướp vinh danh
thời thượng

Kiếp lưu đầy gậm nhấm
âu lo

Một thân phận đau
thương thân phận
Chợt hơi tàn nín kéo thời
gian
Con phảng phất ước mơ
thăm lặng
Nhìn quê hương rướn
màu điệu tàn." [29]

Nhà thơ với thân phận tị
nạn lưu vong lại mang
thêm nỗi đau thương của
nhưng đồng đạo và đồng
bào đang gánh chịu thân
phận khổ nạn trên quê
hương điệu tàn!

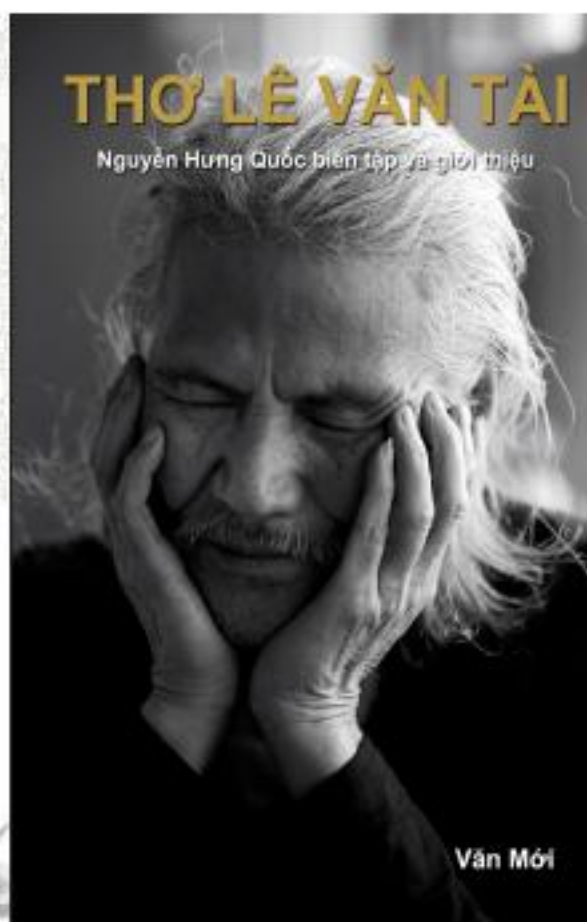
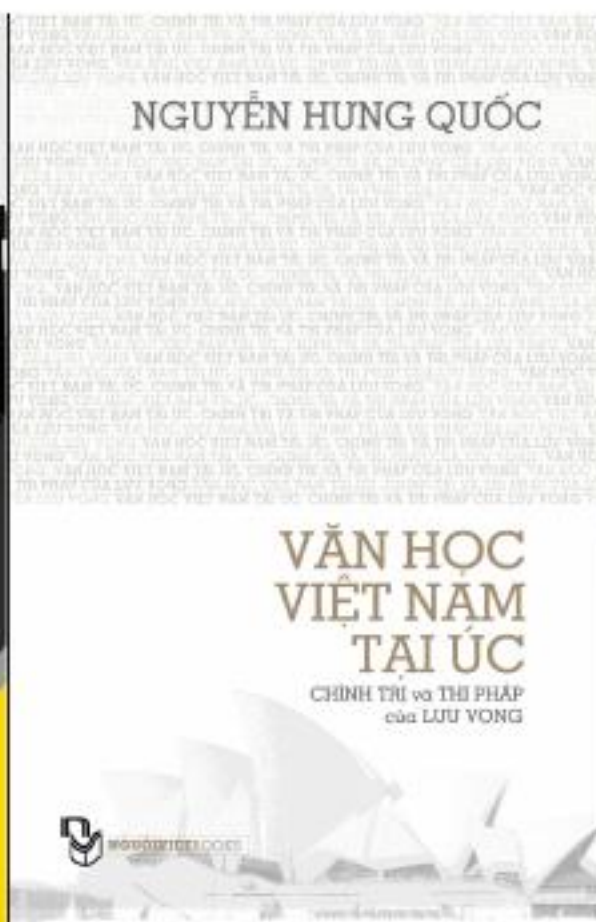
Cảm trạng về thân phận
tị nạn lưu vong có một
phần nào đó phải nhát
dần theo năm tháng khi
người tị nạn tiếp cận và
thăm nhập sâu hơn vào
môi trường sống và xã
hội mới mà họ xem đó
như quê hương thứ hai.
Cảm trạng này cũng nhạt
đi khi người tị nạn thật
sự trở thành những công
dân chính thức nơi đất
nước mà họ định cư. Dù
không hoàn toàn bỏ mất
thân phận tị nạn, nhưng
cái cảm nhận về kiếp lưu
vong không còn chiếm

ngự sầu đậm nơi tâm
khảm nhieu người khi họ
có thể danh chính ngôn
thuận cảm là phước trong
tư cách một người dân để
hành xử quyền công dân
của mình trong quốc gia
định cư. Hơn nữa, tình
hình xã hội Việt Nam cũng
đã có những biến chuyển
quan trọng nhưng năm
cuối thập niên 1990, nào
là chính sách đối mới để
bằng giao với quốc tế
mà trong đó là mối bang
giao chính thức với Hoa
Kỳ được thiết lập, nào là
mở cửa cho người tị nạn
về nước thăm bà con thân
nhân, thăm quê hương
làng xóm. Do vậy, cái cảm
thức tị nạn lưu vong và
nỗi niềm cố quốc đã phần
nào lui dần vào kỷ ư.
Thân phận tị nạn có thể
theo thời gian mà nhạt
phai, nhưng cái hiện thực
của xã hội và nền văn hóa
mới đối với người Việt tị
nạn thì vẫn còn nguyên
đó trong cuộc sống
thường nhật (còn tiếp)

HUỖNH KIM QUANG

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

NGƯỜI VIỆT SHOP
www.nguoivietshop.com



Đây là cuốn sách đầy đủ nhất về
phương pháp dạy tiếng Việt cho
người ngoại quốc cũng như cho
trẻ em Việt Nam ở hải ngoại. Nội dung
bao gồm các vấn đề chính:
Các lý thuyết, phương pháp và nguyên
tắc giảng dạy ngôn ngữ.

Cách thức dạy tiếng Việt, từ việc dạy
nói đến việc dạy đọc, dạy viết và dạy tư
vụ.

Cách thức dạy học một cách sinh động
để học sinh thấy hứng thú khi học tiếng
Việt.

Ở bất cứ lãnh vực nào, tác giả cung đi
tư lý thuyết đến thực hành. Về lý thuyết,
bao gồm những quan điểm mới nhất;
về thực hành, bao gồm những bài làm
và bài tập rất cụ thể cho từng nội dung
giảng dạy.

Cuốn sách hữu ích không những cho
các thầy cô giáo dạy tiếng Việt mà còn
cho cả phụ huynh - nhưng người tự dạy
tiếng Việt cho con cái ở nhà - cũng như
cho những người yêu thích tiếng Việt nói
chung.

Sống trên cái gạch nối giữa Việt
và Úc, tôi không phải là kẻ rời
bỏ quê hương. Tôi chỉ rời bỏ một
mảnh đất và mang cả quê hương theo
với mình. Cái quê hương ấy, với tôi,
như vậy, là một quê hương bị giải lãnh
thổ hóa (deterritorialized): Nó không
có tính địa lý. Nó chỉ còn là một kỷ ư,
nhưng, nghịch lý thay, đó lại là một thư
kỷ ư có tính địa lý, có thể được gọi là
địa dư kỷ ư (geography of memory).
Khi được hình dung như một thư địa dư,
kỷ ư bỗng có kích thước thật và mệnh
mông hơn hẳn: Nó trở thành một thư
quê hương khác của tôi.[20] Hệ quả là:
Không phải tôi sống với kỷ ư. Mà là
sống trong kỷ ư. Kỷ ư không ở trong
tôi. Kỷ ư bao trùm lấy tôi. Kỷ ư rộng
hơn bản thân tôi. Kỷ ư, với người khác,
có tính trừu tượng, với tôi, có tính vật
thể, với người khác, là quá khứ, với tôi,
vẫn là hiện tại: Tôi sống trong tình trạng
xuyên thời gian (transimporantty) và
xuyên lịch sử (transhistory) liên tục.

Với Việt Nam, trong địa dư kỷ ư và
trong tình trạng xuyên thời gian và
xuyên lịch sử như thế, tôi vẫn giữ được
cái hồn. Nhưng lại không có đất...

Hãy tìm đến với Lê Văn Tài, nhà
thơ kiêm họa sĩ Úc gốc Việt.
Cũng như tất cả những tác
phẩm nghệ thuật sang giá, tranh và thơ
của ông sẽ làm thay đổi cách nhìn và
cách đọc của bạn. Lê Văn Tài là một
con người vùng vẫy giữa hai bờ, đứng
chénh vênh giữa hình tượng và văn bản,
giữa bầu trời và mặt đất, để mang màu
đen và màu trắng vào nhau. Ông viết
và vẽ những hình ảnh đẹp rợn người.

Trong thơ của ông, ông phát ngôn
như một sinh vật lạ lung hiện ra trùng
điệp trên những tấm bố vẽ của ông, đó
là "con chim di cư". Ông gieo những
hạt mầm từ Việt Nam lên lãnh thổ của
chúng ta. Ngôn ngữ của ông tạo nên
một sự giao thoa giữa hai quê hương
khi ông mở một lộ trình giữa tiếng Anh
và tiếng Việt.

Đây là lời hành văn chín muồi và đầy
trực cảm của một nghệ sĩ đa bām chất
vào nghiệp viết. Ngôn từ và hình ảnh,
ngôn từ và động thái, không lúc nào
ngưng di chuyển. Nhưng bài thơ cụ thể
vượt ra khỏi thể loại của chúng bởi vì
những hình thái mà chúng tạo ra không
chỉ dừng yên một chỗ mà lại khiến cho
ngôn ngữ chuyển động, xoay mông.

NGUYỄN VĂN ANH



Ảnh: NGUYỄN VĂN ANH

MÙI CỦA MẸ

Thối sơn trẻ
Mẹ thơm mùi con gái
Mùi tắm đầu rom rạ quê nhà
Mùi bó kết hương cau thơm lấm
Mùi thanh xuân đông nội Mẹ trao cho cha
Ngày vợ ới con ra
Mẹ còn thơm mùi chân gỏi
Mùi tro than hột muối củ gừng
Con bù móm
Mẹ thơm mùi vú mọng
Con đi lấm chàm
Mẹ thơm mùi cơm nhao cháo hoa
Con đến trường làng
Mẹ thơm mùi lúa rom gạo mới
Con lên trường huyện
Mẹ thơm mùi cơm bới mo cau
Khi con ốm đau
Mẹ thơm mùi của Phật
À ơi...
Ôm con mùi Mẹ tỏa ra
Bệnh hoạn tiêu tẩn, tà ma phải lui
Ngày nắng hạn
Mẹ thơm mùi me đất
Tháng mưa dầm
Mẹ thơm mùi con cá chột nua
Con xa nhà mang theo mùi của Mẹ
Đi đông đoai nam bắc
Lạ con đi đất bằng biển lạng
Lạ con đi chàm cùng đả mếm

Ơi nhưng kẻ đi xa
Có nghe thơm mùi của Mẹ
Mẹ thơm mùi bếp lửa quê nhà
Mùi của Mẹ là mùi rất thật
Ngày con thành gia thất
Mẹ thơm mùi cheo cười
Mùi áo khăn đèn rượu trầu cau
Ngày tháng qua mau
Thoảng chút hương đời con hé hã
Mẹ còn giữ một mùi dạn da như rom
Đời con lặn dạn ao com
Mẹ là áo gấm, tấm thơm, nôi đồng
Đời con mốt gói chôn chôn
Lạ thay Mẹ vẫn thơm mằm lợc non
Con mảy mặt con
Vấn ngọc minh bẻ dặt
Vị nhà ta còn mùi Mẹ, mùi Ba
Mùi Ba - mùi cái vù dả
Mùi cau trầu với mùi hoa mẹ trồng

Mẹ ơi
Mẹ mới đo
Bón mưa mặc áo the thơm
Sao nó vội già không trẻ mai
Đế vắn buổi chợ chiều tất bật đi mau
Vị biết con chờ gọi kẹo cau đun trong lá chuối
Ơi cục kẹo cau có hương bưởi hương gừng
Có con cu kêu ấu hổi để thoát gian qua chi vội
Bảy giờ tội nghiệp Mẹ tôi
Tam mươi ba tuổi xếp đôi cánh cò
Mùi của Mẹ quanh co giường chiếu
Mùi trần ai kho kiệt xác thân
Mùi dả vương bên ướt Mẹ nằm
Đế cả đời bên rào con lặn
Khuya này quý xuống ôm chân
Mẹ ơi đã lạnh toàn thân
Mắt rồi!
Cây cau già ngoài sân chết đứng
Ngon trầu không heo ung rụng rơi
Gió khóc ngoài giậu mồng tơi
Tre trúc quơ quang tìm hơi Mẹ già
Mẹ hiện đi chuyển chợ xa
Mùi Mẹ cánh Hạc bay ra coi Trời
Con thành đưa trẻ mồ côi
Mạ ơi!
Con thành đưa trẻ mồ côi
Lặng chiều nhang khói tìm hơi
Mẹ hiện!

tiếp theo trang 7

GỐC TÙNG

Cậu trở lại ăn sách, xếp lại chồng sách ngày ngắn, cảm nhưng cây viết vào ống.

- Chiều chut nua, chầu sang bên phố. Sáng mai lên tàu.

Ông cụ lại trở mình, cất đầu cao lên một chút, với tay bưng chén nước trà, nhấp một hớp nhỏ, rồi lại nằm xuống, buong quặt và nhắm mắt như muốn ngủ. Cậu út ngồi khoanh tay, tựa cằm lên ăn sách.

Như vậy, thoáng một cái đã mười một năm rồi; kể từ ngày cậu bỏ trốn ông nội ra đi, nay là lần đầu tiên về lại. Cậu mang về cho ông một ít khôn lớn và trầm tĩnh. Nhưng năm trước đó nua, qua cặp kính tuổi, ông vẫn còn có thể nhìn thấy đôi mắt của đứa cháu này một chân trái biến biệt; cái thứ biến biệt ấy đã lồi cuồn dầy đưa qua nửa đời người. Bởi vì mỗi năm có một mùa nước lũ, bỗng không ông trở thành cột trụ của một gia đình, do chính mình tự dựng. Nước từ Trường Sơn đổ xuống ào ạt, cái hương sắc của rừng rú trải bao nhiêu lần gạn lọc, khi băng qua các làng mạc, phố phường. Một lần đã thấm cái hương vị mặn nồng và xanh ngắt của biển thì không còn trông mong cơ hội chảy ngược về nguồn. Người con trai độc nhất của ông, sinh ra và lớn lên trong cao vọng của nhưng con sông bạc đầu. Cho đến cả tháng cháu lớn, cái địa vị ấy vẫn còn nóng đun. Nhưng dòng máu đỏ tươi đã đổ xuống theo dòng nước, cu mới miết chảy dài ra của biển.

Nhưng, ở cậu út này, ông đã hy vọng biết bao; một đám mây trời nào đó trong tuổi thanh xuân của mình. Con trai của ông không giữ nổi ông nghỉ yên với tuổi già, với nhưng trầm lặng của một ngày đã xế. Tâm hồn ông còn quá nhiều sôi nổi. Hàng đêm, ông cất giọng đọc sách sang sáng. Cả nhà không ai ngủ được. Quanh phố cũng không ai ngủ được. Đánh phất kiếm cho ông một căn nhà xa phố. Lúc đó, cậu út vừa hơn mười một tuổi. Cậu nhất định theo ở với ông nội. Buổi sáng cậu vẫn phất sang phố học. Buổi chiều, ông dạy cháu học chữ Hán. Hơn nửa năm, cậu học xong Tam tự kinh, bộ Minh Tâm bửu giám và một nửa quyển Hán Cao tổ. Cha cậu không nói gì hết; nhưng ông hơi e ngại. Mai sau, tháng nhỏ sẽ làm được gì cho cuộc đời của nó? Bà mẹ có nhưng lo sợ khác. Lối học chữ Hán của con bà như vậy, biết đây lớn lên nó chẳng cuồng chữ và loạn óc? Bà muốn nó uống mực Tàu cho thật nhiều để đầu óc nó hơi tối lại. Nhưng ông nội gạt đi.

Hai ông cháu ở với nhau gần được một năm, bỗng nhiên cậu út bỏ trốn ông nội, lẩn tránh cả cha mẹ, bỏ đi mất biệt. Bà mẹ ám thảm oán trách. Bằng chứng ấy tuổi, ngày ngày chỉ ôm nhưng chuyện nào Lưu Bang, Hạng Vũ, nào Hàn Tín, Trương Lương; lại được ông nội tiêm nhiễm cho nao nui cao, nao biến rộng, nao sóng dạt, nhất đảm không bỏ đi sao được? Quả thực là "cuộc công cha mẹ thiệt hại đời thông minh".

Chẳng mấy chốc cũng đã mười một năm rồi đấy.

- Ông trông hai gốc tung bao lâu rồi, coi lớn dư hi?

Trời càng về chiều, ông cụ càng mệt và càng khóe dãn. Ông ngủ thiếp đi được một lúc.

Ngôi nhà của ông ở trên một cái cồn nhỏ giữa sông Hương. Người ta gọi nó là Cồn Hến. Mỗi lần qua phố, phải đi bằng đò. Năm kia, tình cho bác cậu từ Cồn sang Vì Dạ. Sẵn dịp, người ta cất một cái quán nhỏ. Buổi sáng nấu cơm tấm, buổi chiều người ta bán chè. Vào mùa báp, chè báp rất được hăm mộ. Báp còn này nổi tiếng là thứ ngon nhất của thành phố Huế. Từ khi có cầu bằng buổi chiều, khách từ bên phố lại về vòng ngã Trường Tiền sang Vì Dạ, đến đây như đế hong mát. Cảnh chiều có hơi rộn rã. Tuy vậy, buổi tối vẫn còn giữ được cái không khí tịch mịch của một cồn nhỏ biệt lập giữa dòng sông. Đêm đêm, cậu út bác ghế găm ở hiên nhà. Bên trong, chỉ một ngọn đèn dầu ở giữa sập. Chốc chốc, tiếng ho của cụ già khi lơ khi dón dấp. Trước sân, hai gốc tung lặng lẽ rủ nhánh theo cơn gió đông đưa. Ông lão không còn nhìn thấy được gì trên thân hình của cháu nữa. Đời lẩn tẩn, ông còn nghe ra nhưng bước vừa chạm vừa gần. Ông chỉ thấy mờ mờ bóng dáng của cậu đi qua đi lại một mình. Cái giọng nói của nó trầm trầm như một người khách dầy đưa trong cái cảnh nửa chiều nửa sáng.

Cậu về với ông nội ít lâu, vài ba năm gì đó. Một già một trẻ với một chút hy vọng ở bên kia bờ. Trời đất đầu đầu cũng đời đời với người rất nóng hậu. Nhưng lòng người lại hay quỵn luyến; tâm trạng của một cảnh hai quê. Người không trải rộng được lòng mình như tấm lòng bao dung của trời đất. Cái chi tình của người, một mai kia đổ lại, không lớn và không trong hơn một giọt sương sớm trên chiếc lá. Chân trái biến biệt trong đôi mắt ấy chỉ được về bằng nước lã trên trang giấy trắng. Bầu trời càng cao thì càng trong, nhưng không sao rung động lòng người cho bằng khi có nhưng đám mây rất thấp hay cuốn cuộn.

- Thưa ông, cháu sửa soạn đi bây giờ.

Ông cụ đã thức dậy này giờ. Hai tay khoanh lại lăm gỏi, giữa mặt trông lên trần nhà. Cậu út bước ra nhà sau. Ông cụ rút cánh tay mặt, gác lên trán. Khi cậu trở lên:

- Nì!

- Dạ!

Cụ quay mặt vào vách, rồi quay trở ra, nheo mắt nhìn về phía cửa sổ.

- Coi trời đã chiều hưng chưa?

- Dạ, chiều lăm rồi.

Cậu bước ra sân, đưa mắt nhìn về phía mặt trời lặn. Bàng chiều, mây trắng và mây đen lẩn lộn. Cậu trở vào, vừa đi vừa nói vọng:

- Dạ, hơi có nắng. Phía tây bắc có rặng đó. Mai chắc mưa gió chi đấy.

Khi đến gần ông cụ, cậu đứng thẳng người, khẽ cúi đầu.

- Dạ, thưa ông, cháu đi.

Lại một lần nua. Ngày mai, trời sẽ có mưa hay gió gì đấy. Vào mùa này, Huế thường có sương mù mỗi sáng. Lúc xe ngang qua cầu Trường Tiền, phía dưới kia dòng nước còn nhỏ thấp thoáng như một hải đảo xa xôi nào đó.

TUỆ SỸ

BÀI THƠ VẠN NƯỚC VÀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ CỦA THIÊN SƯ PHÁP THUẬN

đủ khả năng phản tích để có thể thấy đâu là sở trường, đâu là sở đoản của một triều đại. Có thể, vua Lê Đại Hành đã đặt câu hỏi ấy vào một thời điểm mà triều đại nhà Lê do Lê Hoàn thiết lập đang đứng trước những khó khăn thách thức, có nguy cơ có thể bị sụp đổ. Thời điểm ấy nguy cơ ấy không đâu khác hơn là giai đoạn lúc Đinh Tiên Hoàng bị Đỗ Thích giết vào tháng 10 năm Kỷ Mão (979) và khi Hầu Nhân Báo tiến quân vào nước ta vào mùa Xuân tháng 3 năm Tân Tỵ (981).

Đây là giai đoạn của thu trong giấc ngoài, mà nếu không có sự ủng hộ một lòng một dạ của dân thì Lê Hoàn đã không bao giờ thành công, để bẹp và tiêu diệt đám thù trong giấc ngoài ấy. Quả vậy, bên trong đám Đinh Điền, Nguyễn Bặc do quyền lợi cá nhân và dòng họ, đã không thấy nguy cơ xâm lược của kẻ thù đối với đất

nước, nên đã kiên quyết chống lại Lê Hoàn. Còn bên ngoài, triều đình nhà Tống đang ráo riết đi sâu vào những khó khăn nội bộ của ta và tiến hành cuộc chiến tranh xâm lăng Đại Cồ Việt. Trong một tình huống như thế, nếu không có sự đoàn kết của toàn dân, vua Lê Đại Hành đã không thể chiến thắng được thù trong giấc ngoài như vua kể.

Chính trong tình thế có nhiều nguy cơ thách thức như vậy, mà vua Lê Đại Hành đã hỏi Thiên sư Pháp Thuận về vạn nước đại hay ngàn. Và như thế câu trả lời của Thiên sư Pháp Thuận cũng ở vào thời điểm ấy. Để nhấn mạnh đến vị thế xung yếu của sự đoàn kết, Thiên sư Pháp Thuận đã dùng hình ảnh vạn nước như một bó mây cuốn lại với nhau: Vạn nước như mây cuốn Trời Nam mở thái bình Vô vi trên điện các Xu xư hết đao binh

Nói vậy tức cũng xác định bài thơ Vạn Nước này ra đời vào trong khoảng những năm 979 - 981, khi đất nước đang trải qua những giờ phút nghiêm trọng. Nguy cơ đánh mất chủ quyền quốc gia ngay đêm văn rình rập. Chính vào thời điểm này, những người lãnh đạo đất nước như Lê Hoàn với trực cảm bên nhạy của nhà chính trị thiên tài đã thấy vấn đề và tìm cách giải quyết. Câu trả lời của Thiên sư Pháp Thuận cũng thể hiện một trực cảm chính trị sắc bén không kém. Ông đã ý thức rất rõ mọi quyền lực phát từ dân mà ra và vạn nước cũng thế. Vạn nước ngàn dài nằm ở trong tay người dân. Người lãnh đạo biết nắm lấy dân, biết đoàn kết với dân thì vạn mệnh của trời ở đời mình sẽ lâu dài. Ngược lại, thì sẽ nhào đổ một cách nhanh chóng.

Quan điểm coi vạn nước như một bó mây vua tượng hình, dễ hiểu, lại vừa chưa dừng nhưng ý nghĩa sâu sắc. Ngày nay, chúng ta thường hay dùng hình ảnh bó đuốc để chỉ cho sự đoàn kết. Tổ tiên ta hơn ngàn năm trước đã dùng hình ảnh cuộn mây (đồng lực). Từng con người có thể yếu yếu ớt như từng chiếc đũa, từng sợi mây, nhưng biết kết hợp lại thì sẽ trở thành một sức mạnh vô địch, không gì có thể phá vỡ được. Vào những ngày tháng của năm 980, một nhận định và kêu gọi như thế về sức mạnh của đoàn kết thật đúng lúc. Thiên sư Pháp Thuận đã thể hiện tư cách tham mưu sắc bén của mình qua bài thơ ấy.

Sự thật, với sức mạnh của đoàn kết, vị Thiên sư thấy đất nước mở ra một vận hội không những lâu dài mà còn thái bình. Quả vậy, chỉ khi đất nước thái bình thì vạn nước mới lâu dài được. Mà một đất nước cứ chiến tranh liên miên thì làm sao mà thái bình cho được. Cứ chiến tranh, bao nhiêu nguồn tài nguyên nhân vật lực bị phung phí thì đời sống nhân dân càng ngày càng kiệt quệ, thì làm sao vạn nước được lâu dài. Cho nên, hơn ai hết, những người đã trực tiếp tham gia chỉ đạo cuộc kháng chiến của dân tộc như Thiên sư Pháp Thuận, chắc chắn có một mong ước thiết tha cho chiến tranh chóng chấm dứt. Và thật sự họ đã nhanh chóng chấm dứt cuộc chiến tranh do kẻ thù áp đặt chỉ trong vòng ba tuần lễ.

Bài thơ Vạn Nước tuy thể hiện một tư tưởng chính trị, nhưng vẫn không đánh mất tính chất thơ sự của nó. Dòng thơ thời sự Việt Nam bắt đầu với Thiên sư Đinh Không, bây giờ đến Thiên sư Pháp Thuận và Thiên sư Khuông Việt, rồi Thiên sư Vạn Hạnh đã trở thành dòng thơ chủ lưu của nền văn học Việt Nam. Đây là một dòng thơ suy tưởng sâu đậm đến vận mạng của đất nước, đến cuộc sống của người dân. Với gần bảy chục bài thơ xoay quanh những vấn đề trọng đại như chủ quyền quốc gia, như đoàn kết toàn dân, như thái bình của đất nước, nó đã chuẩn bị tiền đề tư tưởng và nhận thức cho một tầng lớp người dân và báo hiệu cho sự ra đời một quốc

gia Đại Việt hùng cường sắp tới. Ít có khi trong lịch sử văn học bất cứ dân tộc nào, mà một dòng văn học chủ lưu như dòng văn học thời sự Việt Nam trong các thế kỷ thứ tám cho đến thứ mười.

Tính chất thời sự của dòng thơ chủ lưu này không còn xuất hiện trong những thế kỷ sau. Hoặc có đi nữa, thì nó cũng rất mờ nhạt, không có những nét đặc thù rõ rệt. Đây là một thời đại văn học, mà mọi cây bút lớn đều tập trung vào những vấn đề trọng đại của nền văn minh. Một đặc trưng ta cũng ít tìm thấy trong những giai đoạn văn học sau. Có thể nói mọi tinh lực của dân tộc đều đổ dồn vào công cuộc xây dựng chủ quyền quốc gia và kiến thiết một nền thái bình cho đất nước. Cho nên, nó đã khai sinh ra nền văn học đậm đặc tính chất thời sự phục vụ cho nhu cầu xây dựng và kiến thiết như vua nói. Đây là một nền văn học mang lại cho ta những cảm thức hùng vĩ về đất nước, về con người.

Nhiều người đã viết về lịch sử văn học Việt Nam và hầu hết họ đều đưa bài thơ "Nam Quốc Sơn Hà" lên làm bài thơ mở đầu cho giai đoạn văn học thời kỳ tự chủ. Người ta có tình bỏ qua cả một dòng thơ thời sự tràn đầy tinh thần đấu cho chủ quyền của đất nước, bắt đầu từ Thiên sư Đinh Không (730 - 808) cho đến Thiên sư Vạn Hạnh (? - 1025) qua những danh gia như La Quí, Khuông Việt, Đa Bảo và Pháp Thuận. Trong

xem tiếp trang 34

HẢI NGOẠI VÀ DÒNG SINH MỆNH PHẬT GIÁO

Việt trong những ngày đầu mới định cư thật cay đắng. Họ phải làm đủ mọi nghề để sinh sống... như bồi bàn, rửa chén, lau chùi quét dọn nhà cửa, bán sáng cho các trạm sáng, may quần áo, khá hơn một chút thì làm assembler (thợ lắp ráp điện tử) v.v. Nói tóm lại - tất cả là những nghề gì thuộc tay chân mà không cần đến tiếng Tây, tiếng U gì ráo trọi. Có khi cả vợ chồng con cái phải thức hôm thức khuya để cầm những chiếc "súng bắn nhựa nóng" (glue gun) để gắn những bông hoa, những mảnh vải, những nút áo v.v... mà công lao nhà thầu chỉ trả 2 cent hay 3 xu (cent) một cái. Thế rồi ban ngày phải đi học thêm và hầu như họ không có ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật hay ngày lễ! Hầu hết những người thành công về mặt học vấn, thường mai sí tuổi ngoài sáu mươi tại Hoa Kỳ hôm nay, đều đã trải qua những giai đoạn gian khổ như thế. Con về đời sống, muốn ăn nước mắm có khi phải lái xe khoảng 40 dặm (trên 60km) để vào những siêu thị của người Tàu. Ngày nay nhưng người "sang sau" hoặc từ Việt Nam du lịch sang Hoa Kỳ hoặc Úc Châu, thấy chưa đến vài đời sống phồn thịnh, sẽ không hiểu nổi những gian nan

của người Việt trong những ngày đầu vào những năm 1975-1980.

Sống trong lòng một xã hội xa lạ về ngôn ngữ, tập quán, văn hóa mà chung quanh là một dòng chính, khoảng 75% là Ca-tô Giáo La Mã (Roman Catholic), Ca-tô Giáo Lỵ Khai (Protestant) và Do Thái Giáo - gọi chung là Christianity - với sức cuốn hút hùng hực mà khối người này không mất gốc Phật Giáo...thật là chuyện phi thường. No phi thường ở chỗ lúc đó chưa có Chùa, chưa có Thầy mà chỉ có "Ông Phật trong tâm" và dòng máu Phật Giáo, giống máu Việt âm thầm luân lưu trong huyết quản. Nói tóm lại trong Tam Bảo chỉ còn Phật Bảo. Còn Tăng Bảo và Pháp Bảo thì không có.

Nói về những gian nan của Phật Giáo hải ngoại trong những ngày đầu, vào thập niên 1980, có những đại đức trẻ ban ngày phải đi làm để kiếm sống trả tiền thuê nhà (nhà), rồi học part time (bán thời gian) để trả cho thêm tiền thuê. Chưa đông cửa cả tuần, có khi chỉ mở ngày Thứ Bảy hay Chủ Nhật hoặc nhưng ngày lễ của Hoa Kỳ. Một số chùa do Phật tử thành lập lại không có thầy. Tới một ngôi chùa mà không

thầy ni/sư trụ trì thì nó lạnh lẽo và buồn chán khác nào "Căn không cha, nhà không mẹ". Trong nỗ lực phi thường đó, Phật Học Viện Quốc Tế (Nam California) có lẽ là cơ sở Phật Giáo đầu tiên tại hải ngoại.

Còn đối với hàng cư sĩ và Phật tử, sau khi đã tạm ổn định đời sống, thì nhu cầu tâm linh, tu học, làm sống lại Phật Giáo và cũng là để giữ gìn bản sắc dân tộc sống dậy như một thời thức. Một người Việt Nam qua Mỹ, Âu Châu, Úc Châu, Canada có đi lễ nhà thờ thì chuyện đó chẳng lạ dưới con mắt người bản xứ. Nhưng cùng người Việt Nam đó qua đây lại đi lễ chùa, ăn chay, cúng giỗ ông bà tổ tiên, giữ gìn đạo hiếu (qua Lễ Vu Lan) và thờ "Buddha" vẫn còn xa lạ với đất nước họ thì đó mới là chuyện lạ. Con các cụ huynh trưởng Gia Đình Phật Tử dù mái tóc đã bạc, cung văn tay áo vụn trổng, gầy dựng lớp măng non trong bộ áo lam. Các nhóm Phật tử, các hội cư sĩ, nguyện san, đặc san, chương trình phát thanh, sau này là các website, weblog, băng CD, kinh sách phát không xuất hiện khắp nơi và hàng cư sĩ đóng góp mạnh mẽ vào sinh hoạt Phật sự, hộ pháp, luận giải kinh điển, phiên dịch...phải nói là rất nhiều, trong đó phải kể tới những tên tuổi như Cố GS. Nguyễn Đăng Thực, Cụ Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng, BS Nguyễn Văn Thọ, Cụ Báo Thông Lê Thái Ất, GS. Tiến Sĩ Thái Sơn (Viện Trưởng Đại Học Đông Phương,

Pháp), dịch giả Phạm Kim Khanh, Cư Sĩ Trần Quang Thuận, Cư Sĩ Thiện Phúc tác giả cuốn Tu Điển Phật Học Việt-Anh (1) mà tôi nghĩ rằng phải để ra ít nhất từ 15 tới 20 năm để hoàn tất. Và còn rất nhiều "bồ tát tại gia" khác đã đóng góp không mệt mỏi cho đạo pháp mà không ai có thể biết hết. Trong số này phải kể thêm những vị điều hành các website, nội dung không phải 100% Phật Giáo nhưng đã có tới 1 triệu lượt đọc giả thăm viếng.

Nhưng một trong những cư sĩ mà tôi đề cập sau đây, lại thuộc thế hệ con hay em của các cây cổ thụ nơi tên, đó là Cư Sĩ Nguyễn Giác Phạm Tấn Hải. Phạm Tấn Hải sinh năm 1952 tại Sài Gòn, vừa là một nhà báo, một nhà thơ, đã từng học đạo với quý Hòa Thượng Thích Tịch Chiếu (Chùa Tây Tạng, Bình Dương), Hòa Thượng Thích Thiện Tâm (Đại Ninh, Lâm Đồng) và Hòa Thượng Thích Tài Quang (Phước Nhuận, Sài Gòn), là tác giả và dịch giả của một số sách Phật Giáo như: Vài Chú Giải Về Thiên Đốn Ngộ xuất bản năm 1990, Thiên Tập (biên dịch), Ba Thiên Sư của John Stevens, Chú Giải Về Phowa của Chagdud Khadro và Lời Dạy Tâm Yếu Về Đại Thừa Ấn. Vào ngày 31/7/2010 anh cho triển lãm 42 bức tranh vẽ chân dung Đức Đạt Lai Lạt Ma tại Nam Cali nhân sinh nhật thứ 75 của Ngài. Vào Tháng 12 cùng năm, anh cho xuất bản ba cuốn sách song ngữ: 1) Nhưng Lời Dạy Của Các Thiên Sư Việt Nam

Xưa là một tập hợp bao gồm những bài pháp, bài thơ và lời của các thiên sư trải dài từ thế kỷ 1, từ Thế Kỷ 3 tới Thế Kỷ 19 mà anh dịch ra Anh Ngữ và bình chú dưới tựa đề Teaching From Ancient Vietnamese Zen Masters. 2) Tuệ Trung Thượng Sĩ (1230-1291) dịch ra Anh Ngữ và bình chú với tựa đề The Wisdom Within: Teaching and Poetry of the Vietnamese Zen Master Tue Trung Thuong Si (1230-1291). 3) Trần Nhân Tông: Đức Vua Sáng Tổ Một Dòng Thiền dịch ra Anh Ngữ và bình chú với tựa đề Tran Nhan Tong: The King Who Founded A Zen School. (2) Trong cả ba cuốn sách này, nơi nhưng trang đầu, anh đã bày tỏ lòng biết ơn sâu xa "đối với Thiên Sư Thích Thanh Từ, GS. Tiến Sĩ Tri Sĩ Lê Mạnh Thát, Học Giả Trúc Thiên, Sư Gia Trần Đình Sơn và những công trình nghiên cứu mà nhưng tác phẩm này đã dựa vào đó để tham khảo và bổn sư Thiên Sư Thích Tịch Chiếu." Đây là ba cuốn sách song ngữ đối chiếu trình bày rất trang nhã, mỗi cuốn dày khoảng 200 trang, lợi ích cho thế hệ trẻ Việt Nam không am tường tiếng mẹ đẻ và cho các nhà nghiên cứu cùng như Phật tử ngoại quốc muốn tìm hiểu về Thiên Tông Việt Nam.

Khi nhận được ba cuốn sách, tôi đã gọi điện thoại cũng như gửi điện thư tán thán công đức và ca ngợi khả năng dịch thuật của anh. Dịch thơ Việt sang Anh, Pháp đã

xem tiếp trang 34

HẢI NGOẠI VÀ DÒNG SINH MỆNH PHẬT GIÁO

khô mà dịch thơ Thiên và kệ tụng lại càng kho hơn, bởi ý thơ Thiên mỏng lung, huyền diệu và rất nhiều ẩn dụ. Để nguyên tiếng Việt cung đã kho hiểu hướng hồ dịch sang ngoại ngữ. Tôi nghĩ rằng anh đã hoàn thành nhưng tác phẩm này – nơi theo thể thường – như đam mê của một nghệ sĩ. Còn nói theo ý đạo - như một hạnh nguyện xiển dương chánh pháp mà Thiên Tông đang được thế giới coi như viên kim cương của Phật Giáo với muôn ngàn màu sắc.

Qua những đóng góp của hàng cư sĩ tại gia cho Phật Giáo, chúng ta có thể ví: Phật tử như gốc, tăng ni như thân cành, con cư sĩ thì như hoa trái. Cây mất gốc tức không tin đó, thì cây đổ. Cây không thân cành là cây chết vì chỉ còn tro gốc rạ. Nhưng cây không hoa trái là cây không đẹp. Ba yếu tố này không thể tách rời nhau, đó là nét đặc thù của Phật Giáo.

Nhưng câu hỏi đặt ra ở đây là tại sao tôi lại có ý phân biệt giữa Phật Tử và Cư Sĩ? Họ khác nhau như thế nào? Xin thưa, Phật tử là những tín đồ bình thường. Họ có thể là quý cụ, quý ông quý bà, thanh niên, thiếu nữ hoặc các đoàn sinh Gia Đình Phật Tử, Câu Lạc Bộ Thanh Thiếu Niên Phật Tử quanh năm sinh hoạt, đi lễ chùa. Họ cũng có thể một năm chỉ đến chùa một lần trong ngày hai lộc đầu Xuân hoặc chày hội Chùa Hương. Họ có thể chỉ đến chùa để làm lễ cầu siêu khi cha mẹ họ qua đời, hoặc làm đám cưới. Họ cũng có thể chỉ đến chùa mỗi năm trong ngày Lễ Vu Lan để báo hiếu cha mẹ. Họ đóng góp rất nhiều cho chùa như tại chánh, công quả, ăn uống kinh sách v.v... nhưng tâm hồn họ hồn nhiên, vô tư và không bao giờ rầy rứt về tương lai và sự tồn vong của Phật Giáo. Còn hàng cư sĩ thì có khác. Hàng ngu Ưu Ba Di, Ưu Ba Tác năm xưa chính là các đệ tử của Đức Phật. Họ chỉ

khác với Tăng Già (Sangha) là: Một bên tu tại chùa (ngã) xưa là các tịnh xá) một bên tu tại nhà. Hàng ngu cư sĩ này, phần lớn là những nhà tri thức hoặc chức vụ quan trọng trong xã hội. Họ ưa tu tại sự tồn vong và sự thích nghi của Đạo Phật theo đà tiến triển của nhân loại. Họ theo dõi các chương động tôn giáo nơi chung trên toàn thế giới, họ nhiệt tình với đạo pháp và hết lòng hộ pháp, hoằng dương chánh pháp. Nhưng đỉnh cao chối lợi của hàng cư sĩ trong quá khứ phải kể tới tỷ phu Cấp Cô Độc, Vua A Dục của Ấn Độ, Lương Vũ Đế của Trung Hoa, Vua Lý Thái Tổ của Việt Nam. Và lịch sử Việt Nam cận đại phải ghi công các bậc cư sĩ lỗi lạc như Phạm Quỳnh, Trần Trọng Kim, Bùi Kỳ, Lê Đình Thám, Nguyễn An Ninh... đã cùng với chư tăng trong nỗ lực chấn hưng Phật Giáo vào thập niên 1930 khi ngôi nhà Phật Giáo gần như đổ nát dưới gót giày xâm lược của Thực Dân Pháp.

Vì hàng cư sĩ có khi chỉ "tu tại gia", không gắn bó với chùa hoặc thầy nào, tức không bị ảnh hưởng bởi "phe phái" cho nên sự đóng góp của họ cho ngôi nhà Phật Giáo Việt Nam không bị chướng ngại.

Ngoài ra, số lượng cư sĩ Phật tử trẻ tại hải ngoại cũng gia tăng đáng kể do ảnh hưởng của Đức Đạt Lai Lạt Ma, Thiền Sư Nhất Hạnh, do khả năng tiếp cận với Phật Giáo qua Anh Ngữ, Pháp Ngữ... vốn là sở trường, thầy vì phát tâm hiểu Phật Giáo bằng vốn tiếng Việt Ngữ rất hạn chế. Do đó, nơi một cách chủ quan, theo tôi, nếu dùng cách đếm số lượng người "có đi lễ chùa" hoặc "quý ý" để lượng định thực lực của Phật Giáo là phương pháp hoàn toàn sai lầm. Câu nói "Phật tại tâm" khiến người Phật tử không cầu nề hình thức, không khoe khoang rằng "tôi có đạo đây" để cho người khác biết. Người Phật tử cũng như cư sĩ, do ảnh hưởng bởi giáo lý thanh tịnh cho nên họ đều "keep low profile" tức ít đeo hình tượng, không ồn ào, hoặc công khai bày tỏ lý lịch Phật Giáo ở nơi chốn công cộng. Cho nên gặp một người bình thường ngoài đời, chúng ta khó có thể biết họ là Phật tử. Trong khi đó, nếu gặp tín đồ của các tôn giáo khác, dù chỉ một lần, chúng ta có thể biết ngay gốc tích tôn giáo của họ. Con hệ thống Tăng Già hải ngoại thì như thế nào? Sau 35 năm, chưa bao giờ số lượng tăng ni và tự viện gia tăng như vậy. Theo ước lượng chủ quan của

tôi, và căn cứ vào con số địa chỉ phổ biến, trên toàn thế giới có trên 300 ngôi chùa Việt Nam. Riêng tại thành phố San Jose, California có khoảng 20 ngôi chùa trên địa bàn dân số khoảng 100,000 - mà Phật tử không phải 100%. Một số "Giáo Hội" và "Tổ Đình" đã ra đời. Riêng tại Hoa Kỳ do không thống nhất được lãnh đạo, do ảnh hưởng bởi các biến động chính trị, đã có ít nhất bốn "Giáo Hội" đang hoạt động. Theo tôi dù là "giáo hội" gì đi nữa nó cũng vẫn chỉ là Sự vận hành trong cái bao la của Lý tức "Phật Giáo Việt Nam". Các "Giáo Hội" vì như sông, còn "Phật Giáo Việt Nam" vì như nước. Sông có sông to, sông nhỏ, sông ngầm, sông cạn, sông bạc đầu, sông vô bờ, sông thần... sông nọ để lên sông kia... nhưng thể của nó vẫn là nước. Hàng cư sĩ và Phật tử đã từng nghe, từng đọc lời dạy của chư tăng ni về Lý Sự Viên Dung Vô Ngại Pháp Giới. Vậy thì có bao giờ Sự tách rời khỏi Lý và ngăn ngại với Lý không? Nơi khác đi, có thể nào "sông không phải là nước?"

Lược về thịnh suy của đạo pháp, chúng ta phải thấy rằng trong Tam Bảo thì Phật Bảo và Pháp Bảo không bao giờ bị hoen

BÀI THƠ VẠN NƯỚC VÀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ CỦA THIÊN SƯ PHÁP THUẬN

gần 300 năm tồn tại, dòng văn học thời sự này đã có những đóng góp to lớn cho công cuộc vận động toàn dân đấu tranh giành độc lập và xây dựng nền thái bình cho đất nước. Nó đã thể hiện được tinh thần hào hùng của một thời kỳ đầy biến động dồn dập.

Sự thật, đọc bài thơ Vạn Nước trên, ta không chỉ cảm thấy Thiên sư Pháp Thuận nơi đến đời hời về đoàn kết toàn dân cho một nền thái bình đang tái sinh cho đất Nam, mà còn thấy Thiên sư Pháp Thuận nơi đến trách nhiệm của những người cầm quyền. Thiên sư Pháp Thuận đã nói thẳng với vua Lê Đại Hành rằng để đất nước được thái bình "nơi nơi hết chiến tranh", đời đời người cầm quyền, cụ thể là nhà vua phải "vô vi": Vô vi cụ diện các Xứ Xứ từ đạo bình.

Khi nói đến khái niệm vô vi, người ta thường nghĩ ngay đến phạm trù vô vi của triết học Lao Trang. Nhưng ở đây thực sự không phải như thế. Về phía Phật giáo, vô vi là một phạm trù lớn và thường được coi là dịch từ chữ asamskṛta của tiếng Phạn. Nội dung của vô vi theo hướng này thường được quy định trong giới hạn của bản thể luận và nhận thức luận. Song ảnh hưởng của kinh Lục Độ Tập đối với Phật giáo nước ta lúc ấy, ta thấy truyện 81 của kinh này có một định nghĩa của vô vi như sau: "Cần thận, không kiêu ngạo, là hạnh của học sĩ, bỏ lòng do dự, không làm bị bầm của sâu tình, không để các ai nhỏ như tóc tơ che

đầu trong lòng mình thì các niệm lảng điệt, đó là vô vi".

Tư tưởng vô vi này của kinh Lục Độ Tập, tuy có ít nhiều nội dung xa hội và chính trị, vẫn chưa tỏ hết nội dung của vô vi trong bài thơ của Thiên sư Pháp Thuận. Thực vậy, một nghiên cứu sơ bộ đã cung cấp cho ta về quan điểm vô vi nhĩ trị của kinh điển nhà Nho. Vậy vô vi cũng là một phạm trù của tư tưởng Nho giáo. Nhưng Không tử cho rằng đây là tư tưởng trị đạo của vua Thuận, mà ông chỉ mô tả một cách vắn tắt bằng hai chữ cung kỳ (nghĩa là cung kính minh).

Trị đạo của vua Thuận được Không tử mô tả là một Trị Đạo Vô Vi, và trong Luận ngữ ta chỉ được thấy mô tả bằng hai chữ cung kỳ mà không thấy nói gì thêm nữa. Chỉ trong thiên Trung Dung ta mới thấy hai lần Không tử mô tả lại Trị Đạo Vô Vi của vua Thuận gồm những yếu tố gì. Đó là phải có tri và có hiếu. Có tri để xét đoán sử dụng sở trường của người mà quên đi những sở đoản của họ, giữa những quan điểm cực đoan biết chọn lấy một đường lối thích hợp để phục vụ cho người dân. Và có hiếu nhằm có đức lớn để có thể lãnh đạo được nhân dân.

Vậy rõ ràng, khi nói đến vô vi trên diện các, Thiên sư Pháp Thuận đã muốn đề xuất một mẫu người lý tưởng cho vua Lê Đại Hành trong việc trị vì đất nước, một mẫu người có tri, có đức. Người lãnh đạo phải sở hữu những phẩm

chất tài và đức này thì đất nước mới thái bình thịnh trị, nơi nơi mới chấm dứt chiến tranh. Khi một đất nước đã thế, tất nhiên vận nước sẽ dài lâu, và vận mạng của triều đại cũng nhờ thế mà tồn tại với đất nước. Cho nên, tuy không trả lời trực tiếp cho câu hỏi vận nước ngắn dài của vua Lê Đại Hành, nhưng ý nghĩa của bài thơ thì hết sức hiển nhiên, không cần phải bàn cãi đâu là yếu tố cấu thành nên vận nước.

Khi vua Lê Đại Hành đặt câu hỏi vận nước dài lâu với Thiên sư Pháp Thuận, vua chắc chắn đã biết về khả năng "nói ra lời nào cũng hợp với sáu ngũ" của vị Thiên sư này. Tuy nhiên, đọc bài thơ vạn nước, ta chẳng cần một thiên tài nào về sáu ngũ, cũng có thể nghĩ mà một cách dịch xác và cụ thể nhưng yếu tố gì có thể làm cho vận nước được dài lâu. Đó là sự đoàn kết của toàn dân và phẩm chất tài đức của người lãnh đạo. Không có hai yếu tố này, mà thực sự chỉ có hai mặt của một thể thống nhất là dân tộc, thì vận nước không bao giờ có thể bền vững được. Trong một bài thơ ngắn ngủi, chỉ đúng 20 chữ, Thiên sư Pháp Thuận đã biết có động một cách chính xác cốt lõi của hệ thống tư tưởng chính trị bản thân vào thời đại của ông.

Có người đã từng nói: "Không có tư tưởng cách mạng thì không có vận động cách mạng". Cùng thế, đất nước ta vào những ngày tháng đầu tranh sống mái với kẻ thù để bảo vệ nền độc lập của tổ quốc, nếu không có một hệ thống tư tưởng chính trị chỉ đạo, thì không thể nào có những cuộc vận động chính trị thành công, đặc biệt là cuộc vận động chính trị để bảo vệ chủ quyền đất nước

vào năm 980. Hệ thống tư tưởng chính trị của Thiên sư Pháp Thuận do thể phát nơi là một công hiến quý báu cho lịch sử chính trị và tư tưởng của dân tộc không những vào thời điểm ấy, mà còn vào những thế kỷ sau, thậm chí ngày cả hôm nay.

Đúng thế, đất nước nào có thể tồn tại khi lòng dân ly tán và những người lãnh đạo lại thiếu tài, thiếu đức. Hai tính chất này đối với sự tồn tại của một đất nước, một triều đại, không bao giờ mất tính thời sự của nó. Trong lịch sử dân tộc, gặp những khi một sự việc như thế xảy ra, không biết bao nhiêu xương máu đã đổ ra để tìm cho được manh mối, nguyên do vì sao đất nước bị ngửa nghiêng, dân tình bị khốn khổ. Lời cảnh báo của Thiên sư Pháp Thuận về độ dài ngắn của vận nước, do thế, đã trở thành một lời huyền khải, một tuyên ngôn về tư tưởng dựng nước và giữ nước. Nó đã trở thành nền móng cho công cuộc xây dựng và bảo vệ chính quyền dân tộc.

Vào thế kỷ thứ mười, lịch sử tư tưởng nước ta sau bao nhiêu năm thăng trầm đã hoàn tất được việc xây dựng một lý luận chính quyền với bài thơ Vạn Nước của Thiên sư Pháp Thuận. Chính quyền, hay nói rõ hơn, quyền lực của một nước nhà độc lập, xuất phát từ đâu và làm sao bảo vệ? Thiên sư Pháp Thuận trả lời rất rõ ràng là chính quyền xuất phát từ sự đoàn kết của toàn dân xung quanh những vị lãnh đạo có tài có đức và được bảo vệ bởi chính sự đoàn kết và lãnh đạo tài đức ấy. Về một quan điểm lý luận chính quyền như thế, Thiên sư Pháp Thuận thực sự đã có một đóng góp hoàn toàn mới mẻ đối

với chủ nghĩa địa linh của Thiên sư Định Không và La Quý.

Thiên sư Định Không và La Quý chỉ mới đặt ra yêu cầu làm chủ đất nước, vì đất nước có thể sản sinh ra những anh tài để làm chủ nó. Tuy nhiên, làm chủ bằng cách nào thì Thiên sư Định Không và La Quý chưa đề ra được nhưng giải pháp thích hợp. Đây rõ ràng thời đại của Thiên sư Định Không và La Quý chưa cho phép họ nhìn xa hơn. Họ thấy rất rõ đất Cổ Pháp có thể sinh ra những người làm chủ đất nước. Nhưng những người này làm chủ như thế nào, họ đã không báo cho chúng ta biết. Thiên sư Pháp Thuận kế thừa sự nghiệp của Thiên sư La Quý đã trả lời cho câu hỏi ấy một cách dứt khoát là phải có sự đoàn kết của toàn dân và những người lãnh đạo có tài có đức.

Bài thơ Vạn Nước của Thiên sư Pháp Thuận tuy đơn, nếu kết hợp với bài thơ Thần Nước Nam Sông Núi, có một vị thế hết sức quan trọng không chỉ trong lịch sử văn học mà cả trong lịch sử tư tưởng chính trị và Phật giáo Việt Nam. Nó đã thành công khi đề xuất được hệ thống tư tưởng chính trị hoàn chỉnh để định hướng cho sự phát triển của một hệ thống chính quyền làm chủ đất nước vừa thỏa mãn yêu cầu bảo vệ chủ quyền quốc gia vừa đáp ứng nguyện vọng của người dân. Từ đó, nó giúp ta hiểu rõ hơn ta đã xây dựng chính quyền trên căn bản hệ thống tư tưởng chính trị nào, nhất là khi ta quan niệm lịch sử như một vận động có ý thức của con người.

ó. Chỉ có Tăng Bảo là có thể bị hoen ó. Sự chia rẽ giữa các cấp lãnh đạo của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất sau Pháp Nạn 1963 khiến Phật Giáo suy yếu mà hệ quả của nó còn kéo dài cho tới ngày nay - sau 48 năm - gần nửa thế kỷ - là bài học rất đáng cho Phật Giáo Việt Nam noi chung. Chúng ta nên nhớ rằng Phật và Pháp không bao giờ pha hòa hiệp tăng, chỉ có Tăng là có khả năng pha hòa hiệp tăng mà thôi. Do đó sinh mệnh của Phật Giáo Việt Nam nằm trong tay tăng ni chứ không ai khác và cũng không một ai có khả năng thay thế việc này dù hàng cư sĩ và Phật tử có nỗ lực như thế nào đi nữa. Bớt một khi "Tăng Già" đã phân liệt, tan rã thì lấy chỗ đâu để hàng cư sĩ và Phật tử hộ pháp? Có lẽ lúc đó chỉ còn cách ôm mặt khóc ròng?

Nói về tầm mức quan trọng của hòa hiệp tăng, Đức Phật đã dạy như sau: "Này thiện nam tử! Nếu Phật ra đời chúng đặng vô thượng bồ đề, dầu có hàng đệ tử hữu nghĩa đại thừa rất sâu, cũng có hàng bạch y đàn việt (3) hết lòng kính tin tôn trọng Phật pháp, mà các đệ tử sanh nhiều tranh tụng hơn thua phải quấy lẫn nhau, Phật lại nhập niết bàn, thời chánh pháp chẳng ở lâu nơi đời. Trái lại các đệ tử thật hành pháp hòa kính, chẳng hơn thua phải

trái, tôn trọng lẫn nhau,
đầu Phật nhập niết bàn
nhưng chánh pháp vẫn ở
lâu chẳng diệt." (4)

Một thực tế không thể phủ nhận là Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại đang thực sự lớn mạnh và đóng góp công sức lớn lao cho nhu cầu phục vụ tâm linh và giữ gìn bản sắc dân tộc cho khối Phật tử người Việt hải ngoại. Thế nhưng Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại đóng góp như thế nào cho ngôi nhà Phật Giáo Việt Nam nói chung, tức sinh mệnh của Phật Giáo - lại là một vấn đề vô cùng phức tạp. Nhưng câu hỏi đặt ra là: vì "vô cùng phức tạp" cho nên chúng ta chịu bỏ tay sao? Chúng ta đã từng nghe các bài pháp, nhờ những bài pháp này một số thấy đã cứu vãn sự đổ vỡ của nhiều cuộc hôn nhân, nhiều gia đình. Quý thầy chưa "bệnh đổ vỡ" cho người thì được, nhưng tại sao quý thầy không thể chữa bệnh cho chính mình? Thật phi lý khi một bậc sư chưa bệnh cho người thì được, còn chưa bệnh cho chính mình lại không được! Sự ngăn ngại là do "cảnh" (yếu tố ngoại lai) hay do chính tâm ta? Theo Lục Tổ Huệ Năng thì chẳng có "kỳ động" hay "phong động" mà chính tâm ta động. Để đóng góp vào dòng sinh mệnh của Phật Giáo Việt Nam, tất cả chúng ta, ngoài sự nỗ lực hy sinh cho đạo pháp không

ngưng nghỉ, cung cần
theo lời dạy của Hương
Hải Thiên Sư:
Ngủ nhàn trừ cảnh bất trư
tâm

Làm sao chúng ta có thể trừ được "cánh" đang trung trung điệp điệp diên tung sát-na? Mà "cánh" thì nghìn đời lúc nào cũng giống nhau, vốn sinh ra bởi gốc rễ Tham-Sân-Si. Vua trừ được "cánh" này thì "cánh" khác lại hiện ra, bởi vì "Ngưu đầu một mà đầu hói" (Đầu trâu vừa vào thì đầu ngựa lại ra, giống như một sản khẩu vậy) (5)

Cho nên kẻ "ngu phu"
mới lằng xằng tìm cách
"trừ cánh" mà không chịu
trừ ngay cái "tâm động"
từ cái tâm mê muội, tâm
vọng chấp của mình.
Và đọc lại bài kệ tụng
cung của Ngài Hương Hải
Thiền Sư:
Phản vấn tự kỷ mỗi thường
quan.
Thẩm sát tư duy từ tế
khan.
Mạc giáo mộng trung tâm
tri thức
Tuông lai diện thượng đồ
sư nhân.

Dịch nghĩa:
Mỗi ngày nên xem xét lại
mình.
Suy nghĩ cho kỹ
Đừng tìm tri thức (đạo)
trong mơ mộng.
Se thấy ông thầy hiện ra
trên đầu mình.

Và nghệ nhân ngấm lại sự huyền diệu của Lý Sư Vò

Ngài Pháp Giốc trong thế giới trung trung duyên khởi của Hoa Nghiêm. Tất cả chỉ là Một nhưng hiện ra muôn ngàn hình tướng, hợp tan, tan hợp, nhận lấy, bỏ đi, có đo rồi mất đo, yếu đo rồi ghét đo, tồn sung đo rồi mất sát đo, trong tung sát-na. Tất cả tướng chung như thật nhưng không có gì thật cả. Chỉ có cái Chân Không, hay Chân Tam, hay Phật Tính là hằng hữu. Hạ thấp xuống một tầng theo tư tưởng nhập thế thì mọi "danh hiệu, danh xưng" đều là sắc tướng - đều là pháp hữu vi - đều tạm bợ - chỉ có "Phật Giáo Việt Nam" là miền vi vi Phật Giáo Việt Nam gắn liền với tâm linh, lịch sử, bản sắc và vận mệnh dân tộc.

Câu hỏi đặt ra ở đây là tăng ni, Phật tử, cư sĩ ở hải ngoại phải làm gì để tiếp thêm sinh lực cho dòng sinh mệnh Phật Giáo Việt Nam? Muốn biết phải làm gì, chúng ta hãy theo dõi nhưng tin tức nóng bỏng về những chuyển động tôn giáo trên toàn thế giới. Do chiếu hưởng suy thoái của các tôn giáo cổ truyền ở Âu Châu (6) kể cả Bắc Mỹ, Úc Châu... để tìm một sinh lộ, hiện nay một số tôn giáo đang có những kế hoạch và âm mưu cải đạo tín đồ Phật Giáo Á Châu một cách khốc liệt. Trong cuộc phỏng vấn của báo Le Point (Pháp) Đức Đạt Lai Lạt Ma đã lên án những âm mưu này và

có đời như "Là một hình thức chiến tranh chống lại các dân tộc khác và các nền văn hóa khác". (7) Trong con mắt "chiến tranh tôn giáo" nơi thì độ, nơi thì ngầm ngầm "đó, nếu Phật Giáo suy tàn trên quê hương mình thì tăng ni, Phật tử, cư sĩ ở hải ngoại này có sống cùng như chết

ĐÀO VĂN BÌNH

- (1) Từ Điển này đã đưa lên website Quảng Đức
- (2) Sách tặng không bán. Quý vị có thể hỏi sách tại:
Tu Viện Pháp Vương 715 Vistar Ave. Escondido, CA 92026 ĐT: (760) 739-8063
- (3) Phật tử, thí chủ
- (4) Kinh Đại Bát Niết Bàn, bản dịch của HT. Thích Trí Tịnh
- (5) Kệ tụng của Thiền Sư Tuyết Đậu
- (6) Nước Pháp được coi như "Trương tử của Giáo Hội", theo tác giả của Wikipedia, thống kê Tháng Giêng 2007 cho biết chỉ còn 51% người Pháp nhận mình là Cơ-tô Giáo. Lẽ mà trong đó chỉ còn phần nước vào Thượng Đế, 31% là Vô Thần, 9% là Hồi Giáo, 3% là Cơ-tô Giáo Lý Khác (Protestant) và 1% là Do Thái Giáo. A January 2007 poll found that 51% of the French population describe themselves as Catholics (and only half of those said they believed in God), 31% as atheists, 9% as Muslims, 3% as Protestants and 1% as Jews. [3]
- (7) Nguồn tin: <http://www.phat-tu-vietnam.net/5/67/12874.html>
Cước chủ: Quý vị muốn đọc thêm các bài viết khác của chúng tôi xin viếng weblog: <http://www.dhammadownload.com>



Fig. 1. LAND MAP

TRẦN VĂN LÊ

Tháng Giêng

Hôm nay trời đẹp. Tháng Giêng ơi
Gọi tháng Giêng... như gọi một người
Người giống như là năm tháng nhi
Tôi nhìn đâu cũng thấy Niềm Vui!

Nhiều người được đặt cái tên xinh
(Cha Mẹ mong con sống có Tình?)
Con gì đẹp trên đời hơn thế?
Người yêu người, em yêu quý anh!

Hôm nay trời đẹp, ngoảnh nhìn sông
Nhớ Huế vô cùng, nhớ mặt sông...
Đẹp lắm con sông qua phố Huế
Mượt mà như thế bao đời nhưng...

Em áo dài nhưng ở tuổi nào?
Hỏi em...tôi hỏi đóa hoa đào
Đào hoa 7 cựa, người xưa, biết!
Nàng thàng Giêng này nắng hồng chao...

Nắng tháng Giêng chao, gió nhẹ đưa
Trên sông Hương nhớ... một thuyền hoa
Trời ơi người đi trong hoa đi
Gió nhẹ sao thuyền trôi rất xa?

Và...tháng Giêng và tết xuân trung
 Nào ai ai có nhớ ai không?
 Vườn cau Nam Phố trời xanh mượt
 Có giọt sương mù nắng thắp trong...

Anh nhớ em anh nhớ quạ mả
 Em về đừng để thang Giàng quạ...
 Tôi ngồi nhặt nắng cảm lên nuốt
 Ai thấy không chung...cung xot xa?Cung
 nguyện cho chưa khỏi tai tề
 Chuông vắng nơi nao nhớ lạ lung
 Ra đi ai chẳng nhớ chùa chung
 Mãi chưa che chở hồn dân tộc
 Nếp sống muôn đời của tổ tông



UYEN PHUONG and **BERKLEE** jazz band's Concert

It's official now, please mark your calendar! . You are cordially invited to join me and BERKLEE JAZZ BAND from Boston, MA at Lac Cam Lounge in OC on **Friday, February 28, 8.30pm**. Guest singers are VAN QUYNH, JENNY SWOISH and VU with special appearance of cellist **LASZLO MEZO**. This show promises lots of new songs with new arranging. Please come to enjoy a night of jazz, funk and contemporary music with us.

Tickets will be on pre-sale only: \$50 VIP and \$40 regular (max seating capacity 110 only)

Hope to see you all there on February 28th!



VAN QUYNH



VU



JENNY

LAC CAM 15041 MORAN STREET #103, WESTMINSTER, CALIFORNIA 92683 **(714) 891-8885**